

Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan)

Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò năm 2019 (Danh Sách Thuốc)

XIN VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CÓ NHỮNG THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG
TÔI ĐÃ THỎ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

Danh sách thuốc này được cập nhật vào 11/19/2019. Để biết thêm những thông tin mới nhất hoặc quý vị có những thắc mắc khác, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi ở số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. Để biết thêm chi tiết, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) | *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò* năm 2019 (Danh Sách Thuốc)

Giới Thiệu

Tài liệu này còn được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò* (còn được biết đến là Danh Sách Thuốc). Danh sách cho quý vị biết những thuốc kê toa và thuốc không cần toa và những vật dụng nào được OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) đãi thò. Danh Sách Thuốc cũng cho quý vị biết nếu có bất cứ những quy định hay giới hạn nào về bất cứ những loại thuốc nào được OneCare Connect đãi thò. Những định nghĩa và từ ngữ quan trọng có ở chương cuối của *Cẩm Nang Thành Viên*.

Mục Lục

A. Minh Định	4
B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)	6
B1. Những thuốc theo toa nào nằm trong <i>Danh Sách Thuốc được Đãi Thò</i> ? (Chúng tôi gọi tắt <i>Danh Sách Thuốc được Đãi Thò</i> là “Danh Sách Thuốc”).	6
B2. Danh Sách Thuốc có bao giờ thay đổi không?	6
B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với Danh Sách Thuốc?	7
B4. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những giới hạn hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?	9
B5. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những giới hạn hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?	9
B6. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi thay đổi quy định về sự đãi thò cho một số thuốc (ví dụ, sự cho phép trước (chấp thuận trước), việc hạn chế số lượng, và/hoặc giới hạn trị liệu từng bước)?	10
B7. Làm thế nào để tìm một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc?	10
B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn sử dụng không có trong Danh Sách Thuốc?	10
B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của OneCare Connect và không thể tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc hoặc có khó khăn trong việc nhận được thuốc?	11
B10. Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ để thuốc của quý vị được đãi thò không?	12

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?.....	12
B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?.....	13
B13. Thuốc tương đương là gì?	13
B14. Thuốc không cần toa là gì?	13
B15. OneCare Connect có đài thọ các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa không?	13
B16. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?	14
C. Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ	15
D. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Y Tế	16
Mục Lục Các Thuốc Được Đài Thọ.....	I-1

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

A. Minh Định

Đây là danh sách những thuốc mà thành viên có thể nhận qua OneCare Connect.

- ❖ OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) là một chương trình y tế có hợp đồng với Medicare và Medi-Cal để cung cấp phúc lợi của cả hai chương trình cho các tham dự viên.
- ❖ Quý vị có thể luôn kiểm tra Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ cập nhật trên trang mạng của OneCare Connect tại www.caloptima.org/onecareconnect hoặc gọi số **1-855-705-8823**.
- ❖ OneCare Connect tuân thủ luật dân quyền hiện hành của Liên bang và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, độ tuổi, khuyết tật, hoặc giới tính.
- ❖ Quý vị có thể lấy tài liệu này miễn phí theo các hình thức khác, như bản in chữ lớn, chữ nổi braille, và/hoặc đĩa thu thanh. Xin gọi cho Dịch Vụ Thành Viên OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ trong ngày, 7 ngày trong tuần. Người dùng TDD/TTY có thể gọi **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ Quý vị cũng có thể yêu cầu để luôn nhận các tài liệu bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Đông, tiếng Ả Rập hoặc tiếng Trung Quốc. Xin gọi **1-855-705-8823**, 24 giờ trong ngày, 7 ngày trong tuần. Người dùng TDD/TTY có thể gọi đường dây miễn phí tại **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ ATTENTION: If you speak a language other than English, language assistance services, free of charge, are available to you. Call OneCare Connect *Customer Service* at **1-855-705-8823**, 24 hours a day, 7 days a week. TDD/TTY users can call **1-800-735-2929**. The call is free.
- ❖ ATENCIÓN: Si habla un idioma distinto al inglés, tiene a su disposición servicios gratuitos de asistencia lingüística. Llame al Departamento de Servicios para Miembros de OneCare Connect al **1-855-705-8823**, las 24 horas al día, los 7 días de la semana. Usuarios de la línea TDD/TTY pueden llamar al **1-800-735-2929**. La llamada es gratuita.
- ❖ CHÚ Ý: Nếu quý vị không nói được tiếng Anh, có các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí dành cho quý vị. Xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.

❖ توجه: اگر به زبانی غیر از زبان انگلیسی صحبت میکنید، تسهیلات زبانی بصورت رایگان برای شما فراهم می باشد. لطفاً با خدمات مشتریان OneCare Connect به شماره **1-855-705-8823** طی 7 روز هفته و در 24 ساعت شبانه روز تماس بگیرید. کاربران TDD/TTY میتوانند با شماره **1-800-735-2929** تماس بگیرند. این تماس رایگان است.

- ❖ 참고: 만약 영어가 아닌 다른 언어를 사용하신다면, 무료로 언어 도움 서비스를 받을 수 있습니다. OneCare Connect 고객센터 번호 **1-855-705-8823** 으로 주7일 24시간 전화하십시오. TDD/TTY 사용자는 번호 **1-800-735-2929** 로 전화하십시오. 통화는 무료입니다.

❖ ملاحظة: إذا كنت تتحدث لغة غير الإنجليزية، فإن خدمات المساعدة اللغوية تتوفر لك بالمجان. اتصل مع خدمة عملاء OneCare Connect على الرقم **1-855-705-8823**، على مدار 24 ساعة في اليوم و 7 أيام في الأسبوع. يمكن لمستخدمي TDD/TTY الاتصال على **1-800-735-2929**. المكالمات مجانية.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

- ❖ 注意: 如果您講除英語以外的其它語言, 您可以免費或的語言協助服務。請致電 OneCare Connect 計劃客戶服務部門專線 **1-855-705-8823**, 服務時間為每週7天, 每天24小時, TDD/TTY 用戶可以致電 **1-800-735-2929**。此電話為免費。

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Xin hãy tìm câu trả lời tại đây cho những câu hỏi quý vị có về *Danh Sách Thuốc được Đãi Thọ* này. Quý vị có thể đọc tất cả Những Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm, hoặc tìm kiếm một câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những thuốc theo toa nào nằm trong *Danh Sách Thuốc được Đãi Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc được Đãi Thọ* là “*Danh Sách Thuốc*”).

Những loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* là những loại thuốc được OneCare Connect đãi thọ. Những thuốc này có sẵn tại các nhà thuốc trong hệ thống của chúng tôi. Một nhà thuốc nằm trong hệ thống khi họ có hợp đồng làm việc với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là “nhà thuốc trong hệ thống.”

- OneCare Connect sẽ đãi thọ tất cả thuốc cần thiết về mặt y khoa trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
 - o bác sĩ của quý vị hoặc những nhà cho toa thuốc khác cho biết là quý vị cần đến chúng để khỏi bệnh hoặc để duy trì sức khỏe, **và**
 - o Quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc trong hệ thống của OneCare Connect.
- Trong một vài trường hợp, quý vị sẽ phải làm một số việc trước khi nhận được thuốc (xem câu hỏi số B4 dưới đây).

Quý vị cũng có thể xem danh sách thuốc mới nhất chúng tôi đãi thọ trên trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/onecareconnect hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**.

B2. *Danh Sách Thuốc* có bao giờ thay đổi không?

Có. Trong năm, OneCare Connect có thể thêm vào hoặc lấy ra những thuốc trong *Danh Sách Thuốc*.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy định về thuốc của chúng tôi. Ví dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định để yêu cầu hoặc không yêu cầu một sự chấp thuận trước cho một loại thuốc. (Sự chấp thuận trước là một sự cho phép từ OneCare Connect trước khi quý vị có thể lấy thuốc.)
- Thêm vào hoặc thay đổi số lượng thuốc quý vị có thể lấy (được gọi là giới hạn số lượng).
- Thêm vào hoặc thay đổi hạn chế trị liệu từng bước cho một loại thuốc. (Trị liệu từng bước nghĩa là quý vị phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đãi thọ một loại thuốc khác.)

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

Để biết thêm chi tiết về những quy định về thuốc này, xin xem câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc được đài thọ **bắt đầu từ đầu năm**, chúng tôi sẽ không lấy ra hoặc thay đổi sự đài thọ của loại thuốc đó **cho đến hết năm** trừ khi:

- một loại thuốc mới, rẻ hơn cũng có hiệu quả như loại thuốc hiện có trong Danh Sách Thuốc, **hoặc**
- chúng tôi được biết rằng một loại thuốc không an toàn, **hoặc**
- một loại thuốc đã bị lấy ra khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 dưới đây có thêm những thông tin về điều gì sẽ xảy ra khi Danh Sách Thuốc thay đổi.

- Quý vị có thể luôn kiểm tra Danh Sách Thuốc mới nhất của OneCare Connect trên trang mạng tại **www.caloptima.org/onecareconnect**.
- Quý vị cũng có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** để kiểm tra Danh Sách Thuốc hiện nay.

B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với Danh Sách Thuốc?

Một số sự thay đổi đối với Danh Sách Thuốc sẽ xảy ra **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Có một loại thuốc tương đương mới.** Đôi khi, một loại thuốc mới, rẻ hơn cũng có hiệu quả như loại thuốc hiện có trong Danh Sách Thuốc. Khi điều này xảy ra, chúng tôi có thể loại bỏ thuốc hiện nay, nhưng phí tổn của quý vị cho loại thuốc mới sẽ vẫn như cũ hoặc sẽ thấp hơn. Khi chúng tôi thêm vào một loại thuốc tương đương mới, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ lại loại thuốc hiện tại trong danh sách nhưng thay đổi quy định hoặc hạn chế đài thọ của loại thuốc đó.
 - o Chúng tôi có thể không cho quý vị biết trước khi chúng tôi thực hiện sự thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về sự thay đổi cụ thể hoặc những thay đổi chúng tôi đã thực hiện.
 - o Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một lá thư thông báo với những bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu một sự ngoại lệ. Xin vui lòng xem câu hỏi B10 để biết thêm thông tin về những ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

- **Một loại thuốc bị lấy ra khỏi thị trường.** Nếu Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration- FDA) cho biết là loại thuốc quý vị đang dùng không an toàn hoặc nhà sản xuất thuốc lấy loại thuốc đó ra khỏi thị trường, chúng tôi sẽ lấy thuốc đó ra khỏi Danh Sách Thuốc. Nếu quý vị đang dùng loại thuốc này, chúng tôi sẽ cho quý vị biết. Chúng tôi cũng sẽ cho bác sĩ của quý vị hoặc các nhà kê toa khác biết về sự thay đổi này.
 - o Quý vị có thể làm việc với bác sĩ của quý vị hoặc nhà kê toa khác để tìm loại thuốc khác có hiệu quả cho tình trạng của quý vị. Xin vui lòng liên lạc bác sĩ của quý vị hoặc nhà kê toa khác nếu quý vị cần giúp đỡ tìm một loại thuốc khác.
 - o Quý vị cũng có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** để được giúp đỡ.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác có thể ảnh hưởng đến thuốc quý vị đang dùng. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước về những sự thay đổi khác trong Danh Sách Thuốc. Những thay đổi này có thể có xảy ra nếu:

- Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) cung cấp những hướng dẫn mới hoặc có những hướng dẫn y tế mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi thêm vào một loại thuốc tương đương không phải là mới trên thị trường và
 - o Thay thế một loại thuốc chính hiệu hiện có trong Danh Sách Thuốc **hoặc**
 - o Thay đổi các quy định hoặc giới hạn dài thọ cho một loại thuốc tương đương.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ cho quý vị biết ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện sự thay đổi nào trong Danh Sách Thuốc hoặc khi quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc. Điều này sẽ cho quý vị thêm thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc nhà kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc nhà kê toa khác của quý vị có thể giúp quý vị quyết định nếu có một loại thuốc tương tự trong Danh Sách Thuốc quý vị có thể dùng thay thế hoặc nếu quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ. Khi đó quý vị có thể:

- Nhận số lượng thuốc 30 ngày trước khi thực hiện sự thay đổi trong Danh Sách Thuốc, hoặc
- Yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này. Xin vui lòng xem câu hỏi B10 để biết thêm chi tiết về những ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B4. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những giới hạn hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?

Có, một số thuốc có những quy định về đòi hỏi hoặc có giới hạn về số lượng quý vị được nhận. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị, hoặc người viết toa phải làm một số việc trước khi quý vị nhận được thuốc này. Ví dụ:

- **Chấp thuận trước (hoặc cho phép trước):** Đối với một số thuốc, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc khác phải có được sự chấp thuận của OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc. Nếu quý vị không được chấp thuận, OneCare Connect có thể sẽ không đòi hỏi thuốc này.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi, OneCare Connect giới hạn số lượng thuốc quý vị được nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi, OneCare Connect yêu cầu quý vị phải trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị phải dùng thử thuốc theo một thứ tự nào đó cho bệnh trạng của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đòi hỏi một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ của quý vị nghĩ rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng cho quý vị, lúc đó chúng tôi sẽ đòi hỏi thuốc thứ nhì.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của quý vị có bất cứ đòi hỏi nào thêm hoặc bất cứ hạn chế nào không bằng cách xem những bảng tra cứu ở trang 16. Quý vị cũng có thể lấy thêm thông tin bằng cách vào trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/onecareconnect. Chúng tôi có đăng trên mạng các tài liệu để giải thích các giới hạn về việc xin phép trước và trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao về tài liệu này.

Quý vị có thể yêu cầu một “sự ngoại lệ” cho những hạn chế này. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ. Xin xem câu hỏi B10 đến B12 để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

B5. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những giới hạn hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?

Danh Sách Thuốc Được Đòi Hỏi ở trang 15 có một cột gọi là “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn sử dụng.”

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B6. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi thay đổi quy định về sự đài thọ cho một số thuốc (ví dụ, sự cho phép trước (chấp thuận trước), việc hạn chế số lượng, và/hoặc giới hạn trị liệu từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước nếu chúng tôi thêm vào hoặc thay đổi sự cho phép trước, giới hạn số lượng, và/hoặc trị liệu từng bước đối với một loại thuốc. Xin xem câu hỏi B3 để biết thêm chi tiết về các thông báo trước này và các trường hợp chúng tôi không thể thông báo trước cho quý vị khi các quy định của chúng tôi về Danh Sách Thuốc thay đổi.

B7. Làm thế nào để tìm một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc?

Có hai cách để tìm một loại thuốc:

- Quý vị có thể tìm theo thứ tự chữ cái (nếu quý vị đánh vần được tên thuốc), **hoặc**
- Quý vị có thể tìm theo bệnh trạng.

Để tìm **theo thứ tự chữ cái**, hãy đến phần Mục Lục Thuốc Được Đài Thọ. Quý vị có thể tìm thấy phần này bắt đầu từ trang I-1. Phần Mục Lục cung cấp một danh sách theo thứ tự chữ cái tất cả những loại thuốc được bao gồm trong tài liệu này. Cả hai loại thuốc chính hiệu (brand name) và thuốc tương đương (generic name) đều được liệt kê trong phần Mục Lục. Xem trong phần Mục Lục để tìm thuốc của quý vị. Bên cạnh thuốc của quý vị, quý vị sẽ thấy số trang, nơi quý vị có thể tìm thấy thông tin đài thọ. Xin lật đến trang được liệt kê trong phần Mục Lục và tìm tên thuốc của quý vị trong cột đầu tiên của danh sách.

Để tìm **theo bệnh trạng**, tìm phần có tựa đề “Danh sách thuốc theo bệnh trạng” ở trang 16. Các thuốc trong phần này được xếp nhóm thành những mục dựa vào loại tình trạng y tế mà thuốc được dùng để chữa trị. Ví dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn sử dụng không có trong Danh Sách Thuốc?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** và hỏi về việc này. Nếu quý vị tìm ra rằng OneCare Connect sẽ không đài thọ thuốc đó, quý vị có thể làm một trong những điều sau:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch Vụ cung cấp cho quý vị một danh sách các loại thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc. Họ có thể kê toa loại thuốc có trong Danh Sách Thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ để đài thọ loại thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi B10-B12 để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của OneCare Connect và không thể tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc hoặc có khó khăn trong việc nhận được thuốc?

Chúng tôi có thể giúp. Chúng tôi có thể đài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày trong thời gian 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên của OneCare Connect. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ.

Nếu toa thuốc của quý vị được viết cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép lấy thuốc nhiều lần để cung cấp tối đa số lượng thuốc cho 30 ngày.

Chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc cho 30 ngày nếu:

- quý vị đang sử dụng một loại thuốc không nằm trong Danh Sách Thuốc của chúng tôi, **hoặc**
- các quy định của chương trình y tế không cho quý vị nhận được số lượng thuốc nhà cho toa thuốc của quý vị yêu cầu, **hoặc**
- thuốc đòi hỏi phải có sự chấp thuận trước của OneCare Connect, **hoặc**
- quý vị đang sử dụng một loại thuốc có giới hạn trị liệu từng bước.

Nếu quý vị sống trong một viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn và cần một loại thuốc không có trong Danh Sách Thuốc hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng lấy loại thuốc quý vị cần, chúng tôi có thể giúp. Nếu quý vị đã ở trong chương trình hơn 90 ngày, sống trong cơ sở chăm sóc dài hạn, và cần thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ đài thọ một lần số lượng thuốc 31 ngày cho loại thuốc quý vị cần (trừ khi quý vị có toa thuốc cho ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là thành viên mới của OneCare Connect hay không.
- Điều này ngoài việc số lượng thuốc tạm thời trong thời gian 90 ngày đầu tiên khi quý vị là thành viên của OneCare Connect.

Nếu quý vị chuyển từ một hình thức điều trị này sang một hình thức điều trị khác, điều này gọi là Thay Đổi Về Mức Độ Chăm Sóc. Ví dụ như:

- Khi chuyển từ một bệnh viện chăm sóc cấp tính sang một cơ sở chăm sóc dài hạn;
- Xuất viện về nhà;
- Không nằm trong nhà điều dưỡng chuyên môn được đài thọ bởi Phần A và đổi trở lại với đài thọ Phần D;

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

- Từ bỏ tình trạng chăm sóc cho người bệnh ở giai đoạn cuối để trở lại với các phúc lợi Phần A và Phần B căn bản;
- Không nằm trong cơ sở chăm sóc dài hạn nữa và trở về với cộng đồng; và
- Xuất viện từ một bệnh viện tâm thần.

Nếu quý vị có sự Thay Đổi về Mức Độ Chăm Sóc, với mỗi loại thuốc không nằm trong danh sách của chúng tôi, hoặc nếu khả năng nhận các loại thuốc của quý vị có giới hạn, chúng tôi sẽ đòi hỏi một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày khi quý vị sử dụng một nhà thuốc trong hệ thống. Sau khi đã cung cấp thuốc cho 30 ngày đầu tiên, chúng tôi sẽ không trả tiền cho các loại thuốc này nữa. Trong trường hợp này, quý vị có hai lựa chọn:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch Vụ cung cấp một danh sách các loại thuốc như quý vị muốn. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người viết toa để họ có thể viết loại thuốc quý vị muốn theo như trong Danh Sách Thuốc. **hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ. Xin xem câu hỏi B10 để biết thêm chi tiết cho sự ngoại lệ này.

B10. Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ để thuốc của quý vị được đòi hỏi không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu OneCare Connect cho một sự ngoại lệ để đòi hỏi một loại thuốc không có trong Danh Sách Thuốc.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định về thuốc của quý vị.

- Ví dụ, OneCare Connect có thể giới hạn số lượng của một loại thuốc chúng tôi sẽ đòi hỏi. Nếu thuốc của quý vị bị giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi mức giới hạn và đòi hỏi nhiều hơn.
- Các ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ những giới hạn về trị liệu từng bước hoặc những yêu cầu về việc chấp thuận trước.

B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?

Để yêu cầu một sự ngoại lệ, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ. Văn Phòng Dịch Vụ sẽ làm việc với quý vị và nhà cung cấp dịch vụ để giúp quý vị yêu cầu một sự ngoại lệ. Quý vị cũng có thể xem Chương 9 của *Cẩm Nang Thành Viên* để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?

Trước hết, chúng tôi phải nhận được một văn bản của nhà cho toa thuốc ủng hộ yêu cầu về sự ngoại lệ của quý vị. Sau khi nhận được văn bản, chúng tôi sẽ có quyết định về yêu cầu ngoại lệ của quý vị trong vòng 72 tiếng.

Nếu quý vị hoặc nhà cho toa thuốc của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu phải chờ quyết định trong 72 tiếng, quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ khẩn cấp. Thủ tục quyết định này sẽ nhanh hơn. Nếu nhà cho toa thuốc ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ quyết định trong vòng 24 tiếng sau khi nhận được văn bản hỗ trợ của nhà cho toa thuốc của quý vị.

B13. Thuốc tương đương là gì?

Thuốc tương đương được chế tạo từ các thành phần giống như thuốc chính hiệu. Thuốc tương đương thường rẻ hơn so với thuốc chính hiệu và tên của thuốc tương đương thường ít được biết đến. Thuốc tương đương được sự chấp thuận của Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration- FDA).

OneCare Connect đài thọ cả hai loại thuốc tương đương và chính hiệu.

B14. Thuốc không cần toa là gì?

Thuốc Không Cần Toa (viết tắt là OTC, viết đầy đủ là over-the-counter). OneCare Connect đài thọ một số Thuốc Không Cần Toa khi các loại thuốc này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các loại Thuốc Không Cần Toa nào được đài thọ.

B15. OneCare Connect có đài thọ các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa không?

OneCare Connect đài thọ một số sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa khi các sản phẩm này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Các ví dụ về các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa bao gồm miếng thử đường huyết, kim châm, và thiết bị trợ giúp ống hít.

Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa nào được đài thọ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

B16. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?

Quý vị có thể đọc Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết thêm về tiền phụ phí cho mỗi loại thuốc. Thành viên OneCare Connect đang sống trong viện dưỡng lão hoặc trong cơ sở chăm sóc dài hạn không phải trả tiền phụ phí. Một số thành viên được nhận sự chăm sóc dài hạn trong cộng đồng cũng không phải trả tiền phụ phí.

Tiền phụ phí được liệt kê theo bậc thuốc. Bậc thuốc là nhóm các loại thuốc có cùng một số tiền phụ phí.

- Các thuốc Bậc 1 là những loại thuốc tương đương. Tiền phụ phí là \$0.
- Các thuốc Bậc 2 là những loại thuốc chính hiệu. Tiền phụ phí sẽ từ \$0, \$3.80, hoặc \$8.50, tùy thuộc vào mức Giúp Đỡ Thêm. Quý vị có thể xem Chương 6 của *Cẩm Nang Thành Viên* để biết thêm về phần chia sẻ phí tổn của quý vị.
- Thuốc Bậc 3 là những loại thuốc không thuộc Medicare mà được Medi-Cal đài thọ. Tiền phụ phí sẽ là \$0.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

C. Danh Sách Thuốc Được Đãi Thọ

Danh sách thuốc được đãi thọ dưới đây cho quý vị biết thông tin về những thuốc được OneCare Connect đãi thọ. Nếu vị không tìm thấy thuốc quý vị cần trong danh sách thuốc này, xin vào Mục Lục Các Thuốc Được Đãi Thọ được bắt đầu từ trang I-1. Phần Mục Lục liệt kê theo thứ tự chữ cái có tất cả các thuốc OneCare Connect đãi thọ.

Cột đầu tiên của danh sách liệt kê tên của thuốc. Tên thuốc chính hiệu được viết bằng chữ hoa (ví dụ như DEPAKOTE) và tên thuốc tương đương được viết bằng chữ thường và nghiêng (ví dụ như *amoxicillin*).

Các thông tin trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng” cho quý vị biết là OneCare Connect có bất cứ quy định đãi thọ nào cho thuốc của quý vị.

Xin lưu ý: Dấu hoa thị (*) kế bên một loại thuốc cho biết loại thuốc này không phải là “thuốc Phần D”. Quý vị không phải trả tiền phụ phí cho các loại thuốc này. Các loại thuốc này cũng có các quy luật khiếu nại khác.

- Khiếu nại là một hành động chính thức để yêu cầu chúng tôi duyệt xét lại quyết định của chúng tôi về sự đãi thọ cho quý vị và để thay đổi quyết định này nếu quý vị nghĩ rằng chúng tôi đã sai sót. Ví dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc quý vị muốn sử dụng không được đãi thọ hoặc không còn được đãi thọ bởi Medicare hoặc Medi-Cal.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể khiếu nại. Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**. Quý vị cũng có thể đọc *Cẩm Nang Thành Viên* để biết cách khiếu nại một quyết định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

D. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Y Tế

Các thuốc trong phần này được xếp nhóm thành những mục dựa vào loại tình trạng y tế thuốc được dùng để chữa trị. Ví dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Bảng sau đây là ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng”:

Chữ Viết Tắt	Sự Giải Thích
LA	Thuốc theo toa này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc nhất định. Để biết thêm chi tiết, xin tham khảo Danh Sách Các Nhà Thuốc hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số 1-855-705-8823 , 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY nên gọi số 1-800-735-2929 .
PA	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc theo toa. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA BvD	Loại thuốc này có thể đủ tiêu chuẩn được chi trả bởi Medicare Phần B hoặc Phần D. Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect để xác định rằng loại thuốc này được đài thọ bởi Medicare Phần D trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA-HRM	Loại thuốc này được đánh giá bởi Trung Tâm Các Dịch Vụ của Medicare và Medicaid (CMS) về khả năng gây hại và do đó, Thuốc Có Nguy Cơ Cao cho người thụ hưởng Medicare 65 tuổi trở lên. Các thành viên 65 tuổi trở lên được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA NSO	Nếu quý vị là thành viên mới hoặc nếu trước đây quý vị chưa lấy loại thuốc này, quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
QL	OneCare Connect giới hạn số lượng của loại thuốc được đài thọ theo từng toa thuốc, hoặc trong khoảng thời gian quy định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

Chữ Viết Tắt	Sự Giải Thích
ST	Trước khi OneCare Connect cung cấp sự đài thọ cho loại thuốc này, quý vị phải sử dụng thử một loại thuốc khác để điều trị trường hợp bệnh của quý vị. Loại thuốc này chỉ được đài thọ khi (những) loại thuốc khác không có tác dụng đối với quý vị.
*	Thuốc này không phải là một Thuốc Phần D, hoặc một thuốc hoặc sản phẩm thuốc không cần toa.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acetaminophen-codeine (#2 tablet, #3 tablet, #4 tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine (acetamin-codein 300-30 mg/12.5, acetaminop-codeine 120-12 mg/5)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (5000 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
ENDOCET (5-325 TABLET, 7.5-325 MG TABLET, 10-325 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fentanyl 12 mcg/hr patch</i>	\$0 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen (hydrocodon-acetaminoph 7.5-325, hydrocodon-acetaminophen 5-325, hydrocodon-acetaminophn 10-325, hydrocodone-acetamin 5-325 mg, hydrocodone-acetamin 7.5-325, hydrocodone-acetamin 10-325 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5-200</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ibuprofen 200 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen (oxycodon-acetaminophen 7.5-325, oxycodone-acetaminophen 5-325, oxycodone-acetaminophen 10-325)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-aspirin 4.8355-325</i>	\$0 (Tier 1)	QL (360 per 30 days)
<i>celecoxib (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>celecoxib 400 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac epolamine 1.3% ptch</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac pot 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diclofenac sod er 100 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium (sod dr 25 mg tab, sod dr 50 mg tab, sod dr 75 mg tab, sod ec 25 mg tab, sod ec 50 mg tab, sod ec 75 mg tab, sodium 1% gel)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium 3% gel</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>etodolac (200 mg capsule, 300 mg capsule, 400 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
FLECTOR 1.3% PATCH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IBU (400 MG TABLET, 600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
<i>ibuprofen (100 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 600 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>indomethacin (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meloxicam (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nabumetone (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>naproxen (125 mg/5 ml suspen, 250 mg tablet, 375 mg tablet, dr 375 mg tablet, dr 500 mg tablet, 500 mg kit, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
PENNSAID (2% PUMP, 2% SOLUTION PACKET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (224 per 28 days)
<i>piroxicam (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sulindac (150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (28 per 14 days)
<i>fentanyl (25 patch, 50 patch, 75 patch, 100 patch)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)
KADIAN ER 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>levorphanol tartrate (2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>methadone hcl (5 mg/5 ml solution, hcl 5 mg tablet, 10 mg/5 ml solution, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>morphine sulf 20 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>morphine sulfate er (sulf er 100 mg tablet, sulf er 200 mg tablet, sulfate er 100 mg cap, sulfate er 120 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>morphine sulfate er (sulf er 15 mg tablet, sulf er 30 mg tablet, sulf er 60 mg tablet, sulfate er 10 mg cap, sulfate er 20 mg cap, sulfate er 30 mg cap, sulfate er 45 mg cap, sulfate er 50 mg cap, sulfate er 60 mg cap, sulfate er 75 mg cap, sulfate er 80 mg cap, sulfate er 90 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone hcl er (er 10 mg tablet, er 15 mg tablet, er 20 mg tablet, er 30 mg tablet, er 40 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone hcl er (er 60 mg tablet, er 80 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
OXYCONTIN (ER 10 MG TABLET, ER 15 MG TABLET, ER 20 MG TABLET, ER 30 MG TABLET, ER 40 MG TABLET, ER 60 MG TABLET, ER 80 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er (er 5 mg tablet, er 10 mg tab, er 15 mg tab, er 20 mg tab, er 30 mg tab, er 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>oxymorphone hcl er 7.5 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>codeine sulfate (30 mg tablet, 60 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
DURAMORPH (5 MG/10 ML AMPUL, 10 MG/10 ML AMPUL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>fentanyl citrate (cit 1,200 mcg, cit 1,600 mcg, citrate 200 mcg, citrate 400 mcg, citrate 600 mcg, citrate 800 mcg)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>hydromorphone hcl (1 mg/ml solution, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 8 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>meperidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/5 ml solution, 50 mg/ml vial, 100 mg/ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>morphine sulf 100 mg/5 ml conc</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>morphine sulfate (sulf 10 mg/5 ml soln, sulfate ir 15 mg tab, sulfate ir 30 mg tab)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>oxycodone hcl (oxycodon 10 mg/0.5 ml oral syr, oxycodone hcl 5 mg/5 ml soln, oxycodone hcl 5 mg capsule, oxycodone hcl 5 mg tablet, oxycodone hcl 10 mg tablet, oxycodone hcl 15 mg tablet, oxycodone hcl 20 mg tablet, oxycodone hcl 30 mg tablet, oxycodone hcl 100 mg/5 ml conc)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>oxymorphone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tramadol hcl 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)

Anesthetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lidocaine 5% patch</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>lidocaine 2% viscous soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lidocaine hcl (2% jelly uro-jet, 2% jel urojet ac, 2% jelly, 4% solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lidocaine-prilocaine cream</i>	\$0 (Tier 1)	

Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acamprosate calc dr 333 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>disulfiram (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>naltrexone 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>buprenorphin-naloxon 8-2 mg sl</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>buprenorphine hcl (2 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>buprenorphin-naloxon 2-0.5 mg sl</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
LUCEMYRA 0.18 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NARCAN 4 MG NASAL SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
VIVITROL (380 MG VIAL, 380 MG VIAL + DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
EVZIO 2 MG AUTO-INJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (0.8 per 30 days)
<i>naloxone hcl (0.4 mg/ml vial, 0.4 mg/ml carpuject, 2 mg/2 ml syringe, 4 mg/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bupropion hcl sr 150 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX 1 MG CONT MONTH BOX	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (56 per 28 days)
CHANTIX STARTING MONTH BOX	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (53 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nicotine 14mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21 mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21-14-7mg patch dysq*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 7mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
NICOTROL CARTRIDGE INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (504 per 30 days)
NICOTROL NS 10 MG/ML SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amikacin sulf 500 mg/2 ml vial</i>	\$0 (Tier 1)	
ARIKAYCE 590 MG/8.4 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (252 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>gentamicin sulfate (0.1% cream, 0.1% ointment, 0.3% eye drop, 3 mg/ml eye drop, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 800 mg/20 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate in ns (isoton 60 mg/50 ml, 60 mg/ns 50 ml pb, isoton 80 mg/50 ml, 80 mg/ns 100 ml pb, isoton 80 mg/100 ml, 80 mg/ns 50 ml pb, 100 mg/ns 100 ml, iso 100 mg/100 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomycin 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>paromomycin 250 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>streptomycin sulf 1 gm vial</i>	\$0 (Tier 1)	
TOBRADEX EYE OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (7 per 30 days)
<i>tobramycin 0.3% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tobramycin sulfate (1.2 gram/30 ml vial, 1.2 gm vial, 10 mg/ml vial, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 1,200 mg/30 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
TOBREX 0.3% EYE OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>amoxicillin 250 mg/5 ml susp</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>azithromycin 500 mg tablet (dose pack)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)
<i>azithromycin i.v. 500 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefotetan (1 gm vial, 2 gm vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (2 gm vial, 2 gm add vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sodium (1.5 gm vial, 750 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 9 g/60 ml vial, 150 mg/ml addvan, ph 300 mg/2 ml vl, 300 mg/2 ml addvan, ph 600 mg/4 ml vl, ph 900 mg/6 ml vl)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>colistimethate 150 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>daptomycin 350 mg vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>daptomycin 500 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>doxycycline hyclate (50 mg cap, 100 mg tab, 100 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>doxycycline monohydrate (25 mg/5 ml susp, mono 75 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE (LACT 500 MG VIAL, 500 MG ADDVAN VIAL)	\$0 (Tier 1)	
<i>imipenem-cilastatin 500 mg vl</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>linezolid 600 mg/300 ml-d5w</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>piperacillin-tazobactam (13.5 gm vial, 40.5 gram)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl (hcl 250 mg vial, 500 mg vial, 500 mg a-v vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acetic acid 2% ear solution</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bacitracin 500 unit/gm ophth</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>benznidazole (12.5 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (240 per 365 days)
CLEOCIN 100 MG VAGINAL OVULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>clindamycin 75 mg/5 ml soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clindamycin hcl (75 mg capsule, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clindamycin pediater 75 mg/5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 1% solution, ph 1% gel, ph 600 mg/4 ml vial, phos 1% pledget, phosp 1% lotion, 2% vaginal cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate-d5w (clindamycin-d5w 900 mg/50 ml, clindamycin-d5w 600 mg/50 ml, clindamycin-d5w 300 mg/50 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DALVANCE 500 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>linezolid (100 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>metronidazole (0.75% lotion, top 1% gel pump, topical 0.75% gl, 0.75% cream, topical 1% gel, vaginal 0.75% gl, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg/100 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	
MONUROL 3 GM SACHET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>mupirocin (2% ointment, 2% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin (25 mg/5 ml susp, mcr 25 mg cap, mcr 50 mg cap, mcr 100 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>nitrofurantoin mono-mcr 100 mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>polymyxin b sulfate vial</i>	\$0 (Tier 1)	
SIVEXTRO (200 MG TABLET, 200 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (6 per 30 days)
SOLOSEC 2 GM GRANULE PACKET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SULFAMYLON 8.5% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>tigecycline 50 mg vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tinidazole (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>trimethoprim 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl (1 gm vial, 1 gm add-van vial, hcl 10 gm vial, hcl 100 gm smartpak)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl 125 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (160 per 30 days)
XIFAXAN (200 MG TABLET, 550 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AVYCAZ 2.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>cefaclor (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefadroxil (1 gm tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg/5 ml susp, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefazolin sodium (1 gm add-van vial, 1 gm vial, 10 gm vial, 20 gm bulk vial, sod 100 gm bulk bag, sod 300 gm bulk bag, 500 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefdinir (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 300 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefepime hcl (1 gm vial, 2 gram vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefixime (100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 400 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cefotaxime sodium (1 gm vial, 500 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefoxitin (1 gm vial, 2 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefpodoxime proxetil (50 mg/5 ml susp, 100 mg/5 ml susp, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefprozil (125 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ceftazidime (1 gm vial, 2 gm vial, 6 gm vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (1 gm add-vant vial, 1 gm vial, 10 gm vial, 100 gram bulk bag, 250 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefuroxime (250 mg tab, 500 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sod 7.5 gm vial</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cephalexin (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
SUPRAX 400 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TEFLARO (400 MG VIAL, 600 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ZERBAXA 1.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
AZACTAM 2 GM VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>aztreonam 1 gm vial</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ertapenem 1 gram vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>imipenem-cilastatin 250 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	
INVANZ (1 GM VIAL, 1 GM ADD-VANTAGE VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>meropenem (iv 1 gm vial, iv 500 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
VABOMERE 2 GRAM VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>amoxicillin (125 mg/5 ml susp, 125 mg tab chew, 200 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tab chew, 400 mg/5 ml susp, 500 mg tablet, 500 mg capsule, 875 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amoxicillin-clavulanate potass (200-28.5 mg/5 ml sus, 200-28.5 mg tab chew, 250-62.5 mg/5 ml sus, 250-125 mg tablet, 400-57 mg/5 ml susp, 400-57 mg tab chew, 500-125 mg tablet, 600-42.9 mg/5 ml sus, 875-125 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ampicillin 500 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ampicillin sodium (1 gm vial, 1 gm add-vantage vial, 10 gm bottle, 10 gm vial, 125 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ampicillin-sulbactam (ampicillin-sulb 1.5 g add vial, ampicillin-sulb 3 gm add vial, ampicillin-sulbactam 1.5 gm vl, ampicillin-sulbactam 3 gm vial, ampicillin-sulbactam 15 gm vl)</i>	\$0 (Tier 1)	
BICILLIN C-R (1.2 MILLION UNIT, 900-300 SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BICILLIN L-A (600,000 UNIT/ML, 1,200,000 UNITS, 2,400,000 UNITS)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dicloxacillin sodium (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nafcillin sodium (1 gm vial, 1 gm add-van vial, 2 gm add-vant vial, 2 gm vial, 10 gm bulk vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>oxacillin (1 50 ml inj, 2 50 ml inj)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>oxacillin sodium (1 gm add-vantage vl, 1 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pen g 1.2 million unit/2 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>penicillin g na 5 million unit</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>penicillin g potassium (5 million, 20 million)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>penicillin gk-iso-osm dextrose (pen g 2 million unit/50 ml, pen g 3 million unit/50 ml)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>penicillin v potassium (125 mg/5 ml soln, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml soln, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>piperacillin-tazobactam (piperacil-tazo 2.25 gm add vl, piperacil-tazo 3.375 gm add vl, piperacil-tazo 4.5 gm add vial, piperacil-tazobact 2.25 gm vl, piperacil-tazobact 3.375 gm vl, piperacil-tazobact 4.5 gm vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
AZASITE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>azithromycin 1 gm pwd packet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>azithromycin 100 mg/5 ml susp</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>azithromycin 200 mg/5 ml susp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>azithromycin 250 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (8 per 30 days)
<i>azithromycin 250 mg tablet (dose pack)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (8 per 30 days)
<i>azithromycin 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)
<i>azithromycin 500 mg tablet (dose pack)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)
<i>azithromycin 600 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>clarithromycin (125 mg/5 ml sus, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml sus, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>erythromycin (0.5% eye ointment, 2% solution, 2% gel, 250 mg filmtab, 500 mg filmtab)</i>	\$0 (Tier 1)	
BAXDELA (300 MG VIAL, 450 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 14 days)
BESIVANCE 0.6% SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
CILOXAN 0.3% OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ciprofloxacin 500 mg/5 ml susp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl (0.3% eye drop, hcl 500 mg tab, hcl 750 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl (100 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ciprofloxacin-d5w 200 mg/100 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>gatifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>levofloxacin (0.5% eye drops, 25 mg/ml solution, 250 mg/10 ml soln, 500 mg tablet, 500 mg/20 ml vial, 500 mg/20 ml soln, 750 mg/30 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>levofloxacin (250 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (28 per 14 days)
<i>levofloxacin-d5w (500 mg/100 ml-d5w, 750 mg/150 ml-d5w)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>moxifloxacin (0.5% drop, 0.5% drops)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>ofloxacin (0.3% ear drops, 0.3% eye drops, 300 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
SILVADENE 1% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>silver sulfadiazine 1% cream</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sodium sulfacetamide 10% lot</i>	\$0 (Tier 1)	
SSD 1% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sulfacetamide sodium (sodium 10% lotn, 10% eye drops, sod 10% top susp, 10% eye ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sulfadiazine 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim (ds tablet, ss tablet, susp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>demeclocycline hcl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
DOXY 100 VIAL	\$0 (Tier 1)	
<i>doxycycline monohydrate (50 mg tablet, 100 mg cap, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>minocycline hcl (50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tetracycline hcl (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
VIBRAMYCIN 50 MG/5 ML SYRUP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BRIVIACT (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
BRIVIACT 10 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (600 per 30 days)
EPIDIOLEX 100 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>levetiracetam (100 mg/ml soln, 250 mg tablet, 500 mg/5 ml soln, 500 mg tablet, 750 mg tablet, 1,000 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>levetiracetam er 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>levetiracetam er 750 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
SPRITAM (250 MG TABLET, 500 MG TABLET, 750 MG TABLET, 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CELONTIN 300 MG KAPSEAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>ethosuximide (250 mg capsule, 250 mg/5 ml soln)</i>	\$0 (Tier 1)	
LYRICA (150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 225 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LYRICA (25 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
LYRICA 20 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (960 per 30 days)
<i>pregabalin (150 mg capsule, 200 mg capsule, 225 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>pregabalin (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>pregabalin 20 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (960 per 30 days)
<i>zonisamide (25 mg capsule, 50 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clobazam (2.5 mg/ml suspension, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.125 mg odt, 0.125 mg dis tab, 0.25 mg odt, 0.5 mg dis tablet, 0.5 mg odt, 1 mg odt, 1 mg dis tablet, 2 mg odt)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>clonazepam 2 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>clorazepate dipotassium (3.75 mg tablet, 7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
DIASTAT 2.5 MG PEDI SYSTEM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
DIASTAT ACUDIAL (5-7.5-10 MG KT, 12.5-15-20 MG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>diazepam (2.5 mg rectal gel sys, 10 mg rectal gel syst, 20 mg rectal gel syst)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>divalproex sodium (dr 125 mg cap sprnk, sod dr 125 mg tab, sod dr 250 mg tab, sod dr 500 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>divalproex sodium er (er 250 mg tab, er 500 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>gabapentin (100 mg capsule, 300 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>gabapentin (250 mg/5 ml soln, 300 mg/6 ml soln)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (2400 per 30 days)
<i>gabapentin 400 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>gabapentin 800 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
GABITRIL (12 MG TABLET, 16 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
NAYZILAM 5 MG NASAL SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
ONFI (2.5 MG/ML SUSPENSION, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>phenobarbital (15 mg tablet, 16.2 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml elix, 30 mg tablet, 32.4 mg tablet, 60 mg tablet, 64.8 mg tablet, 97.2 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>primidone (50 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
SABRIL 500 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SYMPAZAN (5 MG FILM, 10 MG FILM, 20 MG FILM)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>tiagabine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet, 12 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>valproic acid (250 mg/5 ml soln, 250 mg capsule, 500 mg/10 ml sol)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>vigabatrin (500 mg tablet, 500 mg powder packt)</i>	\$0 (Tier 1)	
VIGADRONE 500 MG POWDER PACKET	\$0 (Tier 1)	
<i>felbamate (400 mg tablet, 600 mg tablet, 600 mg/5 ml susp)</i>	\$0 (Tier 1)	
FYCOMPA (8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FYCOMPA 0.5 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (680 per 28 days)
FYCOMPA 2 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
FYCOMPA 4 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
FYCOMPA 6 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LAMICTAL TAB START KIT (GREEN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LAMICTAL TB START KIT (ORANGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>lamotrigine (5 mg disper tablet, 25 mg disper tab, 25 mg tablet, 25 mg tb start kit, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kit-blue</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-green</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-orang</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>topiramate (15 mg cap, 25 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>topiramate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
APTiom (200 MG TABLET, 400 MG TABLET, 600 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
APTiom 800 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BANZEL (40 MG/ML SUSPENSION, 200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>carbamazepine (100 mg/5 ml susp, 100 mg tab chew, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carbamazepine er (er 100 mg cap, er 100 mg tablet, er 200 mg cap, er 200 mg tablet, er 300 mg cap, er 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
DILANTIN (30 MG CAPSULE, 50 MG INFATAB, 100 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	
DILANTIN 125 MG/5 ML SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>oxcarbazepine (150 mg tablet, 300 mg tablet, 300 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
PEGANONE 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PHENYTEK (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	
<i>phenytoin (50 mg infatab, 50 mg tablet chew, 100 mg/4 ml susp, 125 mg/5 ml susp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>phenytoin sodium extended (ext 100 mg cap, ext 200 mg cap, ext 300 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
VIMPAT (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
VIMPAT 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidementia Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ergoloid mesylates 1 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>donepezil hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil hcl odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine 4 mg/ml oral soln</i>	\$0 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>galantamine er (er 8 mg capsule, er 16 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine er 24 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>galantamine hbr (4 mg tablet, 8 mg tablet, 12 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (1.5 mg capsule, 3 mg capsule, 4.5 mg capsule, 6 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (4.6 mg/24hr patch, 9.5 mg/24hr patch, 13.3 mg/24hr ptch)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>memantine 5-10 mg titration pk</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine hcl 2 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	QL (480 per 30 days)
<i>memantine hcl er (er 14 mg capsule, er 21 mg capsule, er 28 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidementia Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>memantine hcl er 7 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
NAMENDA XR TITRATION PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (28 per 28 days)

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>olanzapine-fluoxetine hcl (3-25 mg, 6-25 mg, 6-50 mg, 12-25 mg, 12-50 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>perphenazine-amitriptyline (2 mg-25 mg tab, 2 mg-10 mg tab, 4 mg-50 mg tab, 4 mg-25 mg tab, 4 mg-10 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>bupropion hcl 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>bupropion hcl 75 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>bupropion hcl sr (sr 100 mg tablet, sr 150 mg tablet, sr 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>bupropion xl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>mirtazapine (7.5 mg tablet, 15 mg tablet, 15 mg odt, 30 mg odt, 30 mg tablet, 45 mg tablet, 45 mg odt)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SPRAVATO (28 MG NASAL SPRAY, 56 MG DOSE PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (47 per 84 days)
SPRAVATO 84 MG DOSE PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (47 per 87 days)
EMSAM (6 MG/24 PATCH, 9 MG/24 PATCH, 12 MG/24 PATCH)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
MARPLAN 10 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>phenelzine sulfate 15 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tranylcypromine sulf 10 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>citalopram hbr (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>citalopram hbr 10 mg/5 ml soln</i>	\$0 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>citalopram hbr 20 mg/10 ml sol</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>desvenlafaxine er (er 50 mg tablet, er 50 mg tab)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>desvenlafaxine er 100 mg tab</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>desvenlafaxine suc er 100 mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>desvenlafaxine succinate er (er 25 mg tb, er 50 mg tb)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>duloxetine hcl (dr 20 mg cap, dr 30 mg cap, dr 60 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate 5 mg/5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
FETZIMA (ER 20 MG CAPSULE, ER 40 MG CAPSULE, ER 80 MG CAPSULE, ER 120 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
FETZIMA 20-40 MG TITRATION PAK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)
<i>fluoxetine 20 mg/5 ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (10 mg tablet, 10 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (20 mg tablet, 20 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate (25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate 100 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>maprotiline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nefazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>paroxetine hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>paroxetine hcl 30 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
PAXIL 10 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>sertraline 20 mg/ml oral conc</i>	\$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>sertraline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>sertraline hcl 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
TRINTELLIX (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl (25 mg tablet, 37.5 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg cap, er 75 mg cap, er 150 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg tab, er 75 mg tab)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>venlafaxine hcl er 150 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er 225 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	ST, QL (30 per 30 days)
VIIBRYD (10 MG TABLET, 10-20 MG STARTER PACK, 20 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>amitriptyline hcl (10 mg tab, 25 mg tab, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>amoxapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clomipramine hcl (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>desipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>doxepin hcl (10 mg capsule, 10 mg/ml oral conc, 25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>imipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>nortriptyline hcl (10 mg/5 ml soln, hcl 10 mg cap, 20 mg/10 ml soln, hcl 25 mg cap, hcl 50 mg cap, hcl 75 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>protriptyline hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>trimipramine maleate (25 mg cap, 50 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
<i>trimipramine maleate 100 mg cp</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>diphenhydramine 50 mg/ml vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meclizine hcl (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoclopramide hcl (5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 10 mg/10 ml sol, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>palonosetron 0.25 mg/5 ml vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>prochlorperazine 25 mg supp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine maleate (5 mg tablet, 10 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>promethazine hcl (6.25 mg/5 ml soln, 6.25 mg/5 ml syrp, 12.5 mg tablet, 12.5 mg suppos, 25 mg tablet, 25 mg suppository, 50 mg tablet, 50 mg suppository)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>scopolamine 1 mg/3 day patch</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (10 per 30 days)
TRANSDERM-SCOP 1.5 MG (1MG/3D)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM, QL (10 per 30 days)
<i>trimethobenzamide 300 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>aprepitant (80 mg capsule, 125 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (12 per 30 days)
<i>aprepitant 125-80-80 mg pack</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>aprepitant 40 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (10 per 30 days)
CESAMET 1 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>dronabinol (2.5 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>fosaprepitant 150 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>granisetron hcl 1 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>ondansetron hcl (4 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ondansetron hcl (hcl 4 mg/2 ml amp, 4 mg/2 ml isecure, 4 mg/5 ml solution, hcl 4 mg/2 ml syr, hcl 4 mg/2 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ondansetron hcl 24 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ondansetron odt (odt 4 mg tablet, odt 8 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SYNDROS 5 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ABELCET 100 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AMBISOME 50 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>amphotericin b 50 mg vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>caspofungin acetate (50 mg vial, 70 mg vial)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ciclopirox (0.77% topical susp, 0.77% cream, 8% solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clotrimazole (1% cream, 10 mg troche)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>econazole nitrate 1% cream</i>	\$0 (Tier 1)	
ERAXIS (WATER DILUENT) (DIL) 50 MG VIAL, DIL) 100 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluconazole (10 mg/ml susp, 40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluconazole 150 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)
<i>fluconazole in saline (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluconazole-nacl (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>flucytosine (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>griseofulvin (125 mg/5 ml susp, micro 500 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>griseofulvin ultramicrosize (125 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>itraconazole (10 mg/ml solution, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ketoconazole (2% cream, 2% shampoo, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>miconazole 3 200 mg vag supp</i>	\$0 (Tier 1)	
MYCAMINE (50 MG VIAL, 100 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>naftifine hcl (1% cream, 2% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NATACYN EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
NOXAFIL (40 MG/ML SUSPENSION, DR 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NYAMYC 100,000 UNITS/GM POWDER	\$0 (Tier 1)	
<i>nystatin (100,000 unit/gm powd, 100,000 unit/gm cream, 100,000 unit/gm oint, 100,000 unit/ml susp, 500,000 unit oral tab, 500,000 unit/5 ml sus)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nystatin-triamcinolone (cream, ointm)</i>	\$0 (Tier 1)	
NYSTOP 100,000 UNITS/GM POWDER	\$0 (Tier 1)	
<i>oxiconazole nitrate 1% cream</i>	\$0 (Tier 1)	
OXISTAT 1% LOTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>posaconazole 200 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>posaconazole dr 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SPORANOX 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>terbinafine hcl 250 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>terconazole (0.4% cream, 0.8% cream, 80 mg suppository)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>voriconazole (40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 200 mg vial, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA

Antigout Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>allopurinol (100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>colchicine (0.6 mg capsule, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>probenecid 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>probenecid-colchicine tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
ZURAMPIC 200 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimigraine Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dihydroergotamine 4 mg/ml spray</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
MIGERGOT SUPPOSITORY	\$0 (Tier 1)	QL (24 per 30 days)
AIMOVIG 140 MG DOSE-2 AUTOINJ	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
AIMOVIG 140 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (1 per 28 days)
AIMOVIG 70 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
AJOVY 225 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML PEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY SYRINGE (100 MG/ML SYR(1 OF 3), 300 MG (100 MG X3SYR))	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
<i>naratriptan (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>naratriptan hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>rizatriptan (5 mg tablet, 5 mg odt, 10 mg tablet, 10 mg odt)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (18 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimigraine Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sumatriptan (5 mg nasal spray, 20 mg nasal spray)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>sumatriptan 6 mg/0.5 ml refill</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sumatriptan succinate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (9 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (4 mg/0.5 ml cart, 6 mg/0.5 ml inject)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>sumatriptan succinate (4 mg/0.5 ml inject, 6 mg/0.5 ml syring, 6 mg/0.5 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>zolmitriptan (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)
<i>zolmitriptan odt (2.5 mg odt, 5 mg odt)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)

Antimyasthenic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>guanidine hcl 125 mg tablet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MESTINON 60 MG/5 ML SYRUP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimyasthenic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>pyridostigmine bromide (br 30 mg tablet, 60 mg/5 ml soln, br 60 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pyridostigmine er 180 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	

Antimycobacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dapsone (25 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
PASER GRANULES 4 GM PACKET	\$0 (Tier 1)	
<i>rifabutin 150 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ethambutol hcl (100 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>isoniazid (50 mg/5 ml solution, 100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
PRIFTIN 150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>pyrazinamide 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
RIFAMATE CAPSULE	\$0 (Tier 1)	
<i>rifampin (150 mg capsule, 300 mg capsule, iv 600 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimycobacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RIFATER TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SIRTURO 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TRECATOR 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cyclophosphamide (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
GLEOSTINE (10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
LEUKERAN 2 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MATULANE 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VALCHLOR 0.016% GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>abiraterone acetate 250 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>bicalutamide 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
ERLEADA 60 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>flutamide 125 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nilutamide 150 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
XTANDI 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
YONSA 125 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZYTIGA 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZYTIGA 500 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
POMALYST (1 MG CAPSULE, 2 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
REVLIMID (2.5 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, LA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
THALOMID (50 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
EMCYT 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
FARESTON 60 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SOLTAMOX (10 MG/5 ML SOLN, 20 MG/10 ML SOLN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>tamoxifen citrate (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>toremifene citrate 60 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
DROXIA (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>hydroxyurea 500 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mercaptopurine 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
PURIXAN 20 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TABLOID 40 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ABRAXANE 100 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ALIMTA (100 MG VIAL, 500 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>arsenic trioxide 12 mg/6 ml vial</i>	\$0 (Tier 1)	
AVASTIN (100 MG/4 ML VIAL, 400 MG/16 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>bcg vaccine (tice strain) vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
BRAFTOVI 75 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
CALQUENCE 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>cisplatin (50 mg vial, 50 mg/50 ml vial, 100 mg/100 ml vial, 200 mg/200 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
COPIKTRA (15 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
DARZALEX (100 MG/5 ML VIAL, 400 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>docetaxel (20 mg/2 ml vial, 20 mg/ml vial, 80 mg/4 ml vial, 80 mg/8 ml vial, 160 mg/8 ml vial)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>docetaxel 200 mg/10 ml vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>doxorubicin hcl liposome (20mg/10ml, 50mg/25ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>fluorouracil (5 gm/100 ml vial, 5 gm/100 ml btl, 5,000 mg/100 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
<i>fulvestrant 250 mg/5 ml syringe</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>gemcitabine hcl 1 gram vial</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
HERCEPTIN (150 MG VIAL, 440 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
HERCEPTIN HYLECTA 600MG-10,000	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
IDHIFA (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
KANJINTI (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
KEYTRUDA 100 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
KISQALI 200 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
KISQALI 400 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)
KISQALI 600 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LORBRENA 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
LORBRENA 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
MEKTOVI 15 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
MVASI (100 MG/4 ML VIAL, 400 MG/16 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
NERLYNX 40 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
NUBEQA 300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
OGIVRI (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>oxaliplatin (50 mg vial, 50 mg/10 ml vial, 100 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>oxaliplatin 100 mg/20 ml vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
PIQRAY (250 MG DAILY, 300 MG DAILY)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (56 per 28 days)
PIQRAY 200 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RITUXAN (100 MG/10 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
ROZLYTREK 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (150 per 30 days)
ROZLYTREK 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
RUBRACA (200 MG TABLET, 250 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
SYNRIBO 3.5 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
TALZENNA 0.25 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
TALZENNA 1 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TIBSOVO 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VELCADE 3.5 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
VERZENIO (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VITRAKVI 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VITRAKVI 20 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (300 per 30 days)
VITRAKVI 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
VIZIMPRO (15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
XPOVIO (60 MG ONCE, 80 MG ONCE, 80 MG TWICE, 100 MG ONCE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
KISQALI FEMARA 200 MG CO-PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (49 per 28 days)
KISQALI FEMARA 400 MG CO-PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (70 per 28 days)
KISQALI FEMARA 600 MG CO-PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (91 per 28 days)
<i>leucovorin calcium (100 mg/10 ml vial, 500 mg/50 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>leucovorin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 15 mg tab, 25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
LONSURF (15 MG-6.14 MG TABLET, 20 MG-8.19 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
NINLARO (2.3 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (3 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TECENTRIQ 1,200 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (20 per 21 days)
TECENTRIQ 840 MG/14 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (210 per 30 days)
ZOLINZA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>anastrozole 1 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>exemestane 25 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>letrozole 2.5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
AFINITOR (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
AFINITOR DISPERZ (2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
ALECENSA 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ALUNBRIG (90 MG-180 MG TAB PACK, 90 MG TABLET, 180 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
ALUNBRIG 30 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
BALVERSA 3 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BALVERSA 4 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
BALVERSA 5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BOSULIF (400 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BOSULIF 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
CABOMETYX (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
CAPRELSA 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPRELSA 300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMETRIQ (60 MG PACK, 100 MG PK, 140 MG PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
COTELLIC 20 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 21 days)
DAURISMO 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
DAURISMO 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ERIVEDGE 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>erlotinib hcl (25 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
FARYDAK (10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (6 per 21 days)
GILOTRIF (20 MG TABLET, 30 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
IBRANCE (75 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 125 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
ICLUSIG (15 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>imatinib mesylate (100 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
IMBRUVICA (70 MG CAPSULE, 140 MG TABLET, 280 MG TABLET, 420 MG TABLET, 560 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
IMBRUVICA 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
INLYTA 1 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
INLYTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INREBIC 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
IRESSA 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
JAKAFI (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LENVIMA (18 MG DAILY, 24 MG DAILY)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
LENVIMA (4 MG CAPSULE, 8 MG DAILY DOSE, 10 MG DAILY DOSE, 12 MG DAILY DOSE, 20 MG DAILY DOSE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
LYNPARZA (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
MEKINIST (0.5 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
NEXAVAR 200 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ODOMZO 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RYDAPT 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
SPRYCEL (20 MG TABLET, 50 MG TABLET, 80 MG TABLET, 100 MG TABLET, 140 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
SPRYCEL 70 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
STIVARGA 40 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (84 per 28 days)
SUTENT (12.5 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 37.5 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TAFINLAR (50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
TAGRISSO (40 MG TABLET, 80 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TARCEVA (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TASIGNA (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
TYKERB 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VENCLEXTA 10 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VENCLEXTA 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
VENCLEXTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VENCLEXTA STARTING PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)
VOTRIENT 200 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
XALKORI (200 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
XOSPATA 40 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
ZEJULA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
ZELBORAF 240 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ZYDELIG (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
ZYKADIA (150 MG CAPSULE, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>bexarotene 75 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
PANRETIN 0.1% GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TARGRETIN 1% GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>tretinoin 10 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
MESNEX 400 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>albendazole 200 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
ALBENZA 200 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BILTRICIDE 600 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>ivermectin 3 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>praziquantel 600 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>pyrantel pamoate 50 mg/ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
ALINIA (100 MG/5 ML SUSPENSION, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>atovaquone 750 mg/5 ml susp</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>atovaquone-proguanil hcl (62.5-25, 250-100)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>chloroquine phosphate (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
COARTEM TABLETS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (24 per 3 days)
DARAPRIM 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>hydroxychloroquine 200 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
KRINTAFEL 150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 30 days)
<i>mefloquine hcl 250 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
NEBUPENT 300 MG INHAL POWDER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PENTAM 300 VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>pentamidine isethionate (300 mg inhal powdr, 300 mg vial)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>primaquine 26.3 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>quinine sulfate 324 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA
EURAX 10% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
EURAX 10% LOTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (454 per 30 days)
<i>malathion 0.5% lotion</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>permethrin 1 % liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>permethrin 5% cream</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>benztropine mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>trihexyphenidyl hcl (2 mg tablet, 2 mg/5 ml elx, 5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>selegiline hcl 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amantadine (50 mg/5 ml solution, 100 mg capsule, 100 mg/10 ml soln)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>entacapone 200 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>tolcapone 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>amantadine 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
APOKYN 30 MG/3 ML CARTRIDGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>bromocriptine mesylate (2.5 mg tablet, 5 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
NEUPRO (1 MG/24 HR PATCH, 2 MG/24 HR PATCH, 3 MG/24 HR PATCH, 4 MG/24 HR PATCH, 6 MG/24 HR PATCH, 8 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>pramipexole 0.75 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (1 mg tablet, 1.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>ropinirole hcl (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carbidopa 25 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>carbidopa-levodopa (carbidopa-levo 10-100 mg odt, carbidopa-levo 25-250 mg odt, carbidopa-levo 25-100 mg odt, carbidopa-levodopa 10-100 tab, carbidopa-levodopa 25-100 tab, carbidopa-levodopa 25-250 tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>carbidopa-levodopa er (er 25-100 tab, er 50-200 tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>rasagiline mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>selegiline hcl 5 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
ZELAPAR 1.25 MG ODT TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>chlorpromazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluphenazine dec 125 mg/5 ml</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluphenazine hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 2.5 mg/5 ml elix, 2.5 mg/ml vial, 5 mg/ml conc, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>haloperidol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>haloperidol dec 100 mg/ml amp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>haloperidol decanoate (dec 50 mg/ml vial, dec 100 mg/ml amp, dec 100 mg/ml vial, dec 500 mg/5 ml vl, decan 50 mg/ml amp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>haloperidol lactate (2 mg/ml conc, 5 mg/ml ampul, 5 mg/ml syringe, 5 mg/ml vial, 50 mg/10 ml vl)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>loxapine (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>molindone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>perphenazine (2 mg tablet, 4 mg tablet, 8 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pimozide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>thioridazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>thiothixene (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>trifluoperazine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
ABILIFY MAINTENA (ER 300 MG VL, ER 300 MG SYR, ER 400 MG SYR, ER 400 MG VL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
ABILIFY MYCITE (2 MG KIT, 5 MG KIT, 10 MG KIT, 15 MG KIT, 20 MG KIT, 30 MG KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole 1 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>aripiprazole odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ARISTADA ER 1064 MG/3.9 ML SYR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (3.9 per 28 days)
ARISTADA ER 441 MG/1.6 ML SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (1.6 per 28 days)
ARISTADA ER 662 MG/2.4 ML SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
ARISTADA ER 882 MG/3.2 ML SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (3.2 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ARISTADA INITIO ER 675 MG/2.4	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
FANAPT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 4 MG TABLET, 6 MG TABLET, 8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
FANAPT TITRATION PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
GEODON 20 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
INVEGA SUSTENNA (39 MG/0.25 ML, 78 MG/0.5 ML, 117 MG/0.75 ML, 156 MG/ML SYRG, 234 MG/1.5 ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
INVEGA TRINZA (273 MG/0.875 ML, 410 MG/1.315 ML, 546 MG/1.75 ML, 819 MG/2.625 ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LATUDA (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET, 120 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
LATUDA 80 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
NUPLAZID (10 MG TABLET, 34 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg vial, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>olanzapine odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er (er 1.5 mg tablet, er 3 mg tablet, er 9 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er 6 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine er 400 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab, 200 mg tab, 300 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 150 mg tablet, er 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 50 mg tablet, er 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
REXULTI (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
RISPERDAL CONSTA (12.5 MG SYR, 25 MG SYR, 37.5 MG SYR, 50 MG SYR)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>risperidone (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>risperidone 1 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>risperidone odt (0.25 mg odt, 0.5 mg odt, 1 mg odt, 2 mg odt, 3 mg odt, 4 mg odt)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
SAPHRIS (2.5 MG TAB SUBLINGUAL, 5 MG TABLET SUBLINGUAL, 5 MG TAB SUBLINGUAL, 5 MG TAB SL BLK CHERRY, 10 MG TAB SL BLK CHERRY, 10 MG TAB SUBLINGUAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VRAYLAR (1.5 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4.5 MG CAPSULE, 6 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VRAYLAR 1.5 MG-3 MG PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (7 per 7 days)
<i>ziprasidone hcl (20 mg capsule, 40 mg capsule, 60 mg capsule, 80 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ZYPREXA RELPREVV (210 MG VIAL, 210 MG VL KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
<i>clozapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clozapine odt (odt 12.5 mg tablet, odt 25 mg tablet, odt 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clozapine odt (odt 150 mg tablet, odt 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VERSACLOZ 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Antispasticity Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>baclofen (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
BOTOX (100 VIAL, 200 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>dantrolene sodium (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>tizanidine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENVOYA TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ISENTRESS (25 MG TABLET CHEW, 100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET CHEW)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ISENTRESS 400 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ISENTRESS HD 600 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
STRIBILD TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TIVICAY (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ATRIPLA TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMPLERA TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
EDURANT 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>efavirenz (50 mg capsule, 200 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
INTELENCE (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nevirapine 200 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nevirapine 50 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>nevirapine er (er 100 mg tablet, er 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
ODEFSEY TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PIFELTRO 100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
RESCRIPTOR 200 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VIRAMUNE 50 MG/5 ML SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>abacavir 20 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>abacavir 300 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine-zidov tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>didanosine (dr 200 mg capsule, dr 250 mg capsule, dr 400 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
EMTRIVA (10 MG/ML SOLUTION, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lamivudine (10 mg/ml oral soln, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lamivudine-zidovudine tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>stavudine (15 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
TRUVADA (100 MG-150 MG TABLET, 133 MG-200 MG TABLET, 167 MG-250 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRUVADA 200 MG-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VIDEX (2 GM SOLN, 4 GM SOLN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VIDEX EC 125 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>zidovudine (50 mg/5 ml syrup, 100 mg capsule, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
BIKTARVY 50-200-25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
CIMDUO 300-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DELSTRIGO 100-300-300 MG TAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DESCOVY 200-25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DOVATO 50-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FUZEON 90 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
JULUCA 50-25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SELZENTRY (75 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SELZENTRY 20 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (1840 per 30 days)
SELZENTRY 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
SELZENTRY 300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
SYMFI 600-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMFI LO 400-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMITUZA 800-150-200-10 MG TAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TEMIXYS 300-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TYBOST 150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
APTIVUS (100 MG/ML SOLUTION, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>atazanavir sulfate (150 mg cap, 200 mg cap, 300 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
CRIXIVAN (200 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
EVOTAZ 300 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>fosamprenavir 700 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
INVIRASE 500 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KALETRA (100-25 MG TABLET, 200-50 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LEXIVA 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
NORVIR (80 MG/ML SOLUTION, 100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PREZCOBIX 800 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PREZISTA (75 MG TABLET, 100 MG/ML SUSPENSION, 150 MG TABLET, 600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
REYATAZ 50 MG POWDER PACKET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>ritonavir 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
VIRACEPT (250 MG TABLET, 625 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PREVYMIS (240 MG TABLET, 480 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir 450 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (102 per 30 days)
ZIRGAN 0.15% OPHTHALMIC GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>adefovir dipivoxil 10 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA
BARACLUDE 0.05 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>entecavir (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
EPIVIR HBV 25 MG/5 ML SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INTRON A 18 MILLION UNITS VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>lamivudine 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>lamivudine hbv 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>tenofovir disop fum 300 mg tb</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VIREAD (150 MG TABLET, 200 MG TABLET, 250 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VIREAD POWDER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
INTRON A (10 MILLION UNITS VIL, 18 MILLION UNIT/3 ML, 25 MILLION UNIT/2.5ML, 50 MILLION UNITS VIL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
PEGASYS (180 MCG/0.5 ML SYRINGE, 180 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PEGASYS PROCLICK 180 MCG/0.5	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ribavirin (200 mg capsule, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
SYLATRON (200 MCG KIT, 300 MCG KIT, 600 MCG KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
EPCLUSA 400 MG-100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HARVONI (45-200 MG TABLET, 90-400 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
<i>ledipasvir-sofosbuvir 90-400mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
MAVYRET 100-40 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
<i>sofosbuvir-velpatasvir 400-100</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
SOVALDI (200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
VIEKIRA PAK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
VOSEVI 400-100-100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
ZEPATIER 50-100 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
RELENZA 5 MG DISKHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (56 per 180 days)
<i>rimantadine hcl 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acyclovir (200 mg capsule, 200 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acyclovir 5% cream</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (5 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acyclovir 5% ointment</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>acyclovir sodium (500 mg/10 ml vial, 1,000 mg/20 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
DENAVIR 1% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>famciclovir (125 mg tablet, 250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trifluridine 1% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>valacyclovir (1 gram tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
ZOVIRAX 5% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine 600-300 mg</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lopinavir-ritonavir 80-20mg/ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>oseltamivir 6 mg/ml suspension</i>	\$0 (Tier 1)	QL (350 per 180 days)
<i>oseltamivir phos 30 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (84 per 180 days)
<i>oseltamivir phosphate (45 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (42 per 180 days)
TRIUMEQ 600-50-300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir hcl 50 mg/ml</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VEMLIDY 25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Anxiolytics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>buspirone hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydroxyzine hcl (hcl 10 mg tablet, 10 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml syrup, hcl 25 mg tablet, hcl 50 mg tablet, 50 mg/25 ml syrup)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>hydroxyzine pamoate (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meprobamate (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>alprazolam (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>alprazolam 2 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
<i>chlordiazepoxide hcl (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anxiolytics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>diazepam (5 mg/5 ml solution, 5 mg/ml oral conc)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>lorazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg/ml oral concent</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>oxazepam (10 mg capsule, 15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Bipolar Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lithium 8 meq/5 ml solution</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>lithium carbonate (150 mg cap, 300 mg cap, 300 mg tab, 600 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lithium carbonate er (er 300 mg tb, er 450 mg tb)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acarbose (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>alogliptin (6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
BYDUREON 2 MG PEN INJECT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
BYDUREON 2 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
BYDUREON BCISE 2 MG AUTOINJECT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (3.4 per 28 days)
BYETTA 10 MCG DOSE PEN INJ	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (2.4 per 30 days)
BYETTA 5 MCG DOSE PEN INJ	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (1.2 per 30 days)
<i>colesevelam hcl 3.75 g packet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>glimepiride (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glimepiride 4 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>glipizide er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>glipizide er 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide xl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide xl 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glyburide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>glyburide 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (240 per 30 days)
INVOKANA (100 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
JANUVIA (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>metformin hcl 1,000 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metformin hcl 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl 850 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>metformin hcl er 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl er 750 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nateglinide (60 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>pioglitazone hcl (15 mg tablet, 30 mg tablet, 45 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>repaglinide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>repaglinide 0.5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
SYMLINPEN 120 PEN INJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SYMLINPEN 60 PEN INJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tolbutamide 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
TRADJENTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
WELCHOL 3.75G PACKET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>alogliptin-metformin (12.5-500, 12.5-1000)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
BASAGLAR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide-metformin (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide-metformin 2.5-250 mg</i>	\$0 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>glyburid-metformin 1.25-250 mg</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>glyburide-metformin hcl (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INVOKAMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TABLET, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
INVOKAMET XR (50-1,000 MG TAB, 50-500 MG TABLET, 150-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
JANUMET (50-500 MG TABLET, 50-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
JANUMET XR (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 100-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
JARDIANCE (10 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SEGLUROMET (2.5-1,000 MG TABLET, 7.5-1,000 MG TABLET, 7.5-500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
SEGLUROMET 2.5-500 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (90 per 30 days)
SOLQUA 100 UNIT-33 MCG/ML PEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (18 per 30 days)
STEGLATRO 15 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
STEGLATRO 5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
STEGLUJAN (5-100 MG TABLET, 15-100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYNJARDY (5-1,000 MG TABLET, 5-500 MG TABLET, 12.5-500 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR (10-1,000 MG TABLET, 25-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYNJARDY XR (5-1,000 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
GLUCAGON 1 MG EMERGENCY KIT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
PROGLYCEM 50 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMALOG (100 UNIT/ML VIAL, 100 UNITS/ML CARTRIDGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 100 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 200 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG JR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HUMALOG MIX 50-50 KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70/30 KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N 100 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN R 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro 100 unit/ml pen</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro 100 unit/ml vl</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
LANTUS 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LANTUS SOLOSTAR 100 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR FLEXPEN 100 UNITS/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR FLEXTOUCH 100 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 (RELION 70-30 VIAL, 70-30 100 UNIT/ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG (100 VIAL, 100 CARTRIDGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG 100 UNIT/ML FLEXPEN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 FLEXPEN SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TOUJEO MAX SOLOSTR 300 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
TOUJEO SOLOSTAR 300 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
TRESIBA 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 100 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 200 UNIT/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BEVYXXA (40 MG CAPSULE, 80 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
COUMADIN (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET, 5 MG TABLET, 6 MG TABLET, 7.5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELIQUIS (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS DVT-PE TREAT START 5MG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (74 per 365 days)
<i>enoxaparin 30 mg/0.3 ml syr</i>	\$0 (Tier 1)	QL (8.4 per 30 days)
<i>enoxaparin 40 mg/0.4 ml syr</i>	\$0 (Tier 1)	QL (11.2 per 30 days)
<i>enoxaparin 60 mg/0.6 ml syr</i>	\$0 (Tier 1)	QL (16.8 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (100 mg/ml syringe, 150 mg/ml syringe)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (28 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (80 mg/0.8 ml syr, 120 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (22.4 per 30 days)
<i>fondaparinux sodium (2.5 mg/0.5 ml syr, 5 mg/0.4 ml syr, 7.5 mg/0.6 ml syr, 10 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
FRAGMIN (2,500 UNITS/0.2 ML SYR, 5,000 UNITS/0.2 ML SYR, 7,500 UNITS/0.3 ML SYR, 10,000 UNITS/ML SYRING, 12,500 UNITS/0.5 ML, 15,000 UNITS/0.6 ML, 18,000 UNITS/0.72 ML, 25,000 UNITS/ML VIAL, 95,000 UNITS/3.8 ML VL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>heparin sodium (sod 1,000 unit/ml vial, sod 5,000 unit/ml vial, 10,000 unit/10 ml vial, sod 20,000 unit/ml vl, 30,000 unit/30 ml vial, 50,000 unit/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
JANTOVEN (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET, 5 MG TABLET, 6 MG TABLET, 7.5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
PRADAXA (75 MG CAPSULE, 110 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>warfarin sodium (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
XARELTO (2.5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, STARTER PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ZONTIVITY 2.08 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>anagrelide hcl (0.5 mg capsule, 1 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
ARANESP (10 MCG/0.4 ML SYRINGE, 25 MCG/0.42 ML SYRINGE, 25 MCG/ML VIAL, 40 MCG/ML VIAL, 40 MCG/0.4 ML SYRINGE, 60 MCG/ML VIAL, 60 MCG/0.3 ML SYRINGE, 100 MCG/ML VIAL, 100 MCG/0.5 ML SYRINGE, 150 MCG/0.3 ML SYRINGE, 200 MCG/0.4 ML SYRINGE, 200 MCG/ML VIAL, 300 MCG/ML VIAL, 300 MCG/0.6 ML SYRINGE, 500 MCG/1 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DOPTelet ((10 TAB PK) 20 MG TAB, (15 TAB PK) 20 MG TAB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (15 per 5 days)
DOPTelet (30 TAB PK) 20 MG TAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
EPOGEN (2,000 UNITS/ML VIAL, 3,000 UNITS/ML VIAL, 4,000 UNITS/ML VIAL, 10,000 UNITS/ML VIAL, 20,000 UNITS/2 ML VIAL, 20,000 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
FULPHILA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
LEUKINE 250 MCG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NEULASTA (6 MG/0.6 ML SYRINGE, ONPRO 6 MG/0.6 ML KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN (300 MCG/0.5 ML SYR, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/1.6 ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYR)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NIVESTYM (300 MCG/0.5 ML SYRING, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYRING, 480 MCG/1.6 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PROCrit (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 20,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PROMACTA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 75 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA, QL (90 per 30 days)
PROMACTA 12.5 MG SUSPEN PACKET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA, QL (180 per 30 days)
PROMACTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA, QL (30 per 30 days)
RETACRIT (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
UDENYCA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ZARXIO (300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
CABLIVI (11 MG VIAL, 11 MG KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>tranexamic acid 650 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>aspirin-dipyridam er 25-200 mg</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
BRILINTA (60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>cilostazol (50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clopidogrel 75 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dipyridamole (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>prasugrel hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clonidine (0.1 patch, 0.2 patch, 0.3 patch)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>clonidine hcl (0.1 mg tablet, 0.2 mg tablet, 0.3 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>guanfacine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>methyldopa (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>midodrine hcl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
NORTHERA (100 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (84 per 14 days)
<i>doxazosin mesylate (1 mg tab, 2 mg tab, 4 mg tab, 8 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>phenoxybenzamine hcl 10 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>terazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>irbesartan (75 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>losartan potassium (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olmesartan medoxomil (5 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>telmisartan (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>valsartan (40 mg tablet, 80 mg tablet, 160 mg tablet, 320 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl 40 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>enalapril maleate (2.5 mg tab, 5 mg tablet, 10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fosinopril sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lisinopril (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lisinopril 40 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>moexipril hcl (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>perindopril erbumine (2 mg tab, 4 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>perindopril erbumine 8 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ramipril (1.25 mg capsule, 2.5 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ramipril 10 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trandolapril (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>trandolapril 4 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>amiodarone hcl (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>disopyramide phosphate (100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>dofetilide (125 mcg capsule, 250 mcg capsule, 500 mcg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>flecainide acetate (50 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>mexiletine hcl (150 mg capsule, 200 mg capsule, 250 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
MULTAQ 400 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>propafenone hcl (150 mg tablet, 225 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>propafenone hcl er (er 225 mg cap, er 325 mg cap, er 425 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>quinidine gluc er 324 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>quinidine sulfate (200 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sotalol (80 mg tablet, 120 mg tablet, 160 mg tablet, 240 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sotalol af 120 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acebutolol hcl (200 mg capsule, 400 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>atenolol (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>betaxolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bisoprolol fumarate (5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>carvedilol (3.125 mg tablet, 6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>labetalol hcl (100 mg tablet, 200 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>metoprolol succ er 200 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metoprolol succinate (er 25 mg tab, er 50 mg tab, er 100 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>metoprolol tartrate (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nadolol (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pindolol (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 40 mg/5 ml soln, 40 mg tablet, 60 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl er (er 60 mg capsule, er 80 mg capsule, er 120 mg capsule, er 160 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>timolol maleate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amlodipine besylate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
CARTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DILT-XR (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	
<i>diltiazem 12hr er (12hr er 120 mg cap, 12hr er 60 mg cap, 12hr er 90 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (24hr er 300 mg cap, 24hr er 240 mg cap, 24hr er 360 mg cap, 24hr er 120 mg cap, 24hr er 180 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (cd) (24h er(cd) 120 mg cp, 24h er(cd) 240 mg cp, 24h er(cd) 180 mg cp, 24h er(cd) 360 mg cp, 24h er(cd) 300 mg cp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (xr) (24h er(xr) 240 mg cp, 24h er(xr) 180 mg cp, 24h er(xr) 120 mg cp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er 420 mg cap</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>felodipine er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet, er 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nicardipine hcl (20 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nifedipine (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nimodipine 30 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
TAZTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 360 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	
<i>verapamil 360 mg cap pellet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>verapamil er (er 120 mg capsule, er 120 mg tablet, er 180 mg tablet, er 180 mg capsule, er 240 mg tablet, er 240 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>verapamil er pm (er 100 mg capsule, er 200 mg capsule, er 300 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>verapamil hcl (40 mg tablet, 80 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>verapamil sr (sr 120 mg capsule, sr 180 mg capsule, sr 240 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
ALLI 60 MG CAPSULE*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>amiloride hcl-hctz 5-50 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amiodarone hcl 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amlodipine besylate-benazepril (2.5-10, 5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 10-40 mg, 10-20 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-atorvastatin (2.5-40 mg, 2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-80 mg, 10-40 mg, 10-80 mg, 10-10 mg, 10-20 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-olmesartan (5-40 mg, 5-20 mg, 10-20 mg, 10-40 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan (5-320 mg, 5-160 mg, 10-320 mg, 10-160 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan-hctz (5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>atenolol-chlorthalidone (50-25, 100-25)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>benazepril-hydrochlorothiazide (5-6.25 mg tab, 10-12.5 mg tab, 20-25 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide (2.5-6.25 mg tb, 5-6.25 mg tab, 10-6.25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
DEMSER 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>enalapril-hydrochlorothiazide (5-12.5 mg tab, 10-25 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ezetimibe 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>fosinopril-hctz 10-12.5 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fosinopril-hctz 20-12.5 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>furosemide 10 mg/ml solution</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide (150-12.5 mg tb, 300-12.5 mg tb)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
KEVEYIS 50 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>lisinopril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>losartan-hydrochlorothiazide (50-12.5 mg tab, 100-12.5 mg tab, 100-25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methyldopa-hctz 250-25 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoprolol-hydrochlorothiazide (50-25 mg tab, 100-25 mg tab, 100-50 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nitroglycerin (0.3 mg tablet, 0.4 mg tablet, 0.6 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide (20-12.5 mg tab, 40-12.5 mg tab, 40-25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omega-3 fatty acids 100 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>propranolol-hydrochlorothiazid (40-25 mg tab, 80-25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>quinapril-hctz 20-25 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>spironolactone-hctz 25-25 tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>triamterene-hydrochlorothiazid (37.5-25 mg cp, 37.5-25 mg tb, 75-50 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide (80-12.5 mg tab, 160-12.5 mg tab, 160-25 mg tab, 320-12.5 mg tab, 320-25 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
CORLANOR (5 MG TABLET, 7.5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
CORLANOR 5 MG/5 ML ORAL SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (450 per 30 days)
DIGITEK (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
DIGOX (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>digoxin (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 125 mcg tablet, 250 mcg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>digoxin 0.05 mg/ml solution</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ENTRESTO (24 MG-26 MG TABLET, 49 MG-51 MG TABLET, 97 MG-103 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>pentoxifylline er 400 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
RANEXA (ER 500 MG TABLET, ER 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>ranolazine er (er 500 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
VYNDAQEL 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>acetazolamide (125 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>acetazolamide er 500 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>methazolamide (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bumetanide (0.25 mg/ml vial, 0.5 mg tablet, 1 mg/4 ml vial, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>furosemide (20 mg/2 ml vial, 20 mg tablet, 40 mg/4 ml syringe, 40 mg/5 ml soln, 40 mg/4 ml vial, 40 mg tablet, 80 mg tablet, 100 mg/10 ml vial, 100 mg/10 ml syring)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>torsemide (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>amiloride hcl 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
CAROSPIR 25 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>eplerenone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	ST
<i>spironolactone (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>chlorothiazide (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>chlorthalidone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
DIURIL 250 MG/5 ML ORAL SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>hydrochlorothiazide (12.5 mg tb, 12.5 mg cp, 25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>indapamide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>metolazone (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fenofibrate (40 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>fenofibrate (43 mg capsule, 48 mg tablet, 54 mg tablet, 67 mg capsule, 130 mg capsule, 134 mg capsule, 145 mg tablet, 160 mg tablet, 200 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fenofibrate 150 mg capsule</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>fenofibrate 50 mg capsule</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>fenofibric acid (dr 45 mg cap, dr 135 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>gemfibrozil 600 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>atorvastatin calcium (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin 40 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pravastatin sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab, 80 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rosuvastatin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin 20 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (45 per 30 days)
<i>simvastatin 40 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>cholestyramine (packet, powder)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cholestyramine light (packet, powder)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>colesevelam 625 mg tablet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>colestipol hcl (hcl 1 gm tablet, hcl granules, hcl granules packet, micronized 1 gm tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
JUXTAPID (5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 60 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
JUXTAPID 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
JUXTAPID 30 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>niacin er (er 500 mg tablet, er 750 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>omega-3 ethyl esters 1 gm cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
PRALUENT PEN (75 MG/ML PEN, 150 MG/ML PEN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SURECLICK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
REPATHA 420 MG/3.5ML PUSHTRONX	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
VASCEPA (0.5 GM CAPSULE, 1 GM CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>hydralazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>minoxidil (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>isosorbide dinitr er 40 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>isosorbide dinitrate (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 30 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate (10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate er (mn er 60 mg tablet, mononit er 30 mg tb, mononit er 60 mg tb, mononit er 120 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	
NITRO-BID 2% OINTMENT	\$0 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin (lingual 0.4 mg, 400 mcg spray)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin patch (0.1 patch, 0.2 patch, 0.4 patch, 0.6 patch)</i>	\$0 (Tier 1)	
NITROSTAT (0.3 MG TABLET, 0.4 MG TABLET, 0.6 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RECTIV 0.4% OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 21 days)

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextroamp-amphetamin 30 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 10 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 5 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 10 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (150 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 15 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 5 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphet er (er 5 mg cap, er 10 mg cap, er 15 mg cap, er 20 mg cap, er 25 mg cap, er 30 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine (dextroamp-amphetam 7.5 mg tab, dextroamp-amphetam 12.5 mg tab, dextroamp-amphetamin 10 mg tab, dextroamp-amphetamin 15 mg tab, dextroamp-amphetamin 20 mg tab, dextroamp-amphetamine 5 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>atomoxetine hcl (10 mg capsule, 18 mg capsule, 25 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>atomoxetine hcl (60 mg capsule, 80 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>clonidine hcl er 0.1 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
DAYTRANA (10 MG/9 HR PATCH, 15 MG/9 HR PATCH, 20 MG/9 HOUR PATCH, 30 MG/9 HOUR PATCH)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>guanfacine hcl er (er 1 mg tablet, er 2 mg tablet, er 3 mg tablet, er 4 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate 10 mg/5 ml sol</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (900 per 30 days)
<i>methylphenidate 5 mg/5 ml soln</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (1800 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 10 mg tab, er 20 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 18 mg tab, er 27 mg tab, er 54 mg tab, er 72 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er (la) (er(la) 10mg cp, er(la) 20mg cp, er(la) 30mg cp, er(la) 40mg cp)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er 36 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methylphenidate hcl cd (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 50 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl er (cd) (er(cd) 10mg cp, er(cd) 20mg cp, er(cd) 30mg cp, er(cd) 40mg cp, er(cd) 50mg cp, er(cd) 60mg cp)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate la (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate sr 20 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
BELVIQ 10 MG TABLET*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 80 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
INGREZZA INITIATION PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
LYRICA CR (CR 82.5 MG TABLET, CR 165 MG TABLET, CR 330 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>naltrexone/bupropion 8-90 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NUEDEXTA 20-10 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>phentermine hcl 15 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>phentermine hcl 30 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>riluzole 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
TEGSEDI 284 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (6 per 28 days)
<i>tetrabenazine (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
TIGLUTIK 50 MG/10 ML SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (600 per 30 days)
SAVELLA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
SAVELLA TITRATION PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (55 per 28 days)
AMPYRA ER 10 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AUBAGIO (7 MG TABLET, 14 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
AVONEX (SYR 30 MCG, SYR 30 MCG KT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN (PEN 30 MCG/0.5 ML KIT, PEN 30 MCG/0.5 ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BETASERON (0.3 MG VIAL, 0.3 MG KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>dalfampridine er 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
GILENYA 0.5 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer acetate (20 mg/ml syringe, 40 mg/ml syringe)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
GLATOPA 20 MG/ML SYRINGE	\$0 (Tier 1)	PA
MAVENCLAD (10 MG 10 TABLET PK, 10 MG 6 TABLET PK, 10 MG 4 TABLET PK, 10 MG 9 TABLET PK, 10 MG 8 TABLET PK, 10 MG 5 TABLET PK, 10 MG 7 TABLET PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 365 days)
MAYZENT 0.25 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
MAYZENT 2 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PLEGRIDY (125 MCG/0.5 ML SYRING, SYRINGE STARTER PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY PEN (125 MCG/0.5 ML PEN, PEN INJ STARTER PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
REBIF (22 MCG/0.5 ML SYRINGE, 44 MCG/0.5 ML SYRINGE, TITRATION PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
REBIF REBIDOSE (22 MCG/0.5 ML, 44 MCG/0.5 ML, TITRATION PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TECFIDERA (DR 120 MG CAPSULE, DR 240 MG CAPSULE, STARTER PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Dental and Oral Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cevimeline hcl 30 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>chlorhexidine 0.12% rinse</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate 20 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>pilocarpine hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>triamcinolone 0.1% paste</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ABSORICA (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 35 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>acitretin (10 mg capsule, 17.5 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
ALA-CORT 1% CREAM	\$0 (Tier 1)	
<i>amcinonide (0.1% ointment, 0.1% lotion, 0.1% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ammonium lactate (12% cream, 12% lotion)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
AMNESTEEM (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>bacitracin 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bacitracin zinc 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>benzoyl peroxide 5 % gel (gram)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>betamethasone diprop augmented (0.05% lot, 0.05% oin, 0.05% crm, 0.05% gel)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>betamethasone dipropionate (0.05% oint, aug 0.05% crm, 0.05% crm, 0.05% lot)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>betamethasone valerate (va 0.1% cream, va 0.1% lotion, valer 0.1% ointm)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>calamine lotion*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>calcipotriene (0.005% solution, 0.005% ointment, 0.005% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
CLARAVIS (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>clind ph-benzoyl perox 1.2-5%</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clobetasol emollient 0.05% crm</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clobetasol propionate (0.05% ointment, 0.05% cream, 0.05% solution, 0.05% topical lotn, 0.05% gel)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clotrimazole 1 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole 1% solution</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>clotrimazole 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole-betamethasone (crm, lot)</i>	\$0 (Tier 1)	
CONDYLOX 0.5% GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CORTISPORIN OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
COSENTYX 150 MG/ML PEN INJECT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
COSENTYX 150 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
COSENTYX 300 MG DOSE-2 PENS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
COSENTYX 300 MG DOSE-2 SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>desonide (0.05% ointment, 0.05% lotion, 0.05% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>desoximetasone (0.05% gel, 0.05% cream, 0.05% ointment, 0.25% cream, 0.25% ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diflorasone diacetate (0.05% cream, 0.05% ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>docosanol 10% cream*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
<i>doxepin 5% cream</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
DUPIXENT (200 MG/1.14 ML SYRING, 300 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ELIDEL 1% CREAM	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>erythromycin-benzoyl gel</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluocinolone acetonide (0.01% scalp oil, 0.01% solution, 0.01% cream, 0.025% cream, 0.025% ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluocinonide (0.05% solution, 0.05% gel, 0.05% ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluocinonide-e 0.05% cream</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>fluorouracil (2% topical soln, 5% cream, 5% topical soln)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>fluorouracil 0.5% cream</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>fluticasone propionate (0.005% oint, 0.05% cream, 0.05% lotion)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>halobetasol propionate (0.05% ointmnt, 0.05% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (1% cream, 1% ointment, 2.5% ointment, 2.5% lotion, 2.5% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone 0.5 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>hydrocortisone butyrate (buty 0.1% cream, butyr 0.1% oint, butyr 0.1% soln)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone valerate (0.2% ointmt, 0.2% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>imiquimod 5% cream packet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>isotretinoin (10 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>methoxsalen (10 mg capsule, 10 mg softgel)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>miconazole nitrate 2 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 200 mg-2 % kit*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
<i>mometasone furoate (0.1% soln, 0.1% oint, 0.1% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
MYORISAN (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>neomycin/bacitracin/polymyxinb 3.5-400-5k oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>pimecrolimus 1% cream</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>piperonyl butoxide/pyrethrins 4%-0.33% shampoo*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>podofilox 0.5% topical soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prednicarbate 0.1% cream</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prednicarbate 0.1% ointment</i>	\$0 (Tier 1)	
PROCTO-MED HC 2.5% CREAM	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOSOL-HC 2.5% CREAM	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOZONE-HC 2.5% CREAM	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
QBREXZA 2.4% CLOTH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
REGRANEX 0.01% GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SANTYL OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>selenium sulfide 1 % shampoo*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (207 per 30 days)
<i>selenium sulfide 2.5% lotion</i>	\$0 (Tier 1)	
STELARA (45 MG/0.5 ML SYRINGE, 45 MG/0.5 ML VIAL, 90 MG/ML SYRINGE, 130 MG/26 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tacrolimus (0.03% ointment, 0.1% ointment)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJ (2-PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJ (3-PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE (2-PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE (3-PK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tazarotene 0.1% cream</i>	\$0 (Tier 1)	PA
TAZORAC (0.05% CREAM, 0.05% GEL, 0.1% GEL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tolnaftate 1% cream*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 60 days)
<i>tretinoin (0.01% gel, 0.025% gel, 0.025% cream, 0.05% cream, 0.05% gel, 0.1% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>triamcinolone acetonide (0.025% oint, 0.025% cream, 0.025% lotion, 0.1% cream, 0.1% ointment, 0.1% lotion, 0.5% ointment, 0.5% cream)</i>	\$0 (Tier 1)	
ZENATANE (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CHEMET 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CLOVIQUE 250 MG CAPSULE	\$0 (Tier 1)	PA
<i>deferasirox (125 mg tb susp, 250 mg tb susp, 500 mg tb susp)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
EXJADE (125 MG TABLET, 250 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
FERRIPROX (100 MG/ML SOLUTION, 500 MG TABLET, 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ferrous gluconate 324(38)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 15 mg/ml drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml elixir*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 324(65)mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
INFED 100 MG/2 ML VIAL*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (12 per 28 days)
JADENU (90 MG TABLET, 180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
KIONEX 15 GM/60 ML SUSPENSION	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sodium polystyrene sulfonate (sod polystyren sulf 15 g/60 ml, sodium polystyrene sulf powder, sps 15 gm/60 ml suspension, sps 30 gm/120 ml enema, sps 50 gm/200 ml enema)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sodium,potassium phosphates 280-250 mg oral powder packets*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
SPS (15 GM/60 ML SUSPENSION, 30 GM/120 ML ENEMA SUSP)	\$0 (Tier 1)	
<i>trientine hcl 250 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA
VENOFER (50 MG/2.5 ML VIAL, 100 MG/5 ML VIAL, 200 MG/10 ML VIAL) *	\$0 (Tier 3)	PA
<i>calcium carbonate 215(500)mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 260mg(648) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate 300mg(750) tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500(1250) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate 600 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 250 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-100 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-200 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-200 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-800 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate 200(950)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate/vitamin d3 200 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate/vitamin d3 315 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium gluconate 45(500) mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium phosphate dibas/vit d3 105 mg-120 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CARBAGLU 200 MG DISPER TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>dextrose 4 g tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (50 per 30 days)
<i>electrolytes/dextrose solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4000 per 30 days)
ISOLYTE S IV SOLUTION-EXCEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
K-TAB ER (ER 8 TABLET, ER 10 TABLET, ER 20 TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KLOR-CON 10 MEQ TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KLOR-CON 8 MEQ TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KLOR-CON M15 TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>magnesium chloride 70 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>magnesium oxide 400 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
<i>magnesium sulfate 50% syringe</i>	\$0 (Tier 1)	
NORMOSOL-R PH 7.4 IV SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
OSMOPREP TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PLASMA-LYTE 148 IV SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PLASMA-LYTE A PH 7.4 SOLN.	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>potassium chl-normal saline (20 1,000 ml iv soln, 40 1,000 ml iv soln)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (10% (40 meq/30 ml, 10 meq/100 ml sol, 10% (20 meq/15ml), 10% (40 meq/30ml), 10% (20 meq/15 ml, er 20 meq tablet, 20% (40 meq/15ml), 20% (40 meq/15 ml)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (er 8 meq capsule, er 8 meq tablet, er 10 meq capsule, 10 meq/5 ml conc, er 10 meq tablet, 20 meq/10 ml conc, 40 meq/20 ml conc, 60 meq/30 ml conc)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>potassium citrate er (er 5 tab, er 10 tb, er 15 tb)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq-0.45% nacl</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq/10 ml conc</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sodium chloride (0.9% prcss sol, 0.9% 50 ml, 0.9% solution, 0.9% soln, 0.9% sol-excel, 0.9% 1,000 ml, 0.9% irrig., 0.9% 100 ml, 0.9% 250 ml, 0.9% vial, 0.9% 500 ml, 3% iv soln, 5% iv soln)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sodium chloride 0.9%-water</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
AMINOSYN II (10% IV SOLUTION, 15% IV SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AMINOSYN-PF (7% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ascorbic acid 1000 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 5000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
CLINIMIX (4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 4.25%-25% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION, 5%-25% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CLINIMIX E (2.75%-5% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 4.25%-10% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
CLINISOL 15% SOLUTION	\$0 (Tier 1)	PA
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000 mcg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>dextrose 10%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 10%-0.45% nacl iv sol</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl iv</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl-kcl (5 in d5w-0.2%, 10 in d5w-0.2%, 20 in d5w-0.2%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl iv sol</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl-kcl (10 in d5w-0.225%, 20 in d5w-0.225%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextrose 5%-0.3% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.3% nacl-kcl (10 in d5w-0.3%, 20 in d5w-0.3%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.33% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl-kcl (10 in d5w-0.45%, 20 in d5w-0.45%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.9% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-1/2ns-kcl (d5%-1/2ns-kcl 40 iv sol, d5%-1/2ns-kcl 30 iv sol, d5%-1/2ns-kcl 10 iv sol)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-ns-kcl (20 in d5w-ns, 40 in d5w-nacl 0.9%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-potassium chloride (20 in d5w solution, 40 in d5w solution)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dextrose in water (5%-water 50 ml, 5%-water iv soln, 5%-water vial, 5%-water 100 ml, 10%-water iv solution)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ergocalciferol (vitamin d2) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml elixir*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>folic acid 0.4 mg tablet *</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 0.8 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 1 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
FREAMINE HBC 6.9% IV SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>glucose in water (5%-water 50 ml, 5%-water 100 ml)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
HEPATAMINE 8% IV SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>hydroxocobalamin 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
INTRALIPID (20% IV EMUL, 30% IV EMUL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
IONOSOL MB-D5W IV SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ISOLYTE P-DEXTROSE 5% SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
JYNARQUE (15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG-15 MG TABLET, 60 MG-30 MG TABLET, 90 MG-30 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>kcl 20 meq in d5w-0.33% nacl</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>kcl 20 meq in d5w-lact ringer</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KLOR-CON M10 TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>lactated ringers (injection, irrigation)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>levocarnitine 1 g/10 ml soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>levocarnitine 330 mg tablet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>magnesium oxide 400 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
<i>magnesium sulfate 50% vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>niacin 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>niacin 250 mg tablet er*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>niacin 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NORMOSOL-M AND DEXTROSE 5%	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
NORMOSOL-R-DEXTROSE 5% IV SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NUTRILIPID 20% IV FAT EMULSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>phytonadione (vit k1) 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (20 per 30 days)
<i>potassium chloride (20 meq/100 ml sol, 40 meq/100 ml sol)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (er 10 tablet, er 20 tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20meq/100ml-water</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PREMASOL (6% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0 (Tier 1)	PA
<i>prenatal tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>prenatal vitamin with minerals and folic acid greater than 0.8 mg oral tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
PROCALAMINE IV SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PROSOL 20% INJECTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 25 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>riboflavin (vitamin b2) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>ringer's iv solution</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>ringers irrigation solution</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sodium chloride (saline 0.45% soln-excel con, sodium chloride 0.45% soln)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride ion 1 mg) oral tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sodium lactate 50 meq/10 ml vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>thiamine hcl 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
TPN ELECTROLYTES II IV SOLN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TPN ELECTROLYTES VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TRAVASOL 10% SOLN VIAFLEX	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TROPHAMINE (6% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet) 200 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dicyclomine hcl (10 mg capsule, 10 mg/5 ml soln, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>glycopyrrolate (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bismuth subsalicylate 262 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
CREON DR 36,000 UNITS CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>famotidine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
GAVILYTE-C SOLUTION	\$0 (Tier 1)	
GAVILYTE-G SOLUTION	\$0 (Tier 1)	
GAVILYTE-N SOLUTION	\$0 (Tier 1)	
GOLYTELY (PACKET, SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LINZESS 72 MCG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
LITHOSTAT 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-20 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-25 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 400-400-40 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MYTESI 125 MG DR TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>peg 3350 electrolyte soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>peg 3350-electrolyte solution</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>peg-3350 and electrolytes soln</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PERTZYE (DR 8,000 CAPSULE, DR 16,000 CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>psyllium husk/aspartame 3.4g/5.8g powder*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>ranitidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>simethicone 80 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>sodium bicarbonate 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>sodium bicarbonate 650 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
TRILYTE WITH FLAVOR PACKETS	\$0 (Tier 1)	
VIOKACE (10,440-39,150 TB, 20,880-78,300 TB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>diphenoxylate-atropine (diphenoxylat-atrop 2.5-0.025/5, diphenoxylate-atrop 2.5-0.025)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GATTEX (5 MG ONE-VIAL KIT, 5 MG 30-VIAL KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>loperamide 2 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
MOVANTIK (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
MYALEPT 11.3 MG (5 MG/ML) VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RELISTOR (8 MG/0.4 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML VIAL, 12 MG/0.6 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RELISTOR 150 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
SEROSTIM (4 MG VIAL, 5 MG VIAL, 6 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ursodiol (250 mg tablet, 300 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
XERMELO 250 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
ZORBTIVE 8.8 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>cimetidine (200 mg tablet, 300 mg/5 ml soln, 300 mg tablet, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>famotidine (20 mg tablet, 40 mg tablet, 40 mg/5 ml susp)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>nizatidine (15 mg/ml solution, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ranitidine hcl (15 mg/ml syrup, 150 mg tablet, 150 mg/10 ml syrup, 300 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>alosetron hcl (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
AMITIZA (8 MCG CAPSULE, 24 MCG CAPSULES)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
LINZESS (145 MCG CAPSULE, 290 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
TRULANCE 3 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
VIBERZI (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>bisacodyl 10 mg supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bisacodyl 5 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
CONSTULOSE 10 GM/15 ML SOLN	\$0 (Tier 1)	
<i>docusate calcium 240 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>docusate sodium 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>docusate sodium 250 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>docusate sodium 283 mg/5ml enema*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>docusate sodium 50 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
ENULOSE 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0 (Tier 1)	
GENERLAC 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0 (Tier 1)	
<i>glycerin adult supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
KRISTALOSE (10 GM PACKET, 20 GM PACKET)	\$0 (Tier 1)	PA
<i>lactulose (10 gm/15 ml solution, 20 gm/30 ml solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lactulose 10 gm packet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>magnesium hydroxide 400 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MOVIPREP POWDER PACKET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sennosides 8.6 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
SUPREP BOWEL PREP KIT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>misoprostol (100 mcg tablet, 200 mcg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	ST
<i>sucralfate 1 gm tablet</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lansoprazole (dr 15 mg capsule, dr 30 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole (dr 10 mg capsule, dr 40 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole dr 20 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>omeprazole magnesium 20 mg capsule dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>pantoprazole sodium (dr 20 mg tab, dr 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rabeprazole sod dr 20 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ARALAST NP 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ARALAST NP 500 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CHOLBAM (50 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CREON (DR 6,000 CAPSULE, DR 12,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CYSTADANE 1 GRAM/1.7 ML POWDER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
CYSTAGON (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
CYSTARAN 0.44% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
GALAFOLD 123 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (14 per 28 days)
GLASSIA 1 GM/50 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
KUVAN (100 MG TABLET, 500 MG POWDER PACKET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>miglustat 100 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	PA
OICALIVA (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PALYNZIQ (2.5 MG/0.5 ML SYRINGE, 10 MG/0.5 ML SYRINGE, 20 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PANCREAZE (DR 2,600 CAP, DR 4,200 CAP, DR 10,500 CAP, DR 16,800 CAP, DR 21,000 CAP)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PERTZYE DR 4,000 UNIT CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PLENAMINE 15% SOLUTION	\$0 (Tier 1)	PA
PROLASTIN C 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PROLASTIN C 1,000 MG/20 ML VL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
RAVICTI 1.1 GRAM/ML LIQUID	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>sodium phenylbutyrate powder</i>	\$0 (Tier 1)	PA
ZEMAIRA 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ZENPEP (DR 3,000 UNIT CAPSULE, DR 5,000 UNIT CAPSULE, DR 10,000 UNIT CAPSULE, DR 15,000 UNIT CAPSULE, DR 20,000 UNIT CAPSULE, DR 25,000 UNITS CAPSULE, DR 25,000 UNIT CAPSULE, DR 40,000 UNIT CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>darifenacin er (er 7.5 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>flavoxate hcl 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
GELNIQUE (10% GEL SACHET, 10% GEL SACHETS, 10% GEL PUMP)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
MYRBETRIQ (ER 25 MG TABLET, ER 50 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>oxybutynin chloride (5 mg tablet, 5 mg/5 ml syrup)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>oxybutynin chloride er (er 5 mg tablet, er 10 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
OXYTROL 3.9 MG/24HR PATCH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (8 per 28 days)
<i>solifenacin succinate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate (1 mg tab, 2 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate er (er 2 mg cap, er 4 mg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
TOVIAZ (ER 4 MG TABLET, ER 8 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>trospium chloride 20 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>trospium chloride er 60 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VESICARE (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>alfuzosin hcl er 10 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dutasteride 0.5 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>finasteride 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tamsulosin hcl 0.4 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bethanechol chloride (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
DEPEN 250 MG TITRATAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ELMIRON 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
AURYXIA 210 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (360 per 30 days)
<i>calcium acetate (667 mg capsule, 667 mg gelcap)</i>	\$0 (Tier 1)	
FOSRENOL (750 MG POWDER PACKET, 1,000 MG POWDER PACK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>lanthanum carbonate (500 mg tab chew, 750 mg tab chew, 1,000 mg tb chw)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RENAGEL 800 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>sevelamer carbonate (2.4 gm powder packet, carbonate 800 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sevelamer hcl (400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	

Hormonal Agents, Parathyroid

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cinacalcet hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
NATPARA (25 MCG CARTRIDGE, 50 MCG CARTRIDGE, 75 MCG CARTRIDGE, 100 MCG CARTRIDGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
SENSIPAR (30 MG TABLET, 60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ACTHAR GEL 400 UNIT/5 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 28 days)
<i>cortisone 25 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
DEPO-MEDROL 20 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dexamethasone (0.5 mg/5 ml elx, 0.5 mg/5 ml liq, 0.5 mg tablet, 0.75 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 6 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
DEXAMETHASONE INTENSOL 1 MG/ML	\$0 (Tier 1)	
<i>dexamethasone sodium phosphate (4 mg/ml vial, 10 mg/ml vial, 10 mg/ml syringe, 20 mg/5 ml vial, 100 mg/10 ml vial, 120 mg/30 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
EMFLAZA (6 MG TABLET, 18 MG TABLET, 22.75 MG/ML ORAL SUSP, 30 MG TABLET, 36 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>fludrocortisone 0.1 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>methylprednisolone (4 mg dosepk, 4 mg tablet, 8 mg tab, 16 mg tab, 32 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methylprednisolone acetate (40 mg/ml vial, 80 mg/ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>methylprednisolone ss 1 gm vial</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prednisolone (15 mg/5 ml syrup, 15 mg/5 ml soln)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prednisolone sodium phos odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 30 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prednisolone sodium phosphate (5 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml soln, sod ph 25 mg/5 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>prednisone (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 5 mg/5 ml solution, 5 mg tablet, 5 mg tab dose pack, 10 mg tab dose pack, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
PREDNISONE INTENSOL 5 MG/ML	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>desmopressin acetate (0.01% spray, 0.01% solution, acetate 0.1 mg tb, acetate 0.2 mg tb)</i>	\$0 (Tier 1)	
EGRIFTA (1 MG VIAL, 2 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
GENOTROPIN (MINIQUICK 0.2 MG, MINIQUICK 0.4 MG, MINIQUICK 0.6 MG, MINIQUICK 0.8 MG, MINIQUICK 1 MG, MINIQUICK 1.2 MG, MINIQUICK 1.4 MG, MINIQUICK 1.6 MG, MINIQUICK 1.8 MG, MINIQUICK 2 MG, 5 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMATROPE (5 MG VIAL, 6 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE, 24 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
INCRELEX 40 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NOCTIVA (0.83 MCG/0.1 ML SPRAY, 1.66 MCG/0.1 ML SPRAY)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN FLEXPOR (5 MG/1.5, 10 MG/1.5, 15 MG/1.5, 30 MG/3 ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN NORDIFLEX 30 MG/3	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NUTROPIN AQ NUSPIN (5, 10, 20)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
OMNITROPE (5 MG/1.5 ML CRTG, 5.8 MG VIAL, 10 MG/1.5 ML CRTG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SAIZEN (5 MG VIAL, 8.8 MG CLICK.EASY CARTG, 8.8 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SAIZEN 8.8 MG SAIZENPREP CART	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT (10 MG KT, 10 MG VL, 20 MG KT, 20 MG VL, 30 MG KT, 30 MG VL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ZOMACTON (5 MG VIAL, 10 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANADROL-50 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ANDRODERM (2 MG/24HR PATCH, 4 MG/24HR PATCH)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANDROGEL (1.62% GEL PUMP, 1.62%(1.25G) GEL PCKT, 1.62%(2.5G) GEL PCKT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>danazol (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>methyltestosterone 10 mg cap</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone (1.62% (2.5 g) pkt, 1.62% gel pump, 1.62%(1.25 g) pkt, 12.5 mg/1.25 gram, 25 mg/2.5 gm pkt, 30 mg/1.5 ml pump, 50 mg/5 gram gel, 50 mg/5 gram pkt)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone 10 mg gel pump</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>testosterone cypionate (testosteron 1,000 mg/10 ml, testosteron 2,000 mg/10 ml, testosterone 100 mg/ml, testosterone 200 mg/ml, testosterone 500 mg/5 ml, testosterone 500 mg/2.5 ml, testosterone 1,000 mg/5 ml, testosterone 6,000 mg/30ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone enanthate (testosteron 1,000 mg/5 ml, testosterone 200 mg/ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
DEPO-ESTRADIOL 5 MG/ML VIAL	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
DOTTI (0.025 MG PATCH, 0.0375 MG PATCH, 0.05 MG PATCH, 0.075 MG PATCH, 0.1 MG PATCH)	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ESTRACE 0.01% CREAM	\$0 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.01% cream, 10 mcg vaginal insrt)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.025 mg patch, 0.0375 mg patch, tds 0.05 mg/day, 0.05 mg patch, 0.075 mg patch, 0.1 mg patch)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)
<i>estradiol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>estradiol (tds 0.025, 0.0375 patch, tds 0.0375, 0.06 patch, tds 0.06, 0.075 patch, tds 0.075, tds 0.1)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (4 per 28 days)
<i>estradiol valerate (20 mg/ml vl, 40 mg/ml vl)</i>	\$0 (Tier 1)	
ESTRING 2 MG VAGINAL RING	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
FEMRING (0.05 VAG RING, 0.10 VAG RING)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
IMVEXXY (4 MCG STARTER PACK, 4 MCG MAINTENANCE PACK, 10 MCG STARTER PACK, 10 MCG MAINTENANCE PAK)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MENEST (0.3 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 1.25 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
MENOSTAR 14 MCG/DAY PATCH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PREMARIN (0.3 MG TABLET, 0.45 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 0.9 MG TABLET, 1.25 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
PREMARIN VAGINAL CREAM-APPL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ACTIVELLA 1 MG-0.5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
AFIRMELLE-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ALTAVERA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ALYACEN 1-35 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
AMABELZ (0.5 MG-0.1 MG TABLET, 1 MG- 0.5 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
AMETHIA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0 (Tier 1)	
AMETHIA LO TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ANGELIQ (0.25 MG-0.5 MG TABLET, 0.5 MG-1 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
ANNOVERA VAGINAL RING	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
APRI 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ARANELLE 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ASHLYNA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0 (Tier 1)	
AUBRA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
AUROVELA (1 MG-20 MCG TABLET, 21 1.5-30 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
AUROVELA 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0 (Tier 1)	
AUROVELA FE (1-20 TABLET, 1.5 MG-30 MCG TAB)	\$0 (Tier 1)	
AVIANE-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
AYUNA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
BALCOLTRA TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BALZIVA 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
BEYAZ 28 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BLISOVI 24 FE TABLET	\$0 (Tier 1)	
BLISOVI FE 1.5-30 TABLET	\$0 (Tier 1)	
BRIELLYN TABLET	\$0 (Tier 1)	
CAMRESE LO TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CAZIAN 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
CLIMARA PRO PATCH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
COMBIPATCH (0.05-0.25 MG, 0.05-0.14 MG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
CRINONE (4% GEL, 8% GEL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
CRYSELLE-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
CYCLAFEM (1-35-28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
CYRED 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
CYRED EQ 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
DELYLA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>desogestr-eth estrad eth estra</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (desogest-eth estra 0.15-0.03mg, desogestrel-ethinyl estrad tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>drosp-ee-levomef 3-0.02-0.451</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol (3-0.02 mg tab, 3-0.03 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
EMOQUETTE 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
ENPRESSE-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ENSKYCE 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ESTARYLLA 0.25-0.035 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>estradiol-norethindrone acetat (0.5-0.1 mg tb, 1-0.5 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>ethynodiol-ethinyl estradiol (1mg-35mcg, 1mg-50mcg)</i>	\$0 (Tier 1)	
FALMINA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
FAYOSIM TABLET	\$0 (Tier 1)	
FEMYNOR 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
FYAVOLV (0.5 MG-2.5 MCG TABLET, 1 MG-5 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
GENERESS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
GIANVI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
HAILEY 21 1.5 MG-30 MCG TAB	\$0 (Tier 1)	
HAILEY 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INTRAROSA 6.5 MG VAG INSERT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
INTROVALE 0.15-0.03 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
ISIBLOOM 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
JASMIEL 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
JINTELI 1 MG-5 MCG TABLET	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
JULEBER 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
JUNEL (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
JUNEL FE (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
JUNEL FE 24 TABLET	\$0 (Tier 1)	
KAITLIB FE CHEWABLE TABLET	\$0 (Tier 1)	
KALLIGA 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
KARIVA 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
KELNOR 1-35 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
KELNOR 1-50 TABLET	\$0 (Tier 1)	
KURVELO TABLET	\$0 (Tier 1)	
LARIN (1.5 MG-30 MCG TABLET, 21 1-20 TABLET)	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LARIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
LARISSIA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
LAYOLIS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LEENA 28 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LESSINA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
LEVONEST-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>levonorg-eth estrad eth estrad (levono-e estrad 0.10-0.02-0.01, levono-e estrad 0.15- 0.03-0.01, levonorg 0.15mg-ee 20-25-30mcg)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (estra 0.09-0.02 mg, estrad 0.1-0.02 mg, estrad 0.15-0.03, estrad triphasic)</i>	\$0 (Tier 1)	
LEVORA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
LO LOESTRIN FE 1-10 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LO-ZUMANDIMINE 3 MG-0.02 MG TB	\$0 (Tier 1)	
LOESTRIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TABLET)	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LOESTRIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
LORYNA 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
LOSEASONIQUE TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LOW-OGESTREL-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
LUTERA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
MARLISSA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
MELODETTA 24 FE CHEWABLE TAB	\$0 (Tier 1)	
MIBELAS 24 FE CHEWABLE TABLET	\$0 (Tier 1)	
MICROGESTIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TAB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MICROGESTIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TAB)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MILI 0.25-0.035 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
MIMVEY 1-0.5 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
MIMVEY LO 0.5-0.1 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
MINASTRIN 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NATAZIA 28 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
NECON 0.5-35-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
NIKKI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>norethin-eth estra-ferrous fum (noret-estr-fe 0.4-0.035(21)-75, noreth-estradiol 1-0.02(24)-75, norethin-estra-fe 0.8-0.025 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-ee 1.5-0.03 mg(21) tb, norethind-eth estradiol 1-0.02 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-eth 1 mg-5 mcg, norethind-eth 0.5-2.5)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.035, norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.025, norg-ethin estra 0.25-0.035 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	
NORTREL (0.5-35-28 TABLET, 1-35 21 TABLET, 1-35 28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
NUVARING VAGINAL RING	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
OCELLA 3 MG-0.03 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OGESTREL TABLET	\$0 (Tier 1)	
ORSYTHIA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
ORTHO TRI-CYCLEN LO TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ORTHO-NOVUM (1-35-28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>oxandrolone (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
PIMTREA 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
PIRMELLA (1-35-28 TABLET, 1-35 28 TABLET)	\$0 (Tier 1)	
PORTIA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
PREFEST TABLET	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
PREMPHASE 0.625-5 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
PREMPRO (0.3 MG-1.5 MG TABLET, 0.45- 1.5 MG TABLET, 0.625-5 MG TABLET, 0.625- 2.5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
PREVIFEM TABLET	\$0 (Tier 1)	
QUARTETTE TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RECLIPSEN 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
RIVELSA TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SAFYRAL TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SEASONIQUE 0.15-0.03-0.01 TAB	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SETLAKIN 0.15 MG-0.03 MG TAB	\$0 (Tier 1)	
SIMLIYA 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
SIMPESSE 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0 (Tier 1)	
SLYND 4 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SPRINTEC 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
SRONYX 0.10-0.02 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
SYEDA 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
TARINA 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0 (Tier 1)	
TARINA FE 1-20 TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-ESTARYLLA TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-LEGEST FE-28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TRI-LO-ESTARYLLA TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-LO-MILI TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-LO-SPRINTEC TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-MILI 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-PREVIFEM TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-SPRINTEC TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA LO TABLET	\$0 (Tier 1)	
TRIVORA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
TYDEMY TABLET	\$0 (Tier 1)	
VELIVET 28 DAY TABLET	\$0 (Tier 1)	
VIENVA-28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
VYFEMLA 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
VYLIBRA 28 TABLET	\$0 (Tier 1)	
WYMZYA FE CHEWABLE TABLET	\$0 (Tier 1)	
XULANE PATCH	\$0 (Tier 1)	
YASMIN 28 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
YAZ 28 TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
YUVAFEM (10 MCG INSERT, 10 MCG TABLET)	\$0 (Tier 1)	
ZARAH TABLET	\$0 (Tier 1)	
ZOVIA 1-35E TABLET	\$0 (Tier 1)	
ZUMANDIMINE 3 MG-0.03 MG TAB	\$0 (Tier 1)	
CAMILA 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
DEBLITANE 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
DEPO-PROVERA 400 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ERRIN 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
INCASSIA 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>levonorgestrel 1.5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
LYZA 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
<i>medroxyprogesterone 150 mg/ml</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>medroxyprogesterone acetate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>megestrol acetate (20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>megestrol acetate (40 mg/ml susp, 400 mg/10 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
NORA-BE TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>norethindrn 5 mg tb (lupaneta)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>norethindrone 0.35 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>norethindrone 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
NORLYROC 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
ORTHO MICRONOR 0.35 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>progesterone (100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	
SHAROBEL 0.35 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	
DUAVEE 0.45-20 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM
<i>raloxifene hcl 60 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LEVO-T (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>levothyroxine sodium (25 mcg tablet, 50 mcg tablet, 75 mcg tablet, 88 mcg tablet, 100 mcg tablet, 112 mcg tablet, 125 mcg tablet, 137 mcg tablet, 150 mcg tablet, 175 mcg tablet, 200 mcg tablet, 300 mcg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
LEVOXYL (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>liothyronine sodium (5 mcg tab, 25 mcg tab, 50 mcg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
SYNTHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TIROSINT (13 MCG CAPSULE, 25 MCG CAPSULE, 50 MCG CAPSULE, 75 MCG CAPSULE, 88 MCG CAPSULE, 100 MCG CAPSULE, 112 MCG CAPSULE, 125 MCG CAPSULE, 137 MCG CAPSULE, 150 MCG CAPSULE, 175 MCG CAPSULE, 200 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TIROSINT-SOL (13 MCG/ML SOLN, 25 MCG/ML SOLN, 50 MCG/ML SOLN, 75 MCG/ML SOLN, 88 MCG/ML SOLN, 100 MCG/ML SOLN, 112 MCG/ML SOLN, 125 MCG/ML SOLN, 137 MCG/ML SOLN, 150 MCG/ML SOLN, 175 MCG/ML SOLN, 200 MCG/ML SOLN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
UNITHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
KORLYM 300 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
LYSODREN 500 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone sodium succ (40 mg vial, 125 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	
SOLU-MEDROL 2,000 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cabergoline 0.5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
ELIGARD (7.5 MG SYRINGE KIT, 7.5 MG SYRINGE B, 22.5 MG SYRINGE KIT, 22.5 MG SYRINGE B, 30 MG SYRINGE KIT, 30 MG SYRINGE B, 45 MG SYRINGE KIT, 45 MG SYRINGE B)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
FIRMAGON (2 X 120 MG KIT, 2 X 120 MG VIALS, 80 MG KIT, 80 MG VIAL, 120 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>leuprolide acetate (1 mg/0.2 ml vial, 2wk 1 mg/0.2 ml kit, 2wk 14 mg/2.8 ml kt, 2wk 14 mg/2.8 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
LUPRON DEPOT (DEPOT 3.75 MG KIT, DEPOT-4 MONTH KIT, DEPOT 7.5 MG KIT, DEPOT 11.25 MG 3MO KIT, DEPOT 22.5 MG 3MO KIT, DEPOT 45 MG 6MO KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT (LUPANETA) (DEPO 11.25MG (LUPANETA), DEPOT 3.75MG (LUPANETA))	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT-PED (7.5 MG KIT, 11.25 MG 3MO)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>octreotide acetate (acet 0.05 mg/ml vial, acet 50 mcg/ml amp, acet 50 mcg/ml vial, acet 100 mcg/ml amp, acet 100 mcg/ml vial, acet 200 mcg/ml vial, acet 500 mcg/ml amp, acet 500 mcg/ml vial, 1,000 mcg/5 ml vial, 1,000 mcg/ml vial, 5,000 mcg/5 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
SIGNIFOR (0.3 MG/ML, 0.6 MG/ML, 0.9 MG/ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
SOMATULINE DEPOT (60 MG/0.2 ML, 90 MG/0.3 ML, 120 MG/0.5 ML)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SOMAVERT (10 MG VIAL, 15 MG VIAL, 20 MG VIAL, 25 MG VIAL, 30 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SYNAREL 2 MG/ML NASAL SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TRELSTAR (3.75 MG VIAL, 11.25 MG VIAL, 22.5 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Hormonal Agents, Suppressant (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methimazole (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>propylthiouracil 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CINRYZE 500 UNIT VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
FIRAZYR 30 MG/3 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HAEGARDA (2,000 VIAL, 3,000 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>icatibant 30 mg/3 ml syringe</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
TAKHZYRO 300 MG/2 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
AZASAN (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0 (Tier 1)	PA BvD
<i>azathioprine 50 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
CELLCEPT (200 MG/ML ORAL SUSP, 250 MG CAPSULE, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
CIMZIA (2X200 MG/ML SYRINGE KIT, 2X200 MG/ML(X3)START KT, 200 MG VIAL KIT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>cyclosporine (25 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
<i>cyclosporine modified (25 mg, 50 mg, 100mg/ml, 100 mg)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
ENBREL (25 MG/0.5 ML SYRINGE, 25 MG KIT, 50 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML MINI CARTRIDGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML SURECLICK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENGRAF (25 MG CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION, 100 MG CAPSULE)	\$0 (Tier 1)	PA BvD
HUMIRA (10 MG/0.2 ML SYRINGE, 20 MG/0.4 ML SYRINGE, 40 MG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEDI CROHN 40 MG/0.8 ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN 40 MG/0.8 ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN CROHN-UC-HS 40 MG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN PS-UV-ADOL HS 40 MG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) (HUMIRA(CF) 10 MG/0.1 ML SYRING, HUMIRA(CF) 20 MG/0.2 ML SYRING, HUMIRA(CF) 40 MG/0.4 ML SYRING)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEDIATRIC CROHN'S (HUMIRA(CF) 80-40 MG, HUMIRA(CF) 80MG/0.8)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN 40 MG/0.4 ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HUMIRA(CF) PEN CRHN-UC-HS 80MG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN PS-UV-AHS 80-40	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ILUMYA 100 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
KEVZARA (150 MG/1.14 ML SYRINGE, 200 MG/1.14 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (1.14 per 14 days)
KINERET 100 MG/0.67 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>methotrexate (1 gm vial, 2.5 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mycophenolate mofetil (200 mg/ml susp, 250 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
<i>mycophenolic acid (dr 180 mg tb, dr 360 mg tb)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
MYFORTIC (180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
NEORAL (25 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION, 100 MG GELATIN CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
OLUMIANT 2 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ORENCIA (125 MG/ML SYRINGE, 250 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ORENCIA CLICKJECT 125 MG/ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PROGRAF (0.2 MG GRANULE PACKET, 0.5 MG CAPSULE, 1 MG GRANULE PACKET, 1 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
RAPAMUNE (0.5 MG TABLET, 1 MG/ML ORAL SOLN, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
REMICADE 100 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SANDIMMUNE (25 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 100 MG/ML SOLN)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
SILIQ 210 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SIMPONI (100 MG/ML PEN INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
SIMPONI (50 MG/0.5 ML PEN INJEC, 50 MG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
<i>sirolimus (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1 mg/ml solution, 2 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SKYRIZI 150 MG DOSE KIT-2 SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tacrolimus (0.5 mg capsule, 1 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA BvD
TAVALISSE (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TREMFYA (100 MG/ML INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
XATMEP 2.5 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
XELJANZ (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
XELJANZ XR 11 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ZORTRESS (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 0.75 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA BvD
BENLYSTA (200 MG/ML SYRINGE, 200 MG/ML AUTOINJECT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
FLEBOGAMMA DIF 10% VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
GAMMAGARD LIQUID 10% VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GAMMAGARD S-D (5 GM VL W/SET, 5 G (IGA<1) SOLN, 10 G (IGA<1) SOL, 10 GM VL W/ST)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
GAMMAKED 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
GAMMAPLEX (2.5 GRAM/50 ML VIAL, 5 GRAM/100 ML VIAL, 5 GRAM/50 ML VIAL, 10 GRAM/100 ML VIAL, 10 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/400 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
GAMUNEX-C 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HAVRIX 1,440 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
INFLECTRA 100 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
KEDRAB (300 UNIT/2 ML VIAL, 1,500 UNIT/10 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
KINRIX TIP-LOK SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>methotrexate (50 mg/2 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methotrexate sodium (1 gram/40 ml vial, 25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial, 100 mg/4 ml vial, 200 mg/8 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
OCTAGAM (5% VIAL, 10% VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PANZYGA (10% (30 G/300 ML) VIAL, 10% (2.5 G/25 ML) VIAL, 10% (20 G/200 ML) VIAL, 10% (1 G/10 ML) VIAL, 10% (10 G/100 ML) VIAL, 10% (5 G/50 ML) VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
PEDIARIX 0.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PRIVIGEN 10% VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RECOMBIVAX HB 10 MCG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RENFLEXIS 100 MG VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
XEMBIFY (20% (1 G/5 ML) VIAL, 20% (2 G/10 ML) VIAL, 20% (10 G/50 ML) VIAL, 20% (4 G/20 ML) VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ACTEMRA (80 MG/4 ML VIAL, 162 MG/0.9 ML SYRINGE, 200 MG/10 ML VIAL, 400 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ACTEMRA ACTPEN 162 MG/0.9 ML	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
ARCALYST 220 MG INJECTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>leflunomide (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
OTEZLA 28 DAY STARTER PACK	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (55 per 28 days)
OTEZLA 30 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
RIDAURA 3 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ACTHIB (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ADACEL TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BEXSERO PREFILLED SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BOOSTRIX TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DAPTACEL DTAP VACCINE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>diphtheria-tetanus toxoids-ped</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ENGRIX-B 20 MCG/ML SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ENGRIX-B PEDI 10 MCG/0.5 SYRN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
GARDASIL 9 (9 SYRINGE, 9 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
HAVRIX (720 UNITS/0.5 ML VIAL, 720 UNIT/0.5 ML SYRINGE, 1,440 UNITS/ML SYRINGE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
HIBERIX (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
IMOVAX RABIES VACCINE (VACCINE VIAL, VACCINE+DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
INFANRIX DTAP VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
IPOL VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
IXIARO (6 MCG/0.5 ML SYRINGE, 6 UNIT(6 MCG)/0.5ML SYR)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
KINRIX VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
M-M-R II VACCINE (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MENACTRA VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP VIAL KT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PEDVAXHIB VACCINE VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PENTACEL ACTHIB COMPONENT VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
PROQUAD VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
QUADRACEL DTAP-IPV VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
RABAVERT (VACC W-DILUENT, VACCINE VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
RECOMBIVAX HB (5 MCG/0.5 ML SYR, 10 MCG/ML SYR, 40 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ROTARIX VACCINE SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ROTATEQ VACCINE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
SHINGRIX VIAL KIT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 365 days)
<i>tdvax vial</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TENIVAC SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>tetanus diphtheria toxoids</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TRUMENBA 120 MCG/0.5 ML VACCIN	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TWINRIX VACCINE SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TYPHIM VI (25 MCG/0.5 ML AL, 25 MCG/0.5 ML SYRNG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VAQTA (25 UNITS/0.5 ML VIAL, 25 UNITS/0.5 ML SYRINGE, 50 UNITS/ML SYRINGE, 50 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VARIVAX VACCINE (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
VARIZIG 125 UNIT/1.2 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
YF-VAX (1 VIAL, 5 VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ZOSTAVAX VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (1 per 365 days)

Inflammatory Bowel Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>balsalazide disodium 750 mg cp</i>	\$0 (Tier 1)	
CANASA 1,000 MG SUPPOSITORY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DELZICOL DR 400 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
DIPENTUM 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>mesalamine 1,000 mg supp</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Inflammatory Bowel Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>mesalamine 4 gm/60 ml enema</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>mesalamine 800 mg dr tablet</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>mesalamine dr 1.2 gm tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>mesalamine dr 400 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
PENTASA 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
PENTASA 500 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
ALA-CORT 2.5% CREAM	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
ANUSOL-HC 2.5% CREAM	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>budesonide ec 3 mg capsule</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone 100 mg/60 ml</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
MICORT-HC (MICORT HC 2.5% CREAM, MICORT-HC 2.5% CREAM)	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>sulfasalazine 500 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>sulfasalazine dr 500 mg tab</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Metabolic Bone Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>alendronate sod 70 mg/75 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>alendronate sodium (35 mg tab, 70 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>alendronate sodium (5 mg tablet, 10 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>calcitonin-salmon 200 units sp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>calcitriol (0.25 mcg capsule, 0.5 mcg capsule, 1 mcg/ml solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>doxercalciferol (0.5 mcg cap, 1 mcg capsule, 2.5 mcg cap)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>etidronate disodium (200 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0 (Tier 1)	
FORTEO 600 MCG/2.4 ML PEN INJ	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>ibandronate sodium 150 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	QL (1 per 28 days)
<i>pamidronate disodium (30 mg/10 ml vial, 60 mg/10 ml vial, 90 mg/10 ml vial)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>paricalcitol (1 mcg capsule, 2 mcg capsule, 4 mcg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
PROLIA 60 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RAYALDEE ER 30 MCG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Metabolic Bone Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TYMLOS 80 MCG DOSE PEN INJECTR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (2 per 30 days)
XGEVA 120 MG/1.7 ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>zoledronic acid (4 mg/5 ml vial, 5 mg/100 ml)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
ZOMETA 4 MG/100 ML INJECTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>atropine 1% eye drops</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>bacitracin-polymyxin eye oint</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>balanced salt eye irrigation solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
BLEPHAMIDE EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
BLEPHAMIDE EYE OINTMENT	\$0 (Tier 1)	
COMBIGAN 0.2%-0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dorzolamide-timolol eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
LASTACFT 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
<i>mineral oil/petrolatum, white 42.5-57.3% ophthalmic oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
<i>neo-bacit-poly-hc eye ointment</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomyc-bacit-polymix eye oint</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomyc-polym-gramicid eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomycin-poly-hc eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-dexameth (neomyc-polym-dexamet ointm, neomyc-polym-dexameth drop)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>polymyxin b-tmp eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>polyvinyl alcohol 1.4 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>polyvinyl alcohol 1.4 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
PRED-G 1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>propylene glycol/peg 400/pf 0.3 %-0.4% droperette*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>sod borate/boric ac/water/nacl irrig soln*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sodium chloride 5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>sulfacetamide-prednisolone (10-0.25% drops, 10-0.23% drops)</i>	\$0 (Tier 1)	
TOBRADEX ST EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>tobramycin-dexameth ophth susp</i>	\$0 (Tier 1)	
XIIDRA 5% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % droperette*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>carboxymethylcellulose sodium 1 % ophthalmic dropper gel*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
LACRISERT 5 MG EYE INSERT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
OXERVATE 0.002% EYE DROP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
RESTASIS 0.05% EYE EMULSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
RESTASIS MULTIDOSE 0.05% EYE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ALOCIL 2% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
ALOMIDE 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST
<i>azelastine hcl 0.05% drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cromolyn 4% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ketotifen fumarate 0.025 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.1% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	ST, QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.2% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	ST
PAZEO 0.7% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (2.5 per 30 days)
ACUVAIL 0.45% OPHTH SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (70 per 180 days)
ALREX 0.2% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>dexamethasone 0.1% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>diclofenac 0.1% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	QL (20 per 180 days)
DUREZOL 0.05% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
FLAREX 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluorometholone 0.1% drops</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>flurbiprofen 0.03% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
FML FORTE 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
FML S.O.P. 0.1% OINTMENT	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>ketorolac tromethamine (0.4% solution, 0.5% solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
LOTEMAX (0.5% OPHTHALMIC GEL, 0.5% EYE OINTMENT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)
LOTEMAX 0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
LOTEMAX SM 0.38% OPHTH GEL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)
<i>loteprednol etabonate 0.5% drp</i>	\$0 (Tier 1)	
NEVANAC 0.1% DROPTAINER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (6 per 180 days)
PRED MILD 0.12% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>prednisolone ac 1% eye drop</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prednisolone sod 1% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
ALPHAGAN P 0.1% DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>apraclonidine hcl 0.5% drops</i>	\$0 (Tier 1)	
AZOPT 1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>betaxolol hcl 0.5% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
BETOPTIC S 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>brimonidine 0.2% eye drop</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>brimonidine tartrate 0.15% drp</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>carteolol hcl 1% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>dorzolamide hcl 2% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
IOPIDINE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>levobunolol 0.5% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
PHOSPHOLINE IODIDE 0.125%	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>pilocarpine hcl (1% drops, 2% drops, 4% drops)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>timolol maleate (0.25% gfs, 0.25%, 0.5% gfs, 0.5%)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>timolol maleate (maleate 0.25% drop, 0.5% drop, maleate 0.5% drops)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>bimatoprost 0.03% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>latanoprost 0.005% eye drops</i>	\$0 (Tier 1)	
LUMIGAN 0.01% EYE DROPS	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
TRAVATAN Z 0.004% EYE DROP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Otic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carbamide peroxide 6.5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (15 per 30 days)
CIPRO HC OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CIPRODEX OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Otic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluocinolone oil 0.01% ear drp</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear susp</i>	\$0 (Tier 1)	

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ARNUITY ELLIPTA (50 MCG, 100 MCG, 200 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ASMANEX (TWISTHALER 110 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #60, TWISTHALER 220 MCG #120)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
ASMANEX HFA (HFA 100 MCG INHALER, HFA 200 MCG INHALER)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (13 per 30 days)
<i>budesonide (0.25 mg/2 ml susp, 0.5 mg/2 ml inh susp, 1 mg/2 ml inh susp)</i>	\$0 (Tier 1)	
FLOVENT DISKUS (50 MCG, 100 MCG, 250 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
FLOVENT HFA (HFA 44 MCG INHALER, HFA 110 MCG INHALER)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FLOVENT HFA 220 MCG INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
PULMICORT FLEXHALER (90 MCG, 180 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
QVAR REDIHALER (40 MCG, 80 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide 55 mcg spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (17 per 30 days)
<i>brompheniramin/pseudoephedrine 1-15mg/5ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>chlorpheniramine maleate 4 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>cypheptadine hcl (2 mg/5 ml syrup, 2 mg/5 ml soln, 4 mg tablet, 4 mg/10 ml syrup)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>desloratadine 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dimenhydrinate 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (24 per 30 days)
<i>diphenhydramine hcl 25 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 180 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>levocetirizine 2.5 mg/5 ml sol</i>	\$0 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>levocetirizine 5 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 5 mg/5 ml solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>triprolidine/pseudoephedrine 2.5mg-60mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>montelukast sodium (4 mg granules, 4 mg tab chew, 5 mg tab chew, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>zafirlukast (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ATROVENT 17 MCG HFA INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
INCRUSE ELLIPTA 62.5 MCG INH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ipratropium br 0.02% soln</i>	\$0 (Tier 1)	
SPIRIVA 18 MCG CP-HANDIHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT (1.25 MCG, 2.5 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (30 ACTUATIONS)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (60 ACTUATIONS)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
ADRENALIN 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
ADRENALIN CL 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
<i>albuterol sulfate (sul 0.63 mg/3 ml sol, sul 1.25 mg/3 ml sol, sulf 2 mg/5 ml syrup, 2.5 mg/0.5 ml sol, sul 2.5 mg/3 ml soln, 5 mg/ml solution, 15 mg/3 ml solution, 20 mg/4 ml solution)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proair generic)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (34 per 30 days)
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proventil generic)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (14 per 30 days)
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (ventolin generic)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (36 per 30 days)
BROVANA 15 MCG/2 ML SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
<i>epinephrine (0.15 mg auto-inject, 0.3 mg auto-inject)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
<i>levalbuterol hcl (0.31 mg/3 ml sol, 0.63 mg/3 ml sol)</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>metaproterenol 10 mg/5 ml syr</i>	\$0 (Tier 1)	
PROAIR HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (34 per 30 days)
PROAIR RESPICLICK 90 MCG INHLR	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
PROVENTIL HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (14 per 30 days)
SEREVENT DISKUS 50 MCG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
STRIVERDI RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
VENTOLIN HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
BETHKIS 300 MG/4 ML AMPULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	
CAYSTON 75 MG INHAL SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
KALYDECO (25 MG GRANULES PACKET, 50 MG GRANULES PACKET, 75 MG GRANULES PACKET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ORKAMBI (100-125 MG GRANULE PKT, 150-188 MG GRANULE PKT)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ORKAMBI 200 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
SYMDEKO (50/75 MG-75 MG TABLETS, 100/150 MG-150 MG TABS)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
TOBI PODHALER 28 MG INHALE CAP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>tobramycin 300 mg/5 ml ampule</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>cromolyn 20 mg/2 ml neb soln</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>cromolyn sodium 5.2 mg spray/pump*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (26 per 30 days)
DALIRESP (250 MCG TABLET, 500 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>theophylline (80 mg/15 ml soln, er 400 mg tablet, er 600 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>theophylline er 300 mg tab</i>	\$0 (Tier 1)	
ADCIRCA 20 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ADEMPAS (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 1.5 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA
ALYQ 20 MG TABLET	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ambrisentan (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>bosentan (62.5 mg tablet, 125 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
LETAIRIS (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
OPSUMIT 10 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA
ORENITRAM ER (ER 0.125 MG TABLET, ER 0.25 MG TABLET, ER 1 MG TABLET, ER 2.5 MG TABLET, ER 5 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
REVATIO 10 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>sildenafil 20 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>sildenafil citrate (10 mg/ml oral susp, 20 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA
<i>tadalafil 20 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER (62.5 MG TABLET, 125 MG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER 32 MG TABLET FOR SUSP	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA, QL (120 per 30 days)
UPTRAVI (200 MCG TABLET, 400 MCG TABLET, 600 MCG TABLET, 800 MCG TABLET, 1,000 MCG TABLET, 1,200 MCG TABLET, 1,400 MCG TABLET, 1,600 MCG TABLET)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VENTAVIS (10 MCG/1 ML SOLUTION, 20 MCG/1 ML SOLUTION)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
ESBRIET 267 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (270 per 30 days)
OFEV (100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>acetylcysteine (10% vial, 20% vial)</i>	\$0 (Tier 1)	
ADVAIR DISKUS (100-50, 250-50, 500-50)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ADVAIR HFA (HFA 45-21 MCG INHALER, HFA 115-21 MCG INHALER, HFA 230-21 MCG INHALER)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
ANORO ELLIPTA 62.5-25 MCG INH	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 200 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA (100-25 MCG, 200-25 MCG)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>codeine phosphate/guaifenesin 10-100mg/5 liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
DULERA (100 MCG/5 MCG INHALER, 200 MCG/5 MCG INHALER)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (13 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FASENRA 30 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA
<i>fluticasone-salmeterol (100-50, 250-50, 500-50)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol (55-14, 113-14, 232-14)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
NUCALA (100 MG/ML SYRINGE, 100 MG VIAL, 100 MG/ML AUTO-INJECTOR)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
<i>promethazine hcl/codeine 6.25-10/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>promethazine/dextromethorphan 6.25-15/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (480 per 30 days)
<i>promethazine/phenyleph/codeine 6.25-5-10 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>sodium chloride 0.65 % spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
SYMBICORT (80-4.5 MCG INHALER, 160-4.5 MCG INHALER)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (11 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA 100-62.5-25	\$0-\$8.50 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
WIXELA INHUB (100-50, 250-50, 500-50)	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>azelastine hcl (0.1% (137 mcg) spry, 0.15% nasal spray)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
COMBIVENT RESPIMAT 20-100 MCG	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine 0.3 mg auto-inject</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
ESBRIET 267 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (270 per 30 days)
ESBRIET 801 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>flunisolide 0.025% spray</i>	\$0 (Tier 1)	QL (50 per 30 days)
<i>fluticasone prop 50 mcg spray</i>	\$0 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
<i>iprat-albut 0.5-3(2.5) mg/3 ml</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>ipratropium bromide (0.03% spray, 0.06% spray)</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>levalbuterol conc 1.25 mg/0.5</i>	\$0 (Tier 1)	PA NSO
<i>levalbuterol tar hfa 45mcg inh</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ORKAMBI 100 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>pseudoephedrine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
PULMOZYME 1 MG/ML AMPUL	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO
STIOLTO RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
XOFLUZA (20 MG TAB (40 MG DOSE), 40 MG TAB (80 MG DOSE))	\$0-\$8.50 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
XOLAIR (75 MG/0.5 ML SYRINGE, 150 MG/ML SYRINGE, 150 MG VIAL)	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA

Skeletal Muscle Relaxants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carisoprodol 350 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>cyclobenzaprine hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>methocarbamol (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM
<i>orphenadrine er 100 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Sleep Disorder Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>eszopiclone (1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>flurazepam hcl (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>temazepam (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>triazolam (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet)</i>	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zaleplon (5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem tartrate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
HETLIOZ 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>modafinil (100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>ramelteon 8 mg tablet</i>	\$0 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
ROZEREM 8 MG TABLET	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
XYREM 500 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.50 (Tier 2)	PA, LA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Supplies

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>blood sugar diagnostic strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>condoms, latex, lubricated*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (24 per 30 days)
<i>gauze pads & dressings - pads 2 x 2</i>	\$0 (Tier 1)	QL (100 per 30 days)
GYNOL II 3% GEL*	\$0 (Tier 3)	QL (81 per 30 days)
<i>inhaler, assist devices*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
<i>insulin pen needle</i>	\$0 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3 ml</i>	\$0 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1 ml</i>	\$0 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	\$0 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>isopropyl alcohol 0.7 ml/ml medicated pad</i>	\$0 (Tier 1)	
<i>lancets*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>needles, insulin disp., safety</i>	\$0 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>urine glucose-acet test strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Uncategorized

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>inhaler, assist devices*</i>	\$0 (Tier 3)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Mục Lục Thuốc

A			
abacavir.....	85	AIMOVIG AUTOINJECTOR.....	56
abacavir-lamivudine.....	92	AIMOVIG AUTOINJECTOR (2 PACK).....	56
abacavir-lamivudine-zidovudine.....	85	AJOVY.....	56
ABELCET.....	52	ALA-CORT.....	128,194
ABILIFY MAINTENA.....	79	albendazole.....	73
ABILIFY MYCITE.....	79	ALBENZA.....	73
abiraterone acetate.....	60	albuterol sulfate.....	206
ABRAXANE.....	61	albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (Proair generic).....	206
ABSORICA.....	128	albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (Proventil generic).....	206
acamprosate calcium.....	23	albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (Ventolin generic).....	206
acarbose.....	95	ALECENSA.....	67
acebutolol hcl.....	110	alendronate sodium.....	195
acetaminophen-codeine.....	18	alfuzosin hcl er.....	156
acetazolamide.....	117	ALIMTA.....	62
acetazolamide er.....	117	ALINIA.....	74
acetic acid.....	28	ALLI.....	113
acetylcysteine.....	210	allopurinol.....	55
acitretin.....	128	ALOCRI.....	199
ACTEMRA.....	188	alogliptin.....	95
ACTEMRA ACTPEN.....	189	alogliptin-metformin.....	97
ACTHAR.....	158	ALOMIDE.....	199
ACTHIB.....	189	alosetron hcl.....	150
ACTIMMUNE.....	189	ALPHAGAN P.....	201
ACTIVELLA.....	164	alprazolam.....	93
ACUVAIL.....	199	ALREX.....	199
acyclovir.....	91,92	ALTAVERA.....	164
acyclovir sodium.....	92	ALUNBRIG.....	67
ADACEL TDAP.....	189	ALYACEN.....	164
ADCIRCA.....	208	ALYQ.....	208
adefovir dipivoxil.....	89	AMABELZ.....	164
ADEMPAS.....	208	amantadine.....	76
ADRENALIN.....	206	AMBISOME.....	52
ADRENALIN CHLORIDE.....	206	ambrisentan.....	209
ADVAIR DISKUS.....	210	amcinonide.....	128
ADVAIR HFA.....	210	AMETHIA.....	164
AFINITOR.....	67	AMETHIA LO.....	164
AFINITOR DISPERZ.....	67	amikacin sulfate.....	25
AFIRMELLE.....	164	amiloride hcl.....	118
		amiloride-hydrochlorothiazide.....	113
		AMINOSYN II.....	140
		AMINOSYN-PF.....	140
		amiodarone hcl.....	109,113
		AMITIZA.....	150
		amitriptyline hcl.....	49
		amlodipine besylate.....	111
		amlodipine besylate-benazepril.....	114
		amlodipine-atorvastatin.....	114
		amlodipine-olmesartan.....	114
		amlodipine-valsartan.....	114
		amlodipine-valsartan-hctz.....	114
		ammonium lactate.....	128
		AMNESTEEM.....	128
		amoxapine.....	49
		amoxicillin.....	26,32
		amoxicillin-clavulanate potass.....	32
		amphotericin b.....	52
		ampicillin sodium.....	32
		ampicillin trihydrate.....	32
		ampicillin-sulbactam.....	33
		AMPYRA.....	125
		ANADROL-50.....	161
		anagrelide hcl.....	104
		ANALGESICS.....	18
		anastrozole.....	67
		ANDRODERM.....	161
		ANDROGEL.....	162
		ANESTHETICS.....	23
		ANGELIQ.....	164
		ANNOVERA.....	164
		ANORO ELLIPTA.....	210
		ANTI-ADDICTION/SUBSTANCE ABUSE TREATMENT AGENTS.....	23
		ANTIBACTERIALS.....	25

ANTICONSULSANTS.....	37	aspirin 325 mg tablet dr.....	18	bacitracin 500 unit/g oint.	
ANTIDEMENTIA AGENTS...	44	aspirin 81 mg tab chew.....	18	(g).....	128
ANTIDEPRESSANTS.....	45	aspirin 81 mg tablet dr.....	18	bacitracin zinc 500 unit/g oint.	
ANTIEMETICS.....	50	aspirin-dipyridamole er.....	106	(g).....	128
ANTIFUNGALS.....	52	atazanavir sulfate.....	88	bacitracin-polymyxin.....	196
ANTIGOUT AGENTS.....	55	atenolol.....	110	baclofen.....	83
ANTIMIGRAINE AGENTS...	56	atenolol-chlorthalidone.....	114	balanced salt eye irrigation	
ANTIMYASTHENIC		atomoxetine hcl.....	123	solution.....	196
AGENTS.....	57	atorvastatin calcium.....	119	BALCOLTRA.....	165
ANTIMYCOBACTERIALS...	58	atovaquone.....	74	balsalazide disodium.....	193
ANTINEOPLASTICS.....	59	atovaquone-proguanil hcl....	74	BALVERSA.....	67,68
ANTIPARASITICS.....	73	ATRIPLA.....	84	BALZIVA.....	165
ANTIPARKINSON AGENTS...	75	atropine sulfate.....	196	BANZEL.....	42
ANTIPSYCHOTICS.....	77	ATROVENT HFA.....	205	BARACLUDE.....	89
ANTISPASTICITY AGENTS...	83	AUBAGIO.....	125	BASAGLAR KWIKPEN U-	
ANTIVIRALS.....	83	AUBRA.....	165	100.....	97
ANUSOL-HC.....	194	AUROVELA.....	165	BAXDELA.....	35
ANXIOLYTICS.....	93	AUROVELA 24 FE.....	165	bcg vaccine (tice strain).....	62
APOKYN.....	76	AUROVELA FE.....	165	BELVIQ.....	124
apraclonidine hcl.....	201	AURYXIA.....	156	benazepril hcl.....	108
aprepitant.....	51	AVASTIN.....	62	benazepril-	
APRI.....	164	AVIANE.....	165	hydrochlorothiazide.....	114
APTIOM.....	42	AVONEX.....	125	BENLYSTA.....	186
APTIVUS.....	88	AVONEX PEN.....	125	benznidazole.....	28
ARALAST NP.....	152	AVYCAZ.....	30	benzonatate 100 mg	
ARANELLE.....	165	AYUNA.....	165	capsule.....	210
ARANESP.....	104	AZACTAM.....	32	benzonatate 200 mg	
ARCALYST.....	189	AZASAN.....	182	capsule.....	210
ARIKAYCE.....	25	AZASITE.....	34	benzoyl peroxide 5 % gel	
aripiprazole.....	79	azathioprine.....	182	(gram).....	128
aripiprazole odt.....	79	azelastine hcl.....	199,211	benztropine mesylate.....	75
ARISTADA.....	79	azithromycin.....	27,34	BESIVANCE.....	35
ARISTADA INITIO.....	80	azithromycin 250 mg tablet		betamethasone diprop	
ARNUITY ELLIPTA.....	203	(dose pack).....	34	augmented.....	128
arsenic trioxide.....	62	azithromycin 500 mg tablet		betamethasone	
ascorbic acid 1000 mg		(dose pack).....	27,34	dipropionate.....	128
tablet.....	140	AZOPT.....	201	betamethasone valerate....	128
ASHLYNA.....	165	aztreonam.....	32	BETASERON.....	126
ASMANEX.....	203	B		betaxolol hcl.....	110,201
ASMANEX HFA.....	203			bethanechol chloride.....	156
aspirin 325 mg tablet.....	18			BETHKIS.....	207
		bacitracin.....	28		

BETOPTIC S.....	201	<i>brompheniramin/pseudoephedrine</i>	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>
BEVYXXA.....	102	<i>ne 1-15mg/5ml liquid.....</i>	<i>204 250 mg-125 tablet.....</i>
<i>bexarotene</i>	73	BROVANA.....	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>
BEXSERO.....	189	<i>budesonide</i>	<i>203 500 mg-100 tab chew.....</i>
BEYAZ.....	165	<i>budesonide ec</i>	<i>194 calcium carbonate/vitamin d3</i>
<i>bicalutamide</i>	60	<i>bumetanide</i>	<i>117 500 mg-125 tablet.....</i>
BICILLIN C-R.....	33	<i>buprenorphine hcl</i>	<i>24 calcium carbonate/vitamin d3</i>
BICILLIN L-A.....	33	<i>buprenorphine-naloxone</i>	<i>24 500 mg-200 tablet.....</i>
BIKTARVY.....	86	<i>bupropion hcl</i>	<i>45 calcium carbonate/vitamin d3</i>
BILTRICIDE.....	73	<i>bupropion hcl sr</i>	<i>24,45 500 mg-400 tab chew.....</i>
<i>bimatoprost</i>	202	<i>bupropion xl</i>	<i>45 calcium carbonate/vitamin d3</i>
BIPOLAR AGENTS.....	94	<i>buspirone hcl</i>	<i>93 500 mg-400 tablet.....</i>
<i>bisacodyl 10 mg supp.rect.</i>	150	<i>butalbital-acetaminophen-</i>	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>
<i>bisacodyl 5 mg tablet dr</i>	150	<i>caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	<i>18 600 mg-200 tablet.....</i>
<i>bismuth subsalicylate 262 mg</i>		BYDUREON.....	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>
<i>tablet</i>	147	BYDUREON BCISE.....	<i>95 600 mg-400 tablet.....</i>
<i>bisoprolol fumarate</i>	110	BYDUREON PEN.....	<i>95 calcium carbonate/vitamin d3</i>
<i>bisoprolol-</i>		BYETTA.....	<i>95 600 mg-800 tablet.....</i>
<i>hydrochlorothiazide</i>	114		<i>calcium citrate 200(950)mg</i>
BLEPHAMIDE.....	196	C	<i>tablet.....</i>
BLEPHAMIDE S.O.P.....	196	<i>cabergoline</i>	<i>179 calcium citrate/vitamin d3 200</i>
BLISOVI 24 FE.....	165	CABLIVI.....	<i>106 mg-250 tablet.....</i>
BLISOVI FE.....	165	CABOMETYX.....	<i>68 calcium citrate/vitamin d3 315</i>
BLOOD GLUCOSE		<i>calamine lotion</i>	<i>129 mg-250 tablet.....</i>
REGULATORS.....	95	<i>calcipotriene</i>	<i>129 calcium gluconate 45(500) mg</i>
BLOOD		<i>calcitonin-salmon</i>	<i>195 tablet.....</i>
PRODUCTS/MODIFIERS/VOL		<i>calcitriol</i>	<i>195 calcium phosphate dibas/vit d3</i>
UME EXPANDERS.....	102	<i>calcium acetate</i>	<i>156 105 mg-120 tablet.....</i>
<i>blood sugar diagnostic strip</i>	215	<i>calcium carbonate 215(500)mg</i>	CALQUENCE.....
BOOSTRIX TDAP.....	189	<i>tab chew</i>	136
<i>bosentan</i>	209	<i>calcium carbonate 260mg(648)</i>	CAMILA.....
BOSULIF.....	68	<i>tablet</i>	136
BOTOX.....	83	<i>calcium carbonate 300mg(750)</i>	CAMRESE LO.....
BRAFTOVI.....	62	<i>tab chew</i>	136
BREO ELLIPTA.....	210	<i>calcium carbonate 500 mg/5ml</i>	CANASA.....
BRIELLYN.....	165	<i>oral susp</i>	136
BRILINTA.....	106	<i>calcium carbonate 500(1250)</i>	CAPRELSA.....
<i>brimonidine tartrate</i>	201	<i>tablet</i>	136
BRIVIACT.....	37	<i>calcium carbonate 600 mg</i>	CARBAGLU.....
<i>bromocriptine mesylate</i>	76	<i>tablet</i>	136
			<i>carbamazepine</i>
			<i>carbamazepine er</i>
			<i>carbamide peroxide 6.5 %</i>
			<i>drops</i>
			<i>carbidopa</i>
			<i>carbidopa-levodopa</i>
			<i>carbidopa-levodopa er</i>

<i>carbidopa-levodopa-</i>	<i>cetirizine hcl 5 mg tablet</i>	204	<i>ciprofloxacin</i>	35
<i>entacapone</i>	<i>cevimeline hcl</i>	127	<i>ciprofloxacin hcl</i>	35
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	CHANTIX.....	24	<i>ciprofloxacin-d5w</i>	35
<i>0.5 % dropperette</i>	CHEMET.....	135	<i>cisplatin</i>	62
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	<i>chlordiazepoxide hcl</i>	93	<i>citalopram hbr</i>	46
<i>0.5 % ophthalmic drops</i>	<i>chlorhexidine gluconate</i>	127	CLARAVIS.....	129
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	<i>chloroquine phosphate</i>	74	<i>clarithromycin</i>	34
<i>1 % ophthalmic dropper gel</i>	<i>chlorothiazide</i>	118	CLEOCIN.....	28
CARDIOVASCULAR	<i>chlorpheniramine maleate 4 mg</i>		CLIMARA PRO.....	166
AGENTS.....	<i>tablet</i>	204	<i>clindamycin hcl</i>	28
<i>carisoprodol</i>	<i>chlorpromazine hcl</i>	77	<i>clindamycin palmitate hcl</i>	28
CAROSPIR.....	<i>chlorthalidone</i>	118	<i>clindamycin pediatric</i>	28
<i>carteolol hcl</i>	CHOLBAM.....	152	<i>clindamycin phos-benzoyl</i>	
CARTIA XT.....	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>perox</i>	129
<i>carvedilol</i>	<i>1000 unit capsule</i>	140	<i>clindamycin phosphate</i>	27,28
<i>caspofungin acetate</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clindamycin phosphate-d5w</i> ..	28
CAYSTON.....	<i>1000 unit tablet</i>	140	CLINIMIX.....	140
CAZIENT.....	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		CLINIMIX E.....	141
<i>cefaclor</i>	<i>2000 unit capsule</i>	140	CLINISOL.....	141
<i>cefadroxil</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clobazam</i>	39
<i>cefazolin sodium</i>	<i>2000 unit tablet</i>	140	<i>clobetasol emollient</i>	129
<i>cefdinir</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400</i>		<i>clobetasol propionate</i>	129
<i>cefepime hcl</i>	<i>unit capsule</i>	140	<i>clomipramine hcl</i>	49
<i>cefixime</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400</i>		<i>clonazepam</i>	39
<i>cefotaxime sodium</i>	<i>unit tablet</i>	140	<i>clonidine</i>	107
<i>cefotetan</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clonidine hcl</i>	107
<i>cefoxitin</i>	<i>5000 unit capsule</i>	140	<i>clonidine hcl er</i>	123
<i>cefpodoxime proxetil</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clopidogrel</i>	106
<i>cefprozil</i>	<i>50000 unit capsule</i>	140	<i>clorazepate dipotassium</i>	39
<i>ceftazidime</i>	<i>cholestyramine</i>	119	<i>clotrimazole</i>	52,129
<i>ceftriaxone</i>	<i>cholestyramine light</i>	119	<i>clotrimazole 1 %</i>	
<i>cefuroxime</i>	<i>ciclopirox</i>	52	<i>cream/appl</i>	129
<i>cefuroxime sodium</i>	<i>cilostazol</i>	106	<i>clotrimazole 2 %</i>	
<i>celecoxib</i>	CILOXAN.....	35	<i>cream/appl</i>	129
CELLCEPT.....	CIMDUO.....	86	<i>clotrimazole-</i>	
CELONTIN.....	<i>cimetidine</i>	149	<i>betamethasone</i>	129
CENTRAL NERVOUS	CIMZIA.....	182	CLOVIQUE.....	135
SYSTEM AGENTS.....	<i>cinacalcet hcl</i>	157	<i>clozapine</i>	82
<i>cephalexin</i>	CINRYZE.....	181	<i>clozapine odt</i>	82
CESAMET.....	CIPRO HC.....	202	COARTEM.....	74
<i>cetirizine hcl 10 mg tablet</i> ...	CIPRODEX.....	202		

<i>codeine phosphate/guaifenesin</i>	<i>cypiroheptadine hcl</i>	204	<i>desloratadine</i>	204
10-100mg/5 liquid.....	CYRED.....	166	<i>desmopressin acetate</i>	160
<i>codeine sulfate</i>	CYRED EQ.....	166	<i>desogestr-eth estrad eth</i>	
<i>colchicine</i>	CYSTADANE.....	153	<i>estra</i>	166
<i>colesevelam hcl</i>	CYSTAGON.....	153	<i>desogestrel-ethinyl</i>	
<i>colestipol hcl</i>	CYSTARAN.....	153	<i>estradiol</i>	166
<i>colistimethate</i>			<i>desonide</i>	130
COMBIGAN.....	D		<i>desoximetasone</i>	130
COMBIPATCH.....	<i>dalfampridine er</i>	126	<i>desvenlafaxine er</i>	46
COMBIVENT RESPIMAT.....	DALIRESP.....	208	<i>desvenlafaxine succinate</i>	
COMETRIQ.....	DALVANCE.....	29	<i>er</i>	46,47
COMPLERA.....	<i>danazol</i>	162	<i>dexamethasone</i>	158
<i>condoms, latex, lubricated</i> ..	<i>dantrolene sodium</i>	83	DEXAMETHASONE	
CONDYLOX.....	<i>dapsone</i>	58	INTENSOL.....	158
CONSTULOSE.....	DAPTACEL DTAP.....	190	<i>dexamethasone sodium</i>	
COPIKTRA.....	<i>daptomycin</i>	27	<i>phosphate</i>	158,199
CORLANOR.....	DARAPRIM.....	74	<i>dextroamphetamine sulfate</i> ..	122
<i>cortisone acetate</i>	<i>darifenacin er</i>	155	<i>dextroamphetamine sulfate</i>	
CORTISPORIN.....	DARZALEX.....	62	<i>er</i>	122
COSENTYX (2 SYRINGES).....	DAURISMO.....	68	<i>dextroamphetamine-amphet</i>	
COSENTYX PEN.....	DAYTRANA.....	123	<i>er</i>	122
COSENTYX PEN (2 PENS).....	DEBLITANE.....	175	<i>dextroamphetamine-</i>	
COSENTYX SYRINGE.....	<i>deferasirox</i>	135	<i>amphetamine</i>	122
COTELLIC.....	DELSTRIGO.....	86	<i>dextrose 10%-0.2% nacl</i>	141
COUMADIN.....	DELYLA.....	166	<i>dextrose 10%-0.45% nacl</i> ..	141
CREON.....	DELZICOL.....	193	<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl</i> ..	141
CRINONE.....	<i>demeclocycline hcl</i>	36	<i>dextrose 4 g tab chew</i>	138
CRIXIVAN.....	DEMSEER.....	114	<i>dextrose 5%-0.2% nacl</i>	141
<i>cromolyn sodium</i>	DENAVIR.....	92	<i>dextrose 5%-0.2% nacl-kcl</i> ..	141
<i>cromolyn sodium 5.2 mg</i>	DENTAL AND ORAL		<i>dextrose 5%-0.225% nacl</i> ..	141
<i>spray/pump</i>	AGENTS.....	127	<i>dextrose 5%-0.225% nacl-</i>	
CRYSELLE.....	DEPEN.....	156	<i>kcl</i>	141
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>	DEPO-ESTRADIOL.....	162	<i>dextrose 5%-0.3% nacl</i>	142
1000 mcg tablet.....	DEPO-MEDROL.....	158	<i>dextrose 5%-0.3% nacl-kcl</i> ..	142
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>	DEPO-PROVERA.....	175	<i>dextrose 5%-0.33% nacl</i>	142
1000mcg/ml vial.....	DEPO-SUBQ PROVERA		<i>dextrose 5%-0.33% nacl-</i>	
CYCLAFEM.....	104.....	175	<i>kcl</i>	144
<i>cyclobenzaprine hcl</i>	DERMATOLOGICAL		<i>dextrose 5%-0.45% nacl</i>	142
<i>cyclophosphamide</i>	AGENTS.....	128	<i>dextrose 5%-0.45% nacl-</i>	
<i>cyclosporine</i>	DESCOVY.....	87	<i>kcl</i>	142
<i>cyclosporine modified</i>	<i>desipramine hcl</i>	49	<i>dextrose 5%-0.9% nacl</i>	142

dextrose 5%-1/2ns-kcl.....	142	divalproex sodium.....	39	dutasteride.....	156
dextrose 5%-ns-kcl.....	142	divalproex sodium er.....	40	E	
dextrose 5%-potassium		docetaxel.....	62		
chloride.....	142	docosanol 10% cream.....	130	econazole nitrate.....	52
dextrose in water.....	142	docusate calcium 240 mg		EDURANT.....	84
DIASTAT.....	39	capsule.....	150	efavirenz.....	84
DIASTAT ACUDIAL.....	39	docusate sodium 100 mg		EGRIFTA.....	160
diazepam.....	39,93,94	capsule.....	150	electrolytes/dextrose	
diclofenac epolamine.....	19	docusate sodium 250 mg		solution.....	138
diclofenac potassium.....	19	capsule.....	151	ELECTROLYTES/MINERALS/	
diclofenac sodium.....	19,199	docusate sodium 283 mg/5ml		METALS/VITAMINS.....	135
diclofenac sodium er.....	19	enema.....	151	ELIDEL.....	130
dicloxacillin sodium.....	33	docusate sodium 50 mg/5 ml		ELIGARD.....	179
dicyclomine hcl.....	147	liquid.....	151	ELIQUIS.....	103
didanosine.....	85	dofetilide.....	109	ELMIRON.....	156
diflorasone diacetate.....	130	donepezil hcl.....	44	EMCYT.....	61
DIGITEK.....	116	donepezil hcl odt.....	44	EMFLAZA.....	158
DIGOX.....	116	DOPTELET.....	105	EMGALITY PEN.....	56
digoxin.....	117	dorzolamide hcl.....	201	EMGALITY SYRINGE.....	56
dihydroergotamine mesylate.....	56	dorzolamide-timolol.....	197	EMOQUETTE.....	167
DILANTIN.....	43	DOTTI.....	162	EMSAM.....	46
DILANTIN-125.....	43	DOVATO.....	87	EMTRIVA.....	85
DILT-XR.....	112	doxazosin mesylate.....	107	enalapril maleate.....	108
diltiazem 12hr er.....	112	doxepin hcl.....	49,130	enalapril-	
diltiazem 24hr er.....	112	doxercalciferol.....	195	hydrochlorothiazide.....	114
diltiazem 24hr er (cd).....	112	doxorubicin hcl liposome.....	63	ENBREL.....	182
diltiazem 24hr er (xr).....	112	DOXY 100.....	36	ENBREL MINI.....	182
diltiazem hcl.....	112	doxycycline hyclate.....	27,127	ENBREL SURECLICK.....	182
dimenhydrinate 50 mg		doxycycline monohydrate.....	27,36	ENDOCET.....	18
tablet.....	204	dronabinol.....	51	ENERGIX-B ADULT.....	190
DIPENTUM.....	193	drospirenone-eth estra-		ENERGIX-B PEDIATRIC-	
diphenhydramine hcl.....	50	levomef.....	166	ADOLESCENT.....	190
diphenhydramine hcl 25 mg		drospirenone-ethinyl		enoxaparin sodium.....	103
capsule.....	204	estradiol.....	166	ENPRESSE.....	167
diphenoxylate-atropine.....	148	DROXIA.....	61	ENSKYCE.....	167
diphtheria-tetanus toxoids-		DUAVEE.....	176	entacapone.....	76
ped.....	190	DULERA.....	210	entecavir.....	89
dipyridamole.....	107	duloxetine hcl.....	47	ENTRESTO.....	117
disopyramide phosphate.....	109	DUPIXENT.....	130	ENULOSE.....	151
disulfiram.....	23	DURAMORPH.....	22	EPCLUSA.....	90
DIURIL.....	118	DUREZOL.....	199	EPIDIOLEX.....	37

<i>epinephrine</i>	206,212	F	<i>flavoxate hcl</i>	155
EPIVIR HBV.....	89		FLEBOGAMMA DIF.....	186
<i>eplerenone</i>	118	<i>FALMINA</i>	<i>flecainide acetate</i>	109
EPOGEN.....	105	<i>famciclovir</i>	FLECTOR.....	19
ERAXIS (WATER DILUENT).....	52	<i>famotidine</i>	FLOVENT DISKUS.....	203
<i>ergocalciferol (vitamin d2)</i>		<i>famotidine 10 mg tablet</i>	FLOVENT HFA.....	203,204
<i>50000 unit capsule</i>	143	FANAPT.....	<i>fluconazole</i>	53
<i>ergoloid mesylates</i>	44	FARESTON.....	<i>fluconazole in saline</i>	53
ERIVEDGE.....	69	FARYDAK.....	<i>fluconazole-nacl</i>	53
ERLEADA.....	60	FASENRA.....	<i>flucytosine</i>	53
<i>erlotinib hcl</i>	69	FAYOSIM.....	<i>fludrocortisone acetate</i>	158
ERRIN.....	175	<i>felbamate</i>	<i>flunisolide</i>	212
<i>ertapenem</i>	32	<i>felodipine er</i>	<i>fluocinolone acetonide</i>	131
ERYTHROCIN.....		FEMRING.....	<i>fluocinolone acetonide oil</i>	203
LACTOBIONATE.....	27	FEMYNOR.....	<i>fluocinonide</i>	131
<i>erythromycin</i>	35	<i>fenofibrate</i>	<i>fluocinonide-e</i>	131
<i>erythromycin-benzoyl</i>		<i>fenofibric acid</i>	<i>fluorometholone</i>	200
<i>peroxide</i>	130	<i>fentanyl</i>	<i>fluorouracil</i>	63,131
ESBRIET.....	210,212	<i>fentanyl citrate</i>	<i>fluoxetine hcl</i>	47
<i>escitalopram oxalate</i>	47	FERRIPROX.....	<i>fluphenazine decanoate</i>	77
ESTARYLLA.....	167	<i>ferrous gluconate 324(38)mg</i>	<i>fluphenazine hcl</i>	78
ESTRACE.....	163	<i>tablet</i>	<i>flurazepam hcl</i>	214
<i>estradiol</i>	163	<i>ferrous sulfate 15 mg/ml</i>	<i>flurbiprofen sodium</i>	200
<i>estradiol valerate</i>	163	<i>drops</i>	<i>flutamide</i>	60
<i>estradiol-norethindrone</i>		<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml</i>	<i>fluticasone propionate</i>	131,212
<i>acetat</i>	167	<i>elixir</i>	<i>fluticasone-salmeterol</i>	211
ESTRING.....	163	<i>ferrous sulfate 324(65)mg tablet</i>	<i>fluvoxamine maleate</i>	47
<i>eszopiclone</i>	214	<i>dr</i>	FML FORTE.....	200
<i>ethambutol hcl</i>	58	<i>ferrous sulfate 325(65) mg</i>	FML S.O.P.....	200
<i>ethosuximide</i>	38	<i>tablet</i>	<i>folic acid 0.4 mg tablet</i>	143
<i>ethynodiol-ethinyl estradiol</i>	167	<i>ferrous sulfate 325(65) mg</i>	<i>folic acid 0.8 mg tablet</i>	143
<i>etidronate disodium</i>	195	<i>tablet dr</i>	<i>folic acid 1 mg tablet</i>	143
<i>etodolac</i>	19	FETZIMA.....	<i>fondaparinux sodium</i>	103
EURAX.....	75	<i>fexofenadine hcl 180 mg</i>	FORTEO.....	195
EVOTAZ.....	88	<i>tablet</i>	<i>fosamprenavir calcium</i>	88
EVZIO.....	24	<i>fexofenadine hcl 60 mg</i>	<i>fosaprepitant dimeglumine</i>	51
<i>exemestane</i>	67	<i>tablet</i>	<i>fosinopril sodium</i>	108
EXJADE.....	135	<i>finasteride</i>	<i>fosinopril-</i>	
<i>ezetimibe</i>	115	FIRAZYR.....	<i>hydrochlorothiazide</i>	115
		FIRMAGON.....	FOSRENOL.....	156
		FLAREX.....	FRAGMIN.....	103

FREAMINE HBC.....	143	GENOTROPIN.....	160	<i>haloperidol lactate</i>	78
FULPHILA.....	105	<i>gentamicin sulfate</i>	26	HARVONI.....	91
<i>fulvestrant</i>	63	<i>gentamicin sulfate in ns</i>	26	HAVRIX.....	187,190
<i>furosemide</i>	115,117	GENVOYA.....	83	<i>heparin sodium</i>	103
FUZEON.....	87	GEODON.....	80	HEPATAMINE.....	143
FYAVOLV.....	167	GIANVI.....	167	HERCEPTIN.....	63
FYCOMPA.....	41	GILENYA.....	126	HERCEPTIN HYLECTA.....	63
G		GILOTRIF.....	69	HETLIOZ.....	214
<i>gabapentin</i>	40	GLASSIA.....	153	HIBERIX.....	190
GABITRIL.....	40	<i>glatiramer acetate</i>	126	HORMONAL AGENTS,	
GALAFOLD.....	153	GLATOPA.....	126	PARATHYROID.....	157
<i>galantamine er</i>	44	GLEOSTINE.....	59	HORMONAL AGENTS,	
<i>galantamine hbr</i>	44	<i>glimepiride</i>	95	STIMULANT/REPLACEMENT/	
<i>galantamine hydrobromide</i>	44	<i>glipizide</i>	95	MODIFYING (ADRENAL).....	158
GAMMAGARD LIQUID.....	186	<i>glipizide er</i>	95,96	HORMONAL AGENTS,	
GAMMAGARD S-D.....	187	<i>glipizide xl</i>	96	STIMULANT/REPLACEMENT/	
GAMMAKED.....	187	<i>glipizide-metformin</i>	97	MODIFYING (PITUITARY).....	160
GAMMAPLEX.....	187	GLUCAGON EMERGENCY		HORMONAL AGENTS,	
GAMUNEX-C.....	187	KIT.....	99	STIMULANT/REPLACEMENT/	
GARDASIL 9.....	190	<i>glucose in water</i>	143	MODIFYING (SEX	
GASTROINTESTINAL		<i>glyburide</i>	96	HORMONES/MODIFIERS).....	161
AGENTS.....	147	<i>glyburide-metformin hcl</i>	97	HORMONAL AGENTS,	
<i>gatifloxacin</i>	35	<i>glycerin adult supp.rect</i>	151	STIMULANT/REPLACEMENT/	
GATTEX.....	149	<i>glycopyrrolate</i>	147	MODIFYING (THYROID).....	177
<i>gauze pads & dressings - pads</i>		GOLYTELY.....	147	HORMONAL AGENTS,	
<i>2 x 2</i>	215	<i>granisetron hcl</i>	51	SUPPRESSANT	
GAVILYTE-C.....	147	<i>griseofulvin</i>	53	(ADRENAL).....	179
GAVILYTE-G.....	147	<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	53	HORMONAL AGENTS,	
GAVILYTE-N.....	147	<i>guanfacine hcl</i>	107	SUPPRESSANT	
GELNIQUE.....	155	<i>guanfacine hcl er</i>	123	(PITUITARY).....	179
<i>gemcitabine hcl</i>	63	<i>guanidine hcl</i>	57	HORMONAL AGENTS,	
<i>gemfibrozil</i>	119	GYNOL II.....	215	SUPPRESSANT	
GENERESS FE.....	167	H		(THYROID).....	181
GENERLAC.....	151	HAEGARDA.....	182	HUMALOG.....	99
GENETIC OR ENZYME		HAILEY.....	167	HUMALOG JUNIOR	
DISORDER: REPLACEMENT,		HAILEY 24 FE.....	167	KWIKPEN.....	99
MODIFIERS, TREATMENT.....	152	<i>halobetasol propionate</i>	131	HUMALOG KWIKPEN U-	
GENGRAF.....	183	<i>haloperidol</i>	78	100.....	99
GENITOURINARY		<i>haloperidol decanoate</i>	78	HUMALOG KWIKPEN U-	
AGENTS.....	155	<i>haloperidol decanoate 100</i>	78	200.....	99
				HUMALOG MIX 50-50.....	100

HUMALOG MIX 50-50	hydroxyzine hcl.....	93	insulin lispro kwikpen u-100	100
KWIKPEN.....	hydroxyzine pamoate.....	93	insulin pen needle.....	215
HUMALOG MIX 75-25.....			insulin syringe (disp) u-100 0.3	
HUMALOG MIX 75-25			ml.....	215
KWIKPEN.....	ibandronate sodium.....	195	insulin syringe (disp) u-100 1	
HUMATROPE.....	IBRANCE.....	69	ml.....	215
HUMIRA.....	IBU.....	20	insulin syringe (disp) u-100 1/2	
HUMIRA PEDIATRIC	ibuprofen.....	20	ml.....	215
CROHN'S.....	ibuprofen 200 mg tablet.....	19	INTELENCE.....	84
HUMIRA PEN.....	icatibant.....	182	INTRALIPID.....	143
HUMIRA PEN CROHN'S-UC-	ICLUSIG.....	69	INTRAROSA.....	168
HS.....	IDHIFA.....	63	INTRON A.....	90
HUMIRA PEN PSOR-UEITS-	ILUMYA.....	184	INTROVALE.....	168
ADOL HS.....	imatinib mesylate.....	69	INVANZ.....	32
HUMIRA(CF).....	IMBRUVICA.....	69	INVEGA SUSTENNA.....	80
HUMIRA(CF) PEDIATRIC	imipenem-cilastatin		INVEGA TRINZA.....	80
CROHN'S.....	sodium.....	27,32	INVIRASE.....	88
HUMIRA(CF) PEN.....	imipramine hcl.....	49	INVOKAMET.....	98
HUMIRA(CF) PEN CROHN'S-	imiquimod.....	132	INVOKAMET XR.....	98
UC-HS.....	IMMUNOLOGICAL		INVOKANA.....	96
HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-	AGENTS.....	181	IONOSOL MB-DEXTROSE	
ADOL HS.....	IMOVAX RABIES	5%.....	143	
HUMULIN 70-30.....	VACCINE.....	190	IOPIDINE.....	201
HUMULIN 70/30 KWIKPEN	IMVEXXY.....	163	IPOL.....	190
HUMULIN N.....	INCASSIA.....	175	ipratropium bromide... ..	205,212
HUMULIN N KWIKPEN.....	INCRELEX.....	160	ipratropium-albuterol.....	212
HUMULIN R.....	INCRUSE ELLIPTA.....	205	irbesartan.....	108
hydralazine hcl.....	indapamide.....	118	irbesartan-	
hydrochlorothiazide.....	indomethacin.....	20	hydrochlorothiazide.....	115
hydrocodone-acetaminophen	INFANRIX DTAP.....	190	IRESSA.....	70
18	INFED.....	135	ISENTRESS.....	84
hydrocodone-ibuprofen.....	INFLAMMATORY BOWEL		ISENTRESS HD.....	84
18	DISEASE AGENTS.....	193	ISIBLOOM.....	168
hydrocortisone.....	INFLECTRA.....	187	ISOLYTE P WITH	
131,158,194	INGREZZA.....	124	DEXTROSE.....	143
hydrocortisone 0.5 % cream	INGREZZA INITIATION		ISOLYTE S.....	138
(g).....	PACK.....	124	isoniazid.....	58
131	inhaler, assist devices.....	215,216	isopropyl alcohol 0.7 ml/ml	
hydrocortisone butyrate.....	INLYTA.....	69	medicated pad.....	215
131	INREBIC.....	70	isosorbide dinitrate.....	121
hydrocortisone valerate.....	insulin lispro.....	100	isosorbide dinitrate er.....	121
131				
hydromorphone hcl.....				
22				
hydroxocobalamin 1000mcg/ml				
vial.....				
143				
hydroxychloroquine sulfate.....				
74				
hydroxyurea.....				
61				

<i>isosorbide mononitrate</i>	121	KEVEYIS.....	115	LASTACAFT.....	197
<i>isosorbide mononitrate er</i> ...	121	KEVZARA.....	184	<i>latanoprost</i>	202
<i>isotretinoin</i>	132	KEYTRUDA.....	63	LATUDA.....	80
<i>itraconazole</i>	53	KINERET.....	184	LAYOLIS FE.....	169
<i>ivermectin</i>	73	KINRIX.....	187,191	<i>ledipasvir-sofosbuvir</i>	91
IXIARO.....	191	KIONEX.....	135	LEENA.....	169
J		KISQALI.....	63	<i>leflunomide</i>	189
JADENU.....	135	KISQALI FEMARA CO- PACK.....	66	LENVIMA.....	70
JAKAFI.....	70	KLOR-CON 10.....	138	LESSINA.....	169
JANTOVEN.....	104	KLOR-CON 8.....	138	LETAIRIS.....	209
JANUMET.....	98	KLOR-CON M10.....	144	<i>letrozole</i>	67
JANUMET XR.....	98	KLOR-CON M15.....	138	<i>leucovorin calcium</i>	66
JANUVIA.....	96	KORLYM.....	179	LEUKERAN.....	59
JARDIANCE.....	98	KRINTAFEL.....	74	LEUKINE.....	105
JASMIEL.....	168	KRISTALOSE.....	151	<i>leuprolide acetate</i>	180
JINTELI.....	168	KURVELO.....	168	<i>levalbuterol concentrate</i> ...	212
JULEBER.....	168	KUVAN.....	153	<i>levalbuterol hcl</i>	206
JULUCA.....	87	L		<i>levalbuterol tartrate hfa</i> ...	212
JUNEL.....	168	<i>labetalol hcl</i>	111	LEVEMIR.....	101
JUNEL FE.....	168	LACRISERT.....	198	LEVEMIR FLEXPEN.....	101
JUNEL FE 24.....	168	<i>lactated ringers</i>	144	LEVEMIR FLEXTOUCH.....	101
JUXTAPID.....	120	<i>lactulose</i>	151	<i>levetiracetam</i>	37
JYNARQUE.....	143	LAMICTAL (GREEN).....	42	<i>levetiracetam er</i>	38
K		LAMICTAL (ORANGE).....	42	LEVO-T.....	177
K-TAB ER.....	138	<i>lamivudine</i>	86,90	<i>levobunolol hcl</i>	201
KADIAN.....	20	<i>lamivudine hbv</i>	90	<i>levocarnitine</i>	144
KAITLIB FE.....	168	<i>lamivudine-zidovudine</i>	86	<i>levocetirizine</i> <i>dihydrochloride</i>	205
KALETRA.....	88	<i>lamotrigine</i>	42	<i>levofloxacin</i>	35
KALLIGA.....	168	<i>lamotrigine (blue)</i>	42	<i>levofloxacin-d5w</i>	35
KALYDECO.....	207	<i>lamotrigine (green)</i>	42	LEVONEST.....	169
KANJINTI.....	63	<i>lamotrigine (orange)</i>	42	<i>levonorg-eth estrad eth</i> <i>estrad</i>	169
KARIVA.....	168	<i>lancets</i>	215	<i>levonorgestrel 1.5 mg</i> <i>tablet</i>	175
KEDRAB.....	187	<i>lansoprazole</i>	152	<i>levonorgestrel-eth estradiol</i> ...	169
KELNOR 1-35.....	168	<i>lanthanum carbonate</i>	156	LEVORA-28.....	169
KELNOR 1-50.....	168	LANTUS.....	100	<i>levorphanol tartrate</i>	20
<i>ketoconazole</i>	53	LANTUS SOLOSTAR.....	101	<i>levothyroxine sodium</i>	177
<i>ketorolac tromethamine</i>	200	LARIN.....	168	LEVOXYL.....	177
<i>ketotifen fumarate 0.025 %</i> <i>drops</i>	199	LARIN FE.....	169	LEXIVA.....	88
		LARISSIA.....	169		

<i>lidocaine</i>	23	LUPRON DEPOT	MEKINIST.....	70
<i>lidocaine hcl</i>	23	(LUPANETA).....	MEKTOVI.....	64
<i>lidocaine hcl viscous</i>	23	LUPRON DEPOT-PED.....	MELODETTA 24 FE.....	170
<i>lidocaine-prilocaine</i>	23	LUTERA.....	<i>meloxicam</i>	20
<i>linezolid</i>	29	LYNPARZA.....	<i>memantine hcl</i>	44
<i>linezolid-d5w</i>	28	LYRICA.....	<i>memantine hcl er</i>	44,45
LINZESS.....	147,150	LYRICA CR.....	MENACTRA.....	191
<i>liothyronine sodium</i>	177	LYSODREN.....	MENEST.....	163
<i>lisinopril</i>	109	LYZA.....	MENOSTAR.....	163
<i>lisinopril-</i>			MENVEO A-C-Y-W-135-	
<i>hydrochlorothiazide</i>	115	M	DIP.....	191
<i>lithium</i>	94	M-M-R II VACCINE.....	<i>meperidine hcl</i>	22
<i>lithium carbonate</i>	94	<i>mag hydrox/aluminum</i>	<i>meprobamate</i>	93
<i>lithium carbonate er</i>	94	<i>hyd/simeth 200-200-20 oral</i>	<i>mercaptopurine</i>	61
LITHOSTAT.....	147	<i>susp</i>	<i>meropenem</i>	32
LO LOESTRIN FE.....	169	<i>mag hydrox/aluminum</i>	<i>mesalamine</i>	193,194
LO-ZUMANDIMINE.....	169	<i>hyd/simeth 200-200-25 tab</i>	<i>mesalamine dr</i>	194
LOESTRIN.....	169	<i>chew</i>	MESNEX.....	73
LOESTRIN FE.....	170	<i>mag hydrox/aluminum</i>	MESTINON.....	57
LONSURF.....	66	<i>hyd/simeth 400-400-40 oral</i>	METABOLIC BONE DISEASE	
<i>loperamide</i>	149	<i>susp</i>	AGENTS.....	195
<i>lopinavir-ritonavir</i>	92	<i>magnesium chloride 70 mg</i>	<i>metaproterenol sulfate</i>	207
<i>loratadine 10 mg tablet</i>	205	<i>tablet dr</i>	<i>metformin hcl</i>	96
<i>loratadine 5 mg/5 ml</i>		<i>magnesium hydroxide 400</i>	<i>metformin hcl er</i>	96
<i>solution</i>	205	<i>mg/5ml oral susp</i>	<i>methadone hcl</i>	20
<i>lorazepam</i>	94	<i>magnesium oxide 400 mg</i>	<i>methazolamide</i>	117
LORBRENA.....	64	<i>tablet</i>	<i>methimazole</i>	181
LORYNA.....	170	<i>magnesium sulfate</i>	<i>methocarbamol</i>	213
<i>losartan potassium</i>	108	<i>malathion</i>	<i>methotrexate</i>	184,187
<i>losartan-</i>		<i>maprotiline hcl</i>	<i>methotrexate sodium</i>	188
<i>hydrochlorothiazide</i>	115	MARLISSA.....	<i>methoxsalen</i>	132
LOSEASONIQUE.....	170	MARPLAN.....	<i>methyl dopa</i>	107
LOTEMAX.....	200	MATULANE.....	<i>methyl dopa-</i>	
LOTEMAX SM.....	200	MAVENCLAD.....	<i>hydrochlorothiazide</i>	115
<i>loteprednol etabonate</i>	200	MAVYRET.....	<i>methylphenidate er</i>	123
<i>lovastatin</i>	119	MAYZENT.....	<i>methylphenidate er (la)</i>	123
LOW-OGESTREL.....	170	<i>meclizine hcl</i>	<i>methylphenidate hcl</i>	123
<i>loxapine</i>	78	<i>medroxyprogesterone</i>	<i>methylphenidate hcl cd</i>	124
LUCEMYRA.....	24	<i>acetate</i>	<i>methylphenidate hcl er (cd)</i>	124
LUMIGAN.....	202	<i>mefloquine hcl</i>	<i>methylphenidate la</i>	124
LUPRON DEPOT.....	180	<i>megestrol acetate</i>	<i>methylphenidate sr</i>	124

<i>methylprednisolone</i>	158	<i>mometasone furoate</i>	132	<i>needles, insulin disp.,</i>	
<i>methylprednisolone acetate</i>	159	<i>montelukast sodium</i>	205	<i>safety</i>	215
<i>methylprednisolone sodium</i>		MONUROL.....	29	<i>nefazodone hcl</i>	48
<i>succ</i>	159,179	<i>morphine sulfate</i>	21,22	<i>neomycin sulfate</i>	26
<i>methyltestosterone</i>	162	<i>morphine sulfate er</i>	21	<i>neomycin-bacitracin-poly-</i>	
<i>metoclopramide hcl</i>	50	MOVANTIK.....	149	<i>hc</i>	197
<i>metolazone</i>	118	MOVIPREP.....	151	<i>neomycin-bacitracin-</i>	
<i>metoprolol succinate</i>	111	<i>moxifloxacin</i>	36	<i>polymyxin</i>	197
<i>metoprolol tartrate</i>	111	MULTAQ.....	110	<i>neomycin-polymyxin-</i>	
<i>metoprolol-</i>		<i>mupirocin</i>	29	<i>dexameth</i>	197
<i>hydrochlorothiazide</i>	115	MVASI.....	64	<i>neomycin-polymyxin-</i>	
<i>metronidazole</i>	29	MYALEPT.....	149	<i>gramicidin</i>	197
<i>mexiletine hcl</i>	110	MYCAMINE.....	53	<i>neomycin-polymyxin-</i>	
MIBELAS 24 FE.....	170	<i>mycophenolate mofetil</i>	184	<i>hc</i>	197,203
<i>miconazole 3</i>	53	<i>mycophenolic acid</i>	184	<i>neomycin-polymyxin-</i>	
<i>miconazole nitrate 2 % cream</i>		MYFORTIC.....	184	<i>hydrocort</i>	203
<i>(g)</i>	132	MYORISAN.....	132	<i>neomycin/bacitracin/polymyxin</i>	
<i>miconazole nitrate 2 %</i>		MYRBETRIQ.....	155	<i>b 3.5-400-5k oint. (g)</i>	132
<i>cream/appl</i>	132	MYTESI.....	148	NEORAL.....	184
<i>miconazole nitrate 200 mg-2 %</i>				NERLYNX.....	64
<i>kit</i>	132	N		NEULASTA.....	105
MICORT-HC.....	194	<i>nabumetone</i>	20	NEUPOGEN.....	105
MICROGESTIN.....	170	<i>nadolol</i>	111	NEUPRO.....	76
MICROGESTIN FE.....	170	<i>naftillin sodium</i>	33	NEVANAC.....	200
<i>midodrine hcl</i>	107	<i>naftifine hcl</i>	53	<i>nevirapine</i>	85
MIGERGOT.....	56	<i>naloxone hcl</i>	24	<i>nevirapine er</i>	85
<i>miglustat</i>	153	<i>naltrexone hcl</i>	24	NEXAVAR.....	70
MILI.....	170	<i>naltrexone/bupropion 8-90 mg</i>		<i>niacin 100 mg tablet</i>	144
MIMVEY.....	170	<i>tablet</i>	124	<i>niacin 250 mg tablet er</i>	144
MIMVEY LO.....	170	NAMENDA XR.....	45	<i>niacin 50 mg tablet</i>	144
MINASTRIN 24 FE.....	170	<i>naproxen</i>	20	<i>niacin er</i>	120
<i>mineral oil/petrolatum,white</i>		<i>naratriptan</i>	56	<i>nicardipine hcl</i>	112
<i>42.5-57.3% ophthalmic oint.</i>		<i>naratriptan hcl</i>	56	<i>nicotine 14mg/24hr patch</i>	
<i>(g)</i>	197	NARCAN.....	24	<i>td24</i>	25
<i>minocycline hcl</i>	37	NATACYN.....	54	<i>nicotine 21 mg/24hr patch</i>	
<i>minoxidil</i>	121	NATAZIA.....	171	<i>td24</i>	25
<i>mirtazapine</i>	45	<i>nateglinide</i>	96	<i>nicotine 21-14-7mg patch</i>	
<i>misoprostol</i>	151	NATPARA.....	157	<i>dysq</i>	25
<i>modafinil</i>	214	NAYZILAM.....	40	<i>nicotine 7mg/24hr patch</i>	
<i>moexipril hcl</i>	109	NEBUPENT.....	74	<i>td24</i>	25
<i>molindone hcl</i>	78	NECON.....	171	<i>nicotine polacrilex 2 mg gum</i>	25

<i>nicotine polacrilex 2 mg lozenge</i>	25	NORTHERA.....	107	<i>olmesartan-hydrochlorothiazide</i>	116
<i>nicotine polacrilex 4 mg gum</i>	25	NORTREL.....	171	<i>olopatadine hcl</i>	199
<i>nicotine polacrilex 4 mg lozenge</i>	25	nortriptyline hcl.....	49	OLUMIANT.....	184
NICOTROL.....	25	NORVIR.....	88	<i>omega-3 acid ethyl esters</i> ..	120
NICOTROL NS.....	25	NOVOLIN 70-30.....	101	<i>omega-3 fatty acids 100 mg tab chew</i>	116
<i>nifedipine</i>	112	NOVOLIN N.....	101	<i>omeprazole</i>	152
<i>nifedipine er</i>	113,115	NOVOLIN R.....	101	<i>omeprazole magnesium 20 mg capsule dr</i>	152
NIKKI.....	171	NOVOLOG.....	101	OMNITROPE.....	161
<i>nilutamide</i>	60	NOVOLOG FLEXPEN.....	101	<i>ondansetron hcl</i>	51
<i>nimodipine</i>	113	NOVOLOG MIX 70-30.....	101	<i>ondansetron odt</i>	51
NINLARO.....	66	NOVOLOG MIX 70-30 FLEXPEN.....	101	ONFI.....	40
NITRO-BID.....	121	NOXAFIL.....	54	OPHTHALMIC AGENTS...	196
<i>nitrofurantoin</i>	29	NUBEQA.....	64	OPSUMIT.....	209
<i>nitrofurantoin mono-macro</i> ...	29	NUCALA.....	211	ORENCIA.....	185
<i>nitroglycerin</i>	115,121	NUDEXTA.....	124	ORENCIA CLICKJECT.....	185
<i>nitroglycerin patch</i>	121	NUPLAZID.....	80	ORENITRAM ER.....	209
NITROSTAT.....	121	NUTRILIPID.....	145	ORKAMBI.....	207,208,212
NIVESTYM.....	105	NUTROPIN AQ NUSPIN...	161	<i>orphenadrine citrate er</i>	213
<i>nizatidine</i>	150	NUVARING.....	171	ORSYTHIA.....	172
NOCTIVA.....	160	NYAMYC.....	54	ORTHO MICRONOR.....	176
NORA-BE.....	176	<i>nystatin</i>	54	ORTHO TRI-CYCLEN LO...	172
NORDITROPIN FLEXPEN...	160	<i>nystatin-triamcinolone</i>	54	ORTHO-NOVUM.....	172
NORDITROPIN		NYSTOP.....	54	<i>oseltamivir phosphate</i>	92
NORDIFLEX.....	160	O			
<i>norethin-eth estra-ferrous fum</i>	171	OALIVA.....	153	OSMOPREP.....	138
<i>norethindron-ethinyl estradiol</i>	171	OCELLA.....	171	OTEZLA.....	189
<i>norethindrone</i>	176	OCTAGAM.....	188	OTIC AGENTS.....	202
<i>norethindrone ac (lupaneta)</i>	176	<i>octreotide acetate</i>	180	<i>oxacillin</i>	33
<i>norethindrone acetate</i>	176	ODEFSEY.....	85	<i>oxacillin sodium</i>	33
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	171	ODOMZO.....	70	<i>oxaliplatin</i>	64
NORLYROC.....	176	OFEV.....	210	<i>oxandrolone</i>	172
NORMOSOL-M AND DEXTROSE.....	144	<i>ofloxacin</i>	36	<i>oxazepam</i>	94
NORMOSOL-R AND DEXTROSE.....	144	OGESTREL.....	172	<i>oxcarbazepine</i>	43
NORMOSOL-R PH 7.4.....	138	OGIVRI.....	64	OXERVATE.....	198
		<i>olanzapine</i>	80	<i>oxiconazole nitrate</i>	54
		<i>olanzapine odt</i>	81	OXISTAT.....	54
		<i>olanzapine-fluoxetine hcl</i>	45	<i>oxybutynin chloride</i>	155
		<i>olmesartan medoxomil</i>	108	<i>oxybutynin chloride er</i>	155
				<i>oxycodone hcl</i>	22

<i>oxycodone hcl er</i>	21	PENTASA.....	194	<i>polymyxin b sul-</i>	
<i>oxycodone hcl-aspirin</i>	19	<i>pentoxifylline</i>	117	<i>trimethoprim</i>	197
<i>oxycodone-acetaminophen</i> ..	19	<i>perindopril erbumine</i>	109	<i>polymyxin b sulfate</i>	29
OXYCONTIN.....	21	<i>permethrin</i>	75	<i>polyvinyl alcohol 1.4 %</i>	
<i>oxymorphone hcl</i>	23	<i>permethrin 1 % liquid</i>	75	<i>drops</i>	197
<i>oxymorphone hcl er</i>	21,22	<i>perphenazine</i>	78	<i>polyvinyl alcohol 1.4 %</i>	
OXYTROL.....	155	<i>perphenazine-amitriptyline</i> ..	45	<i>ophthalmic drops</i>	197
		PERTZYE.....	148,154	POMALYST.....	60
		<i>phenelzine sulfate</i>	46	PORTIA.....	172
<i>paliperidone er</i>	81	<i>phenobarbital</i>	40	<i>posaconazole</i>	54
<i>palonosetron hcl</i>	50	<i>phenoxybenzamine hcl</i>	107	<i>potassium chl-normal</i>	
PALYNZIQ.....	153	<i>phentermine hcl 15 mg</i>		<i>saline</i>	139
<i>pamidronate disodium</i>	195	<i>capsule</i>	125	<i>potassium chloride</i>	139,145
PANCREAZE.....	153	<i>phentermine hcl 30 mg</i>		<i>potassium chloride in d5lr</i> ..	144
PANRETIN.....	73	<i>capsule</i>	125	<i>potassium chloride proamp</i> .	139
<i>pantoprazole sodium</i>	152	PHENYTEK.....	43	<i>potassium chloride-nacl</i>	139
PANZYGA.....	188	<i>phenytoin</i>	43	<i>potassium chloride-water</i> ...	145
<i>paricalcitol</i>	195	<i>phenytoin sodium extended</i> ..	43	<i>potassium citrate er</i>	139
<i>paromomycin sulfate</i>	26	PHOSPHOLINE IODIDE...	201	PRADAXA.....	104
<i>paroxetine hcl</i>	48	<i>phytonadione (vit k1) 5 mg</i>		PRALUENT PEN.....	120
PASER.....	58	<i>tablet</i>	145	<i>pramipexole dihydrochloride</i> .	76
PAXIL.....	48	PIFELTRO.....	85	<i>prasugrel hcl</i>	107
PAZEO.....	199	<i>pilocarpine hcl</i>	127,201	<i>pravastatin sodium</i>	119
PEDIARIX.....	188	<i>pimecrolimus</i>	132	<i>praziquantel</i>	73
PEDVAXHIB.....	191	<i>pimozide</i>	78	<i>prazosin hcl</i>	108
<i>peg 3350-electrolyte</i>	148	PIMTREA.....	172	PRED MILD.....	200
<i>peg-3350 and electrolytes</i> ..	148	<i>pindolol</i>	111	PRED-G.....	197
PEGANONE.....	43	<i>pioglitazone hcl</i>	96	<i>prednicarbate</i>	132,133
PEGASYS.....	90	<i>piperacillin-tazobactam</i> ...	28,34	<i>prednisolone</i>	159
PEGASYS PROCLICK.....	90	<i>piperonyl butoxide/pyrethrins</i>		<i>prednisolone acetate</i>	200
<i>penicillin g potassium</i>	33	<i>4%-0.33% shampoo</i>	132	<i>prednisolone sodium phos</i>	
<i>penicillin g procaine</i>	33	PIQRAY.....	64	<i>odt</i>	159
<i>penicillin g sodium</i>	33	PIRMELLA.....	172	<i>prednisolone sodium</i>	
<i>penicillin gk-iso-osm</i>		<i>piroxicam</i>	20	<i>phosphate</i>	159,201
<i>dextrose</i>	33	PLASMA-LYTE 148.....	139	<i>prednisone</i>	159
<i>penicillin v potassium</i>	34	PLASMA-LYTE A PH 7.4...	139	PREDNISONE INTENSOL.....	159
PENNSAID.....	20	PLEGRIDY.....	126	PREFEST.....	172
PENTACEL ACTHIB		PLEGRIDY PEN.....	126	<i>pregabalin</i>	38,39
COMPONENT.....	191	PLENAMINE.....	154	PREMARIN.....	164
PENTAM 300.....	74	<i>podofilox</i>	132	PREMASOL.....	145
<i>pentamidine isethionate</i>	74			PREMPHASE.....	172

PREMPRO.....	172	propranolol-	quinidine gluconate.....	110
prenatal tablet.....	145	hydrochlorothiazid.....	quinidine sulfate.....	110
prenatal vitamin with minerals		propylene glycol/peg 400/pf 0.3	quinine sulfate.....	75
and folic acid greater than 0.8		%-0.4% dropperette.....	QVAR REDIHALER.....	204
mg oral tablet.....	145	propylthiouracil.....		
PREVIFEM.....	172	PROQUAD.....	R	
PREVYMIS.....	89	PROSOL.....	RABAVERT.....	191
PREZCOBIX.....	89	protriptyline hcl.....	rabeprazole sodium.....	152
PREZISTA.....	89	PROVENTIL HFA.....	raloxifene hcl.....	176
PRIFTIN.....	58	pseudoephedrine hcl 30 mg	ramelteon.....	214
primaquine.....	75	tablet.....	ramipril.....	109
primidone.....	40	pseudoephedrine hcl 30 mg/5	RANEXA.....	117
PRIVIGEN.....	188	ml liquid.....	ranitidine hcl.....	148,150
PROAIR HFA.....	207	pseudoephedrine hcl 60 mg	ranolazine er.....	117
PROAIR RESPICLICK.....	207	tablet.....	RAPAMUNE.....	185
probenecid.....	55	psyllium husk/aspartame	rasagiline mesylate.....	77
probenecid-colchicine.....	55	3.4g/5.8g powder.....	RAVICTI.....	154
PROCALAMINE.....	145	PULMICORT FLEXHALER.....	RAYALDEE.....	195
prochlorperazine.....	50	PULMOZYME.....	REBIF.....	126
prochlorperazine maleate.....	50	PURIXAN.....	REBIF REBIDOSE.....	127
PROCRT.....	105	pyrantel pamoate 50 mg/ml oral	RECLIPSEN.....	173
PROCTO-MED HC.....	133	susp.....	RECOMBIVAX HB.....	188,191
PROCTOSOL-HC.....	133	pyrazinamide.....	RECTIV.....	122
PROCTOZONE-HC.....	133	pyridostigmine bromide.....	REGRANEX.....	133
progesterone.....	176	pyridostigmine bromide er.....	RELENZA.....	91
PROGLYCEM.....	99	pyridoxine hcl (vitamin b6) 100	RELISTOR.....	149
PROGRAF.....	185	mg tablet.....	REMICADE.....	185
PROLASTIN C.....	154	pyridoxine hcl (vitamin b6) 25	RENAGEL.....	157
PROLIA.....	195	mg tablet.....	RENFLEXIS.....	188
PROMACTA.....	106	pyridoxine hcl (vitamin b6) 50	repaglinide.....	97
promethazine hcl.....	50	mg tablet.....	REPATHA PUSHTRONEX.....	121
promethazine hcl/codeine 6.25-			REPATHA SURECLICK.....	120
10/5 syrup.....	211	Q	REPATHA SYRINGE.....	120
promethazine/dextromethorpha		QBREXZA.....	RESCRIPTOR.....	85
n 6.25-15/5 syrup.....	211	QUADRACEL DTAP-IPV.....	RESPIRATORY	
promethazine/phenyleph/codei		QUARTETTE.....	TRACT/PULMONARY	
ne 6.25-5-10 syrup.....	211	quetiapine fumarate.....	AGENTS.....	203
propafenone hcl.....	110	quetiapine fumarate er.....	RESTASIS.....	198
propafenone hcl er.....	110	quinapril hcl.....	RESTASIS MULTIDOSE.....	198
propranolol hcl.....	111	quinapril-	RETACRIT.....	106
propranolol hcl er.....	111	hydrochlorothiazide.....	REVATIO.....	209

REVLIMID.....	60	SAPHRIS.....	82	SLYND.....	173
REXULTI.....	81	SAVELLA.....	125	sod borate/boric ac/water/nacl	
REYATAZ.....	89	scopolamine.....	51	irrig soln.....	197
ribavirin.....	90	SEASONIQUE.....	173	sodium bicarbonate 325 mg	
riboflavin (vitamin b2) 50 mg		SEGLUROMET.....	98	tablet.....	148
tablet.....	146	selegiline hcl.....	76,77	sodium bicarbonate 650 mg	
RIDAURA.....	189	selenium sulfide.....	133	tablet.....	148
rifabutin.....	58	selenium sulfide 1 %		sodium chloride.....	139,146
RIFAMATE.....	58	shampoo.....	133	sodium chloride 0.65 %	
rifampin.....	58	SELZENTRY.....	87	spray.....	211
RIFATER.....	59	sennosides 8.6 mg tablet...	151	sodium chloride 5 % drops.	198
riluzole.....	125	SENSIPAR.....	157	sodium chloride-water.....	140
rimantadine hcl.....	91	SEREVENT DISKUS.....	207	sodium fluoride 2.2 mg (fluoride	
ringers injection.....	146	SEROSTIM.....	149	ion 1 mg) oral tablet.....	146
ringers irrigation.....	146	sertraline hcl.....	48	sodium lactate.....	146
RISPERDAL CONSTA.....	81	SETLAKIN.....	173	sodium phenylbutyrate.....	154
risperidone.....	81,82	sevelamer carbonate.....	157	sodium polystyrene	
risperidone odt.....	82	sevelamer hcl.....	157	sulfonate.....	136
ritonavir.....	89	SHAROBEL.....	176	sodium sulfacetamide.....	36
RITUXAN.....	65	SHINGRIX.....	192	sodium,potassium phosphates	
rivastigmine.....	44	SIGNIFOR.....	180	280-250 mg oral powder	
RIVELSA.....	173	sildenafil.....	209	packets.....	136
rizatriptan.....	56	sildenafil citrate.....	209	sofosbuvir-velpatasvir.....	91
ropinirole hcl.....	76	SILIQ.....	185	solifenacin succinate.....	155
rosuvastatin calcium.....	119	SILVADENE.....	36	SOLQUA 100-33.....	98
ROTARIX.....	192	silver sulfadiazine.....	36	SOLOSEC.....	29
ROTATEQ.....	192	simethicone 80 mg tab		SOLTAMOX.....	61
ROZEREM.....	214	chew.....	148	SOLU-MEDROL.....	179
ROZLYTREK.....	65	SIMLIYA.....	173	SOMATULINE DEPOT.....	180
RUBRACA.....	65	SIMPESSE.....	173	SOMAVERT.....	180
RYDAPT.....	71	SIMPONI.....	185	sotalol.....	110
		simvastatin.....	119	sotalol af.....	110
		sirolimus.....	185	SOVALDI.....	91
S		SIRTURO.....	59	SPIRIVA.....	205
SABRIL.....	40	SIVEXTRO.....	29	SPIRIVA RESPIMAT.....	205
SAFYRAL.....	173	SKELETAL MUSCLE		spironolactone.....	118
SAIZEN.....	161	RELAXANTS.....	213	spironolactone-hctz.....	116
SAIZEN-SAIZENPREP.....	161	SKYRIZI (2 SYRINGES)		SPORANOX.....	54
SANDIMMUNE.....	185	KIT.....	186	SPRAVATO.....	46
SANDOSTATIN LAR		SLEEP DISORDER		SPRINTEC.....	173
DEPOT.....	161	AGENTS.....	214	SPRITAM.....	38
SANTYL.....	133				

SPRYCEL.....	71	SYNJARDY.....	99	<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>	90
SPS.....	136	SYNJARDY XR.....	99	<i>terazosin hcl</i>	108
SRONYX.....	173	SYNRIBO.....	65	<i>terbinafine hcl</i>	54
SSD.....	36	SYNTHROID.....	177	<i>terconazole</i>	55
<i>stavudine</i>	86	T		<i>testosterone</i>	162
STEGLATRO.....	98			<i>testosterone cypionate</i>	162
STEGLUJAN.....	99	TABLOID.....	61	<i>testosterone enanthate</i>	162
STELARA.....	133	<i>tacrolimus</i>	133,186	<i>tetanus diphtheria toxoids</i> ..	192
STIOLTO RESPIMAT.....	213	<i>tadalafil</i>	209	<i>tetrabenazine</i>	125
STIVARGA.....	71	TAFINLAR.....	71	<i>tetracycline hcl</i>	37
<i>streptomycin sulfate</i>	26	TAGRISSE.....	71	THALOMID.....	61
STRIBILD.....	84	TAKHZYRO.....	182	<i>theophylline</i>	208
STRIVERDI RESPIMAT.....	207	TALTZ AUTOINJECTOR... 134		<i>theophylline anhydrous</i>	208
<i>sucalfate</i>	151	TALTZ AUTOINJECTOR (2		<i>thiamine hcl 50 mg tablet</i> ... 146	
<i>sulfacetamide sodium</i>	36	PACK).....	133	<i>thioridazine hcl</i>	78
<i>sulfacetamide-prednisolone</i>	198	TALTZ AUTOINJECTOR (3		<i>thiothixene</i>	79
<i>sulfadiazine</i>	36	PACK).....	133	<i>tiagabine hcl</i>	41
<i>sulfamethoxazole-</i>		TALTZ SYRINGE.....	134	TIBSOVO.....	65
<i>trimethoprim</i>	36	TALTZ SYRINGE (2 PACK) 134		<i>tigecycline</i>	29
SULFAMYLON.....	29	TALTZ SYRINGE (3 PACK) 134		TIGLUTIK.....	125
<i>sulfasalazine</i>	194	TALZENNA.....	65	<i>timolol maleate</i>	111,202
<i>sulfasalazine dr</i>	194	<i>tamoxifen citrate</i>	61	<i>tinidazole</i>	30
<i>sulindac</i>	20	<i>tamsulosin hcl</i>	156	TIROSINT.....	178
<i>sumatriptan</i>	57	TARCEVA.....	71	TIROSINT-SOL.....	178
<i>sumatriptan succinate</i>	57	TARGRETIN.....	73	TIVICAY.....	84
SUPPLIES.....	215	TARINA 24 FE.....	173	<i>tizanidine hcl</i>	83
SUPRAX.....	31	TARINA FE.....	173	TOBI PODHALER.....	208
SUPREP.....	151	TASIGNA.....	71	TOBRADEX.....	26
SUTENT.....	71	TAVALISSE.....	186	TOBRADEX ST.....	198
SYEDA.....	173	<i>tazarotene</i>	134	<i>tobramycin</i>	26,208
SYLATRON.....	90	TAZORAC.....	134	<i>tobramycin sulfate</i>	26
SYMBICORT.....	211	TAZTIA XT.....	113	<i>tobramycin-</i>	
SYMDEKO.....	208	<i>tdvax</i>	192	<i>dexamethasone</i>	198
SYMFI.....	87	TECENTRIQ.....	67	TOBREX.....	26
SYMFI LO.....	87	TECFIDERA.....	127	<i>tolbutamide</i>	97
SYMLINPEN 120.....	97	TEFLARO.....	31	<i>tolcapone</i>	76
SYMLINPEN 60.....	97	TEGSEDI.....	125	<i>tolnaftate 1% cream</i>	134
SYMPAZAN.....	41	<i>telmisartan</i>	108	<i>tolterodine tartrate</i>	155
SYMTUZA.....	87	<i>temazepam</i>	214	<i>tolterodine tartrate er</i>	155
SYNAREL.....	181	TEMIXYS.....	88	<i>topiramate</i>	42
SYNDROS.....	52	TENIVAC.....	192	<i>toremifene citrate</i>	61

<i>torsemide</i>	118	<i>triamterene-</i>	<i>urine glucose-acet test strip</i>	215	
TOUJEO MAX SOLOSTAR.....	102	<i>hydrochlorothiazid</i>	116	<i>ursodiol</i>	149
TOUJEO SOLOSTAR.....	102	<i>triazolam</i>	214		
TOVIAZ.....	155	<i>trientine hcl</i>	136		
TPN ELECTROLYTES.....	146	<i>trifluoperazine hcl</i>	79	VABOMERE.....	32
TPN ELECTROLYTES II.....	146	<i>trifluridine</i>	92	<i>valacyclovir</i>	92
TRACLEER.....	209	<i>trihexyphenidyl hcl</i>	75	VALCHLOR.....	59
TRADJENTA.....	97	TRILYTE WITH FLAVOR		<i>valganciclovir hcl</i>	89,92
<i>tramadol hcl</i>	23	PACKETS.....	148	<i>valproic acid</i>	41
<i>trandolapril</i>	109	<i>trimethobenzamide hcl</i>	51	<i>valsartan</i>	108
<i>tranexamic acid</i>	106	<i>trimethoprim</i>	30	<i>valsartan-</i>	
TRANSDERM-SCOP.....	51	<i>trimipramine maleate</i>	50	<i>hydrochlorothiazide</i>	116
<i>tranylcypromine sulfate</i>	46	TRINTELLIX.....	48	<i>vancomycin hcl</i>	28,30
TRAVASOL.....	146	<i>triprolidine/pseudoephedrine</i>		VAQTA.....	192
TRAVATAN Z.....	202	<i>2.5mg-60mg tablet</i>	205	VARIVAX VACCINE.....	193
<i>trazodone hcl</i>	48	TRIUMEQ.....	92	VARIZIG.....	193
TRECTOR.....	59	TRIVORA-28.....	174	VASCEPA.....	121
TRELEGY ELLIPTA.....	211	TROPHAMINE.....	146	VELCADE.....	65
TRELSTAR.....	181	<i>tropium chloride</i>	155	VELIVET.....	174
TREMFYA.....	186	<i>tropium chloride er</i>	156	VEMLIDY.....	93
TRESIBA.....	102	TRULANCE.....	150	VENCLEXTA.....	72
TRESIBA FLEXTOUCH U-		TRUMENBA.....	192	VENCLEXTA STARTING	
100.....	102	TRUVADA.....	86	PACK.....	72
TRESIBA FLEXTOUCH U-		TUDORZA PRESSAIR 400		<i>venlafaxine hcl</i>	48
200.....	102	MCG INH (30		<i>venlafaxine hcl er</i>	48,49
<i>tretinoin</i>	73,134	ACTUATIONS).....	205	VENOFER.....	136
TRI-ESTARYLLA.....	173	TUDORZA PRESSAIR 400		VENTAVIS.....	210
TRI-LEGEST FE.....	173	MCG INH (60		VENTOLIN HFA.....	207
TRI-LO-ESTARYLLA.....	174	ACTUATIONS).....	206	<i>verapamil er</i>	113
TRI-LO-MILI.....	174	TWINRIX.....	192	<i>verapamil er pm</i>	113
TRI-LO-SPRINTEC.....	174	TYBOST.....	88	<i>verapamil hcl</i>	113
TRI-MILI.....	174	TYDEMY.....	174	<i>verapamil sr</i>	113
TRI-PREVIFEM.....	174	TYKERB.....	71	VERSACLOZ.....	83
TRI-SPRINTEC.....	174	TYMLOS.....	196	VERZENIO.....	65
TRI-VYLIBRA.....	174	TYPHIM VI.....	192	VESICARE.....	156
TRI-VYLIBRA LO.....	174			VIBERZI.....	150
<i>triamcinolone</i>				VIBRAMYCIN.....	37
<i>acetonide</i>	127,134	UDENYCA.....	106	VIDEX.....	86
<i>triamcinolone acetonide 55 mcg</i>		UNCATEGORIZED.....	216	VIDEX EC.....	86
<i>spray</i>	204	UNITHROID.....	178	VIEKIRA PAK.....	91
		UPTRAVI.....	209	VIENVA.....	174

<i>vigabatrin</i>	41	XPOVIO.....	66	ZOVIRAX.....	92
VIGADRONE.....	41	XTANDI.....	60	ZUMANDIMINE.....	175
VIIBRYD.....	49	XULANE.....	174	ZURAMPIC.....	55
VIMPAT.....	43	XYREM.....	214	ZYDELIG.....	72
VIOKACE.....	148	Y		ZYKADIA.....	72
VIRACEPT.....	89			ZYPREXA RELPREVV.....	82
VIRAMUNE.....	85	YASMIN 28.....	174	ZYTIGA.....	60
VIREAD.....	90	YAZ.....	175		
<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet)</i>		YF-VAX.....	193		
<i>200 unit capsule</i>	146	YONSA.....	60		
VITRAKVI.....	65,66	YUVAFEM.....	175		
VIVITROL.....	24	Z			
VIZIMPRO.....	66				
<i>voriconazole</i>	55	<i>zafirlukast</i>	205		
VOSEVI.....	91	<i>zaleplon</i>	214		
VOTRIENT.....	72	ZARAH.....	175		
VRAYLAR.....	82	ZARXIO.....	106		
VYFEMLA.....	174	ZEJULA.....	72		
VYLIBRA.....	174	ZELAPAR.....	77		
VYNDAQEL.....	117	ZELBORAF.....	72		
W		ZEMAIRA.....	154		
		ZENATANE.....	134		
<i>warfarin sodium</i>	104	ZENPEP.....	154		
WELCHOL.....	97	ZEPATIER.....	91		
WIXELA INHUB.....	211	ZERBAXA.....	31		
WYMZYA FE.....	174	<i>zidovudine</i>	86		
X		<i>ziprasidone hcl</i>	82		
		ZIRGAN.....	89		
XALKORI.....	72	<i>zoledronic acid</i>	196		
XARELTO.....	104	ZOLINZA.....	67		
XATMEP.....	186	<i>zolmitriptan</i>	57		
XELJANZ.....	186	<i>zolmitriptan odt</i>	57		
XELJANZ XR.....	186	<i>zolpidem tartrate</i>	214		
XEMBIFY.....	188	ZOMACTON.....	161		
XERMELO.....	149	ZOMETA.....	196		
XGEVA.....	196	<i>zonisamide</i>	39		
XIFAXAN.....	30	ZONTIVITY.....	104		
XIIDRA.....	198	ZORBTIVE.....	149		
XOFLUZA.....	213	ZORTRESS.....	186		
XOLAIR.....	213	ZOSTAVAX.....	193		
XOSPATA.....	72	ZOVIA 1-35E.....	175		

Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect

Cách Thức	Văn Phòng Dịch Vụ – Thông Tin Liên Lạc
ĐIỆN THOẠI	1-855-705-8823 Các cuộc gọi cho số này miễn phí. Quý vị có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Văn Phòng Dịch Vụ cũng có dịch vụ thông dịch miễn phí cho các thành viên không nói tiếng Anh.
TTY	1-800-735-2929 Các cuộc gọi cho số này miễn phí. Quý vị có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.
FAX	1-714-246-8711
VIẾT THƯ	OneCare Connect Attention: Customer Service 505 City Parkway West Orange, CA 92868
EMAIL	OneCareConnectCS@caloptima.org
TRANG MẠNG	www.caloptima.org/onecareconnect